

Số: 1440/QĐ-ĐHV

Nghệ An, ngày 17 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng đại học hệ chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Căn cứ Luật Giáo dục; Luật Giáo dục Đại học và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường ĐHSP Vinh thành Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT;

Căn cứ Quyết định số 22/2001/QĐ-BGDĐT ngày 26/6/2001 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đào tạo để cấp bằng tốt nghiệp đại học thứ hai;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐT ngày 12/5/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Vinh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Kết luận của Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp đại học hệ chính quy của Trường Đại học Vinh tại phiên họp ngày 10/6/2021;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng đại học hệ chính quy đợt 2 năm 2021 cho 1466 sinh viên (danh sách kèm theo), trong đó:

Stt	Ngành tốt nghiệp	Số lượng
1.	Báo chí	19
2.	Chăn nuôi	2
3.	Chính trị học	6
4.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	16
5.	Công nghệ sinh học	4
6.	Công nghệ thông tin	33
7.	Công nghệ thực phẩm	3
8.	Công tác xã hội	10
9.	Giáo dục chính trị	2
10.	Giáo dục mầm non	109
11.	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	14

Stt	Ngành tốt nghiệp	Số lượng
12.	Giáo dục tiểu học	95
13.	Kế toán	343
14.	Khoa học môi trường	1
15.	Kinh tế	24
16.	Kinh tế nông nghiệp	1
17.	Kỹ thuật điện tử, truyền thông	2
18.	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	13
19.	Kỹ thuật xây dựng	41
20.	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	13
21.	Luật	167
22.	Luật (Văn bằng 2)	1
23.	Luật kinh tế	115
24.	Ngôn ngữ Anh	102
25.	Nông học	2
26.	Nuôi trồng thủy sản	7
27.	Quản lý đất đai	3
28.	Quản lý giáo dục	5
29.	Quản lý tài nguyên và môi trường	6
30.	Quản trị kinh doanh	49
31.	Sư phạm Địa lý	14
32.	Sư phạm Hóa học	6
33.	Sư phạm Lịch sử	4
34.	Sư phạm Ngữ văn	27
35.	Sư phạm Sinh học	3
36.	Sư phạm tiếng Anh	89
37.	Sư phạm Tin học	2
38.	Sư phạm Toán học	47
39.	Sư phạm Vật lý	1
40.	Tài chính - Ngân hàng	40
41.	Việt Nam học	25
	Tổng:	1466

Xếp loại:

- Xuất sắc: 80 sinh viên
- Giỏi: 279 sinh viên
- Khá: 920 sinh viên
- Trung bình: 187 sinh viên

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng các đơn vị: Đào tạo, Công tác chính trị - Học sinh, sinh viên, Kế hoạch - Tài chính, Hành chính Tổng hợp; Trưởng các đơn vị liên quan; Trưởng các khoa, viện và các sinh viên có tên tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *[Handwritten signature]*

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Bộ GD&ĐT (b/c);
- Lưu: HCTH, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG *[Handwritten signature]*

GS.TS! Nguyễn Huy Bằng

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
ĐỢT 2 NĂM 2021 (THÁNG 06/2021)

Kèm theo Quyết định số: 1440/QĐ-ĐHV ngày 17/6/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
1	1755232010100025	TỔNG VĂN	BÍNH	15/05/1997	Nam	Giỏi	Báo chí	
2	1755232010100019	Trần Thị Kim	Chi	24/06/1999	Nữ	Khá	Báo chí	
3	1755232010100004	PHAN VĂN	ĐẠT	03/03/1999	Nam	Khá	Báo chí	
4	1755232010100002	TRẦN THỊ	DUNG	20/06/1999	Nữ	Giỏi	Báo chí	
5	1755232010100027	NGUYỄN ĐẠI	DƯƠNG	30/04/1998	Nam	Giỏi	Báo chí	
6	1755232010100008	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	LÊ	20/10/1999	Nữ	Giỏi	Báo chí	
7	1755232010100024	VƯƠNG ĐÌNH	LINH	10/06/1999	Nam	Khá	Báo chí	
8	1755232010100009	Nguyễn Nhật Thảo	Nguyên	09/04/1999	Nữ	Khá	Báo chí	
9	1755232010100023	PHẠM TRỌNG	NHẬT	30/12/1999	Nam	Khá	Báo chí	
10	1755232010100010	NGUYỄN HỒNG	NHUNG	09/03/1999	Nữ	Giỏi	Báo chí	
11	1755232010100021	PHAN HỒNG	NHUNG	09/10/1999	Nữ	Khá	Báo chí	
12	1755232010100020	NGUYỄN VĂN	THÀNH	27/06/1999	Nam	Khá	Báo chí	
13	1755232010100001	VANG THỊ	THO	24/11/1999	Nữ	Khá	Báo chí	
14	1755232010100007	HỒ VĂN	THỎA	06/11/1999	Nam	Giỏi	Báo chí	
15	1755232010100017	PHẠM ĐỨC	THÔNG	24/08/1998	Nam	Giỏi	Báo chí	
16	1755232010100022	Lương Thị Quỳnh	Trang	10/09/1999	Nữ	Khá	Báo chí	
17	1755232010100012	TRẦN VĂN	TUYÊN	04/03/1998	Nam	Giỏi	Báo chí	
18	145D3201010049	Phạm Thị Liên	Hương	11/10/1996	Nữ	Khá	Báo chí	
19	155D3201010065	DƯƠNG THỊ HOÀI	GIANG	20/06/1997	Nữ	Khá	Báo chí	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
20	1755262010500001	TRƯƠNG THỊ	PHIÊN	03/09/1999	Nữ	Khá	Chăn nuôi	
21	1755262010500009	Phạm Thị Cẩm	Vân	06/03/1999	Nữ	Khá	Chăn nuôi	
22	1755231020100012	MOONG VĂN	BÚN	04/06/1998	Nam	Xuất sắc	Chính trị học	
23	1755222034200008	Lâu Y	Lý	16/02/1999	Nữ	Trung bình	Chính trị học	
24	1755231020140019	Sidavong	Phonepaserd	19/04/1998	Nam	Trung bình	Chính trị học	
25	1755231020100002	LÊ THỊ	QUỲNH	29/03/1999	Nữ	Giỏi	Chính trị học	
26	1755231020100001	Xeo Thị	Sửu	05/06/1998	Nữ	Khá	Chính trị học	
27	1755231020100009	NGUYỄN THỊ	THOẠI	15/07/1999	Nữ	Khá	Chính trị học	
28	165TDV200142	VŨ ĐỨC	ANH	12/11/1998	Nam	Xuất sắc	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	
29	165TDV200441	NGÔ XUÂN	DANH	15/04/1996	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	
30	165TDV200175	PHẠM THÀNH	ĐỒ	15/06/1998	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	
31	165TDV200437	NGUYỄN VĂN	DŨNG	24/09/1997	Nam	Giỏi	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	
32	165TDV200214	TRẦN HỮU	DŨNG	07/05/1996	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	
33	165TDV200011	PHAN VĂN	KHẢI	19/12/1997	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	
34	165TDV200156	KIỀU ANH	LƯU	20/12/1998	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	
35	165TDV200040	NGUYỄN NHO	MẬU	22/07/1998	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	
36	165TDV200046	NGUYỄN ĐÌNH	QUỲ	19/05/1998	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	
37	165TDV200007	LỘC VĂN	QUYẾT	23/11/1998	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	
38	165TDV200212	PHAN LỆ	SỸ	11/08/1998	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	
39	165TDV200220	BIỆN VĂN	TIỀN	02/09/1998	Nam	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	
40	165TDV200497	TRẦN VĂN	TOÀN	13/02/1998	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	
41	165TDV200132	BÙI KHẮC	TÚ	25/07/1998	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	
42	165TDV200224	NGUYỄN HỮU	VĂN	10/06/1997	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	
43	135D5103010026	Nguyễn Văn	Hiếu	14/11/1995	Nam	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	
44	1755242020100004	Nguyễn Thị Phương	Anh	26/08/1999	Nữ	Giỏi	Công nghệ sinh học	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
45	1755242020100002	NGUYỄN THỊ	HẠNH	02/01/1999	Nữ	Giỏi	Công nghệ sinh học	
46	1755242020100006	HOÀNG THỊ	HIỀN	25/09/1999	Nữ	Giỏi	Công nghệ sinh học	
47	1755242020100005	Nguyễn Thị	Thảo	16/07/1999	Nữ	Khá	Công nghệ sinh học	
48	165TDV200192	NGÔ VĂN	DANH	08/07/1997	Nam	Giỏi	Công nghệ thông tin	
49	165TDV200201	DƯƠNG VIỆT	DŨNG	06/03/1998	Nam	Giỏi	Công nghệ thông tin	
50	165TDV200051	THÁI XUÂN	HIỀN	30/06/1998	Nam	Khá	Công nghệ thông tin	
51	165TDV200065	THÁI XUÂN	HIỂU	30/06/1998	Nam	Giỏi	Công nghệ thông tin	
52	165TDV200118	VÕ PHƯỚC	HOÀNG	20/07/1998	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin	
53	165TDV200023	NGUYỄN THỊ	LAN	12/10/1998	Nữ	Khá	Công nghệ thông tin	
54	165TDV200171	TRẦN VĂN	LỘC	02/05/1998	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin	
55	165TDV200141	NGUYỄN THỊ	MAI	27/10/1998	Nữ	Khá	Công nghệ thông tin	
56	165TDV200498	HỒ SĨ	NGHĨA	22/10/1994	Nam	Giỏi	Công nghệ thông tin	
57	165TDV200069	TRẦN THỊ HỒNG	PHƯƠNG	09/10/1998	Nữ	Xuất sắc	Công nghệ thông tin	
58	165TDV200138	LÊ ANH	TÚ	17/06/1998	Nam	Giỏi	Công nghệ thông tin	
59	165TDV200114	NGUYỄN VĂN	CHIẾN	09/09/1998	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin	
60	165TDV200079	HOÀNG VĂN	CÔNG	06/04/1997	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin	
61	165TDV200323	NGUYỄN THỊ	HOÀI	20/08/1998	Nữ	Khá	Công nghệ thông tin	
62	165TDV200173	NGUYỄN DUY	HUY	06/02/1998	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin	
63	165TDV200047	TRƯƠNG AN	NINH	11/04/1998	Nam	Khá	Công nghệ thông tin	
64	165TDV200043	VÕ THỊ	TRÀ	02/12/1998	Nữ	Khá	Công nghệ thông tin	
65	165TDV200131	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	24/10/1998	Nữ	Khá	Công nghệ thông tin	
66	165TDV200475	ĐÔNG THỊ	HIỀN	03/09/1998	Nữ	Khá	Công nghệ thông tin	
67	165TDV200480	NGUYỄN THỊ	LƯƠNG	04/05/1998	Nữ	Xuất sắc	Công nghệ thông tin	
68	165TDV200176	TRẦN ĐỨC	LƯƠNG	01/01/1998	Nam	Khá	Công nghệ thông tin	
69	165TDV200467	TRẦN QUANG	NHẬT	29/08/1998	Nam	Khá	Công nghệ thông tin	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
70	165TDV200073	NGUYỄN VĂN	VƯỢNG	02/03/1998	Nam	Khá	Công nghệ thông tin	
71	135D4802010054	Lê Đình	Quyết	29/09/1994	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin	
72	135D4802010023	Đặng Hải	Nguyên	31/05/1995	Nữ	Trung bình	Công nghệ thông tin	
73	135D4802010004	Hồ Chí	Trung	24/11/1995	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin	
74	135D4802010100	Nguyễn Công	Linh	14/09/1993	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin	
75	145D4802010024	Vũ Thị Nhật	Lệ	18/03/1996	Nữ	Trung bình	Công nghệ thông tin	
76	145D4802010116	Vũ Ngọc	Tài	22/04/1996	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin	
77	155D4802010091	LIÊU TRẦN QUANG	ĐẠT	21/07/1997	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin	
78	155D4802010096	NGUYỄN VĂN	THẾ	08/07/1997	Nam	Khá	Công nghệ thông tin	
79	155D4802010178	NGÔ QUANG	LINH	22/11/1997	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin	
80	155D4802010072	NGUYỄN TIẾN	QUANG	13/01/1997	Nam	Khá	Công nghệ thông tin	
81	135D5401010008	Phạm Ngọc	ánh	02/09/1992	Nam	Trung bình	Công nghệ thực phẩm	
82	155D5401010060	TRẦN THỊ	HIỀN	07/01/1997	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm	
83	155D5401010068	HOÀNG ĐỨC	PHÁP	31/03/1997	Nam	Trung bình	Công nghệ thực phẩm	
84	1755276010100014	Trương Văn	Giáp	16/02/1999	Nam	Khá	Công tác xã hội	
85	1755276010100009	BÙI THỊ	HIỀN	22/03/1999	Nữ	Khá	Công tác xã hội	
86	1755276010100004	NGUYỄN THỊ	HOÀI	18/04/1999	Nữ	Khá	Công tác xã hội	
87	1755276010100021	TRỊNH THỊ	HƯƠNG	12/04/1999	Nữ	Xuất sắc	Công tác xã hội	
88	1755276010100026	Nguyễn Thị	Kiều	12/02/1999	Nữ	Xuất sắc	Công tác xã hội	
89	1755276010100006	ĐINH THẢO	NHI	15/11/1999	Nữ	Khá	Công tác xã hội	
90	1755276010100018	GIÀ BÁ	SÚA	20/12/1999	Nam	Khá	Công tác xã hội	
91	1755222034200004	NGÔ THỊ	TRANG	16/01/1999	Nữ	Khá	Công tác xã hội	
92	1755276010100020	Hoa Trung	Uy	20/11/1999	Nam	Khá	Công tác xã hội	
93	1755276010100029	HỒ THỊ	XINH	10/08/1996	Nữ	Xuất sắc	Công tác xã hội	
94	1755214020510006	ĐẶNG THỊ YẾN	NHI	14/04/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Chính trị	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
95	155D1402051046	TRẦN HỮU ĐỨC	ANH	05/09/1997	Nam	Khá	Giáo dục chính trị	
96	165D14020100196	ĐẬU THỊ LINH	GIANG	15/07/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non	
97	165D14020100142	TRẦN THỊ PHƯƠNG	THẢO	14/04/1998	Nữ	Trung bình	Giáo dục mầm non	
98	165D14020100140	KHA THỊ	HIỀN	17/06/1998	Nữ	Trung bình	Giáo dục mầm non	
99	165D14020100047	LÊ THỊ NGỌC	TRÂM	23/10/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non	
100	165D14020100169	NGUYỄN THỊ	NHƯ	05/02/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non	
101	17552140201VL9010	LÊ THỊ LAN	ANH	04/12/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
102	17552140201VL90018	NGUYỄN NGỌC NGÂN	ANH	22/02/1999	Nữ	Giỏi	Giáo dục Mầm non	
103	17552140201VL9003	NGUYỄN NGỌC TRÂM	ANH	09/07/1999	Nữ	Giỏi	Giáo dục Mầm non	
104	17552140201VL9004	HUỶNH THỊ THU	HÂN	20/12/1999	Nữ	Giỏi	Giáo dục Mầm non	
105	17552140201VL9007	NGUYỄN THỊ YẾN	LINH	03/10/1999	Nữ	Giỏi	Giáo dục Mầm non	
106	17552140201VL9013	TRẦN THỊ CẨM	LOAN	13/12/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
107	17552140201VL9015	NGUYỄN THỊ HỒNG	MUỘI	10/09/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
108	17552140201VL9006	MAI THỊ KIM	NGÂN	07/06/1999	Nữ	Giỏi	Giáo dục Mầm non	
109	17552140201VL9005	NGUYỄN HOÀNG BẢO	NGỌC	04/11/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
110	17552140201VL9014	NGUYỄN THỊ KIỀU	OANH	02/08/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
111	17552140201VL9008	LÊ THỊ CHÚC	PHƯƠNG	13/11/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
112	17552140201VL9016	NGUYỄN THẢO	PHƯƠNG	30/10/1991	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
113	17552140201VL9002	VÕ THỊ HỒNG	THẨM	03/02/1999	Nữ	Giỏi	Giáo dục Mầm non	
114	17552140201VL9011	NGUYỄN MINH	THƯ	02/04/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
115	17552140201VL9001	TẠ THỊ NGỌC	TRÂN	17/12/1999	Nữ	Giỏi	Giáo dục Mầm non	
116	17552140201VL9009	VÕ THỊ HIẾU	XUÂN	04/04/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
117	1755214020110015	ĐINH THỊ LAN	ANH	16/09/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
118	1755214020110103	NGUYỄN QUỲNH	ANH	26/08/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
119	1755214020110097	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	02/05/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
120	1755214020110108	TRẦN THỊ NGỌC	DIỆP	20/03/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
121	1755214020110005	ĐÌNH THỊ NGUYỆT	HẰNG	16/01/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
122	1755214020110052	NGUYỄN THỊ	HẰNG	07/03/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
123	1755214020110091	NGUYỄN THỊ BÍCH	HẰNG	27/10/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
124	1755214020110142	LÔ THỊ	HẢO	07/06/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
125	1755214020110093	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	05/09/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
126	1755214020110086	NGUYỄN THỊ	HỒNG	26/11/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục Mầm non	
127	1755214020110031	TRẦN THỊ	HỒNG	11/08/1999	Nữ	Giỏi	Giáo dục Mầm non	
128	1755214020110137	LÔ THỊ	HƯƠNG	14/11/1999	Nữ	Giỏi	Giáo dục Mầm non	
129	1755214020110138	LÔ THỊ LÝ	HƯƠNG	11/01/1999	Nữ	Xuất sắc	Giáo dục Mầm non	
130	1755214020110148	HỒ THỊ	HUYỀN	30/10/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
131	1755214020110004	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	23/10/1999	Nữ	Giỏi	Giáo dục Mầm non	
132	1755214020110141	PHAN THỊ	HUYỀN	10/09/1999	Nữ	Giỏi	Giáo dục Mầm non	
133	1755214020110036	TRẦN THỊ MINH	HUYỀN	20/01/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
134	1755214020110046	PHẠM THỊ	LIÊN	30/09/1999	Nữ	Xuất sắc	Giáo dục Mầm non	
135	1755214020110006	NGUYỄN THỊ	LỢI	26/05/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
136	1755214020110032	HOÀNG THỊ HƯƠNG	LY	21/02/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
137	1755214020110023	TRẦN THỊ LỆ	MỸ	01/05/1999	Nữ	Xuất sắc	Giáo dục Mầm non	
138	1755214020110055	NGUYỄN THỊ BÍCH	NGỌC	18/04/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
139	1755214020110014	LÊ THỊ	NGUYỆT	20/12/1999	Nữ	Giỏi	Giáo dục Mầm non	
140	1755214020110088	NGUYỄN HÀ	NHI	06/11/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
141	1755214020110027	PHẠM THỊ HẢI	NHƯ	03/09/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
142	1755214020110017	NGUYỄN THỊ KIỀU	OANH	20/08/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
143	1755214020110111	TRẦN THỊ KIM	OANH	09/09/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
144	1755214020110016	BÙI THỊ	QUYÊN	12/07/1999	Nữ	Giỏi	Giáo dục Mầm non	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
145	1755214020110109	LÊ THỊ NGỌC	QUỲNH	20/02/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
146	1755214020110121	PHẠM NHƯ	QUỲNH	27/09/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
147	1755214020110001	HÀ THỊ	THẨM	26/12/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
148	1755214020110056	HOÀNG THỊ MINH	THANH	05/04/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
149	1755214020110012	NGUYỄN THỊ HOÀI	THANH	01/11/1999	Nữ	Giỏi	Giáo dục Mầm non	
150	1755214020110054	ĐOÀN THỊ BÍCH	THẢO	06/12/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
151	1755214020110159	TRẦN THỊ HUYỀN	THƯƠNG	30/09/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
152	1755214020100002	VI THỊ HỒNG	TIẾN	10/02/1999	Nữ	Giỏi	Giáo dục Mầm non	
153	1755214020110061	BIỆN THỊ LINH	TRANG	05/11/1999	Nữ	Xuất sắc	Giáo dục Mầm non	
154	1755214020110158	HỒ THỊ QUỲNH	TRANG	26/07/1998	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
155	1755214020110034	TRẦN THỊ HUYỀN	TRANG	16/04/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
156	1755214020110022	NGUYỄN THỊ THU	UYÊN	01/10/1999	Nữ	Trung bình	Giáo dục Mầm non	
157	1755214020110144	NGUYỄN THỊ TÚ	UYÊN	24/10/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
158	1755214020110019	ĐẶNG THỊ	XUÂN	20/12/1999	Nữ	Giỏi	Giáo dục Mầm non	
159	1755214020110089	CUNG TIỂU	YÊN	01/03/1999	Nữ	Giỏi	Giáo dục Mầm non	
160	1755214020110009	ĐẬU THỊ LAN	ANH	08/10/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
161	1755214020110047	TRẦN THỊ NGỌC	ANH	24/02/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
162	1755214020110115	SÂM THÙY	DUNG	24/12/1999	Nữ	Giỏi	Giáo dục Mầm non	
163	1755214020110122	NGÔ THỊ CHÂU	GIANG	03/01/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
164	1755214020110065	ĐINH THỊ	HÀ	18/05/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
165	1755214020110139	NGUYỄN THỊ	HẰNG	22/04/1999	Nữ	Giỏi	Giáo dục Mầm non	
166	1755214020110070	NGUYỄN THỊ MỸ	HẠNH	01/07/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
167	1755214020110041	TRỊNH THỊ	HẠNH	30/03/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
168	1755214020110028	TRẦN THỊ THU	HIỀN	05/12/1999	Nữ	Xuất sắc	Giáo dục Mầm non	
169	1755214020110044	ĐÀO THỊ	HÒA	02/03/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
170	1755214020110090	NGUYỄN THỊ	HÒA	15/11/1999	Nữ	Giỏi	Giáo dục Mầm non	
171	1755214020110077	NGUYỄN THỊ	HỒNG	12/11/1999	Nữ	Giỏi	Giáo dục Mầm non	
172	1755214020110101	TRẦN THỊ	HỒNG	23/01/1999	Nữ	Xuất sắc	Giáo dục Mầm non	
173	1755214020110040	BÙI THỊ LAN	HƯƠNG	04/08/1999	Nữ	Giỏi	Giáo dục Mầm non	
174	1755214020110079	VY THỊ	HUYỀN	09/09/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
175	1755214020110147	KIM THỊ	KỶ	22/02/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
176	1755214020110060	NGUYỄN THỊ	LINH	28/07/1999	Nữ	Giỏi	Giáo dục Mầm non	
177	1755214020110094	TRẦN DIỆP	LINH	20/11/1998	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
178	1755214020110110	PHẠM THỊ	LOAN	25/03/1999	Nữ	Giỏi	Giáo dục Mầm non	
179	1755214020110114	PHẠM THỊ NGỌC	LY	22/11/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
180	1755214020110102	LÊ THỊ HẰNG	MƠ	17/04/1998	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
181	1755214020110057	LÊ THỊ TRÀ	MY	20/09/1999	Nữ	Xuất sắc	Giáo dục Mầm non	
182	1755214020110030	NGÔ THỊ TRÀ	MY	16/08/1999	Nữ	Giỏi	Giáo dục Mầm non	
183	1755214020110087	TRẦN THỊ	MỸ	01/04/1999	Nữ	Giỏi	Giáo dục Mầm non	
184	1755214020110067	NGUYỄN THỊ	NGỌC	28/10/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
185	1755214020110104	ĐÀO NGỌC	NHUNG	17/07/1999	Nữ	Giỏi	Giáo dục Mầm non	
186	1755214020110157	ĐẶNG THỊ KIM	OANH	10/05/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục Mầm non	
187	1755214020110063	ĐẶNG THỊ	QUỲNH	30/06/1999	Nữ	Giỏi	Giáo dục Mầm non	
188	1755214020110062	PHẠM THỊ NGỌC	SƯƠNG	01/11/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
189	1755214020110007	LÊ THỊ ANH	THẢO	19/09/1999	Nữ	Giỏi	Giáo dục Mầm non	
190	1755214020110127	LƯƠNG THỊ	THẢO	08/02/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
191	1755214020110038	NGUYỄN THỊ MAI	THẢO	14/10/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
192	1755214020110037	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	14/10/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
193	1755214020110105	BÙI THỊ THU	THÙY	02/09/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
194	1755214020110074	HOÀNG BÉ	THÙY	28/06/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
195	1755214020110095	NGUYỄN THỊ CHUNG	TÌNH	09/01/1999	Nữ	Giỏi	Giáo dục Mầm non	
196	1755214020110049	NGÔ THỊ	TRÂM	02/08/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
197	1755214020110128	NGUYỄN THỊ	TRÂM	10/06/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
198	1755214020110123	NGUYỄN THỊ MINH	TRANG	24/04/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
199	1755214020110082	VI THỊ THÙY	TRANG	14/03/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
200	1755214020110043	LÊ THỊ CẨM	TÚ	13/04/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
201	1755214020110119	TRỊNH HÀ	UYÊN	01/11/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
202	1755214020110084	HỒ THÚY	VÂN	05/01/1999	Nữ	Giỏi	Giáo dục Mầm non	
203	1755214020110073	THÁI THỊ HỒNG	VÂN	11/10/1999	Nữ	Giỏi	Giáo dục Mầm non	
204	155D1402010004	Lê Thanh	Huyền	20/05/1996	Nữ	Trung bình	Giáo dục mầm non	
205	1755214020810006	CAO MINH	CÔNG	26/03/1999	Nam	Khá	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	
206	1755214020810011	PHẠM CAO	ĐỨC	10/06/1999	Nam	Khá	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	
207	1755214020810012	PHẠM THỊ THÙY	DUNG	19/07/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	
208	1755214020810004	NGUYỄN NGỌC	DUY	31/05/1999	Nam	Giỏi	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	
209	1755214020810014	LÔ VĂN	HẬU	14/09/1999	Nam	Khá	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	
210	1755214020810016	Thái Thị Thu	Hiền	27/12/1999	Nữ	Xuất sắc	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	
211	1755214020810002	LANG MINH	HIẾU	16/08/1999	Nam	Khá	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	
212	1755214020810015	NGUYỄN KHẮC	HOÀNG	14/09/1999	Nam	Khá	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	
213	1755214020840019	Seebouathong	Khaikham	05/04/1996	Nữ	Khá	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	
214	1755214020840018	Phetsanouphon	Khankham	17/08/1998	Nữ	Khá	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	
215	1755214020810007	TRẦN HỒ CÔNG	LINH	17/05/1999	Nam	Khá	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	
216	1755214020810001	BÙI ĐỨC	NGUYỄN	01/06/1999	Nam	Khá	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	
217	1755214020810005	SƠN THỊ XÀ	PHE	01/01/1997	Nữ	Xuất sắc	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	
218	1755214020810013	NGUYỄN THỊ HOÀNG	SA	13/11/1999	Nữ	Giỏi	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	
219	165TDV600118	NGUYỄN THỊ	THÚY	20/10/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục tiểu học	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
220	155D1402020020	Lô Thị Thu	Uyên	12/11/1996	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học	
221	165TDV600015	HÀ VĂN	LỘC	07/04/1998	Nam	Khá	Giáo dục tiểu học	
222	165TDV600156	LƯƠNG THỊ	UYÊN	10/10/1997	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học	
223	165TDV610381	LƯƠNG THỊ	CHI	03/04/1997	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học	
224	1755214020210070	PHAN THỊ	ÂN	16/09/1999	Nữ	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
225	1755214020210019	DƯ THỊ PHƯƠNG	ANH	01/09/1999	Nữ	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
226	1755214020210044	VI THỊ HỒNG	ANH	14/10/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Tiểu học	
227	1755214020210129	XÔNG BÁ	BÀI	10/02/1998	Nam	Khá	Giáo dục Tiểu học	
228	1755214020210041	THÁI NGUYỄN MINH	CHÂU	18/04/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Tiểu học	
229	1755214020210125	LÊ HỒNG	CHIẾN	20/04/1999	Nam	Khá	Giáo dục Tiểu học	
230	1755214020210042	NGUYỄN THỊ THU	DUNG	10/10/1999	Nữ	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
231	1755214020210124	LÊ THỊ	DUYÊN	02/07/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Tiểu học	
232	1755214020210123	VÕ THỊ	HÀ	02/11/1999	Nữ	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
233	1755214020210106	VI THỊ THANH	HẰNG	30/11/1999	Nữ	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
234	1755214020210063	LỮ THỊ	HẠNH	09/01/1999	Nữ	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
235	1755214020210048	LỮ THỊ	HIỀN	19/04/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Tiểu học	
236	1755214020210039	LANG THỊ THU	HOÀI	07/09/1999	Nữ	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
237	1755214020210015	VI THỊ KIM	HƯƠNG	08/03/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Tiểu học	
238	1755214020210049	ĐẶNG THỊ KHÁNH	HUYỀN	27/10/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Tiểu học	
239	1755214020210056	KHA THỊ HUYỀN	LÊ	07/04/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Tiểu học	
240	1755214020210050	SÂM THỊ HỒNG	LINH	20/12/1999	Nữ	Xuất sắc	Giáo dục Tiểu học	
241	1755214020210034	TRẦN VIỆT	LINH	04/03/1999	Nữ	Xuất sắc	Giáo dục Tiểu học	
242	1755214020210045	LÊ THỊ	MAI	27/09/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Tiểu học	
243	1755214020210026	LÊ HỒNG	NGỌC	19/10/1999	Nữ	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
244	1755214020210001	KHA THỊ THẢO	NGUYỄN	09/12/1999	Nữ	Xuất sắc	Giáo dục Tiểu học	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
245	1755214020210002	NGUYỄN THỊ TUYẾT	NHI	24/03/1999	Nữ	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
246	1755214020210025	KHA THỊ	NHƯ	31/08/1999	Nữ	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
247	1755214020210012	LÊ THỊ CẨM	NHUNG	02/03/1999	Nữ	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
248	1755214020210038	NGUYỄN THỊ	OANH	27/02/1999	Nữ	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
249	1755214020210020	HỒ THỊ HOÀI	PHƯƠNG	09/03/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Tiểu học	
250	1755214020210028	HOÀNG THỊ CÚC	PHƯƠNG	24/01/1999	Nữ	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
251	1755214020210006	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	13/02/1999	Nữ	Xuất sắc	Giáo dục Tiểu học	
252	1755214020210031	NGUYỄN THỊ	QUỲNH	19/01/1999	Nữ	Xuất sắc	Giáo dục Tiểu học	
253	1755214020210062	VI THỊ	SUONG	19/10/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Tiểu học	
254	1755214020210033	RMAH	THOM	26/03/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Tiểu học	
255	1755214020210065	PHAN MINH	THUẬN	06/03/1999	Nữ	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
256	1755214020210013	PHAN THỊ	THƯƠNG	29/09/1999	Nữ	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
257	1755214020210053	ĐÌNH THỊ HÀ	TRANG	12/10/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Tiểu học	
258	1755214020210069	LÔ THỊ VÂN	TRINH	10/03/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Tiểu học	
259	1755214020210024	NGUYỄN THỊ MỸ	UYÊN	13/03/1999	Nữ	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
260	1755214020210017	NGUYỄN LAN	Ý	20/06/1999	Nữ	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
261	1755214020210035	TRẦN THỊ HẢI	YÊN	13/06/1999	Nữ	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
262	1755214020210005	TRƯƠNG THỊ	YÊN	23/10/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Tiểu học	
263	1755214020210096	NGUYỄN THỊ TƯỜNG	AN	12/10/1999	Nữ	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
264	1755214020210107	HỒ THỊ NGỌC	ANH	25/02/1999	Nữ	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
265	1755214020210060	NGUYỄN NGỌC	ÁNH	02/09/1999	Nữ	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
266	1755214020210057	HỒ THỊ LINH	CHI	01/10/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Tiểu học	
267	1755214020210113	VI VĂN	ĐẠT	04/01/1998	Nam	Khá	Giáo dục Tiểu học	
268	1755214020210073	PHẠM NHƯ	DUYÊN	12/08/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Tiểu học	
269	1755214020210102	NGUYỄN THỊ HÀ	GIANG	02/01/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Tiểu học	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
270	1755214020210081	Nguyễn Thị Minh	Hằng	20/02/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Tiểu học	
271	1755214020210052	VÕ THỊ THÚY	HÀNG	01/11/1999	Nữ	Xuất sắc	Giáo dục Tiểu học	
272	1755214020210059	PHAN THỊ MỸ	HẠNH	25/04/1999	Nữ	Xuất sắc	Giáo dục Tiểu học	
273	1755214020210079	VƯƠNG CÔNG	HẬU	05/11/1999	Nam	Khá	Giáo dục Tiểu học	
274	1755214020210103	HỒ THỊ	HOA	03/06/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Tiểu học	
275	1755214020210071	NGUYỄN THỊ	HOÀ	24/07/1999	Nữ	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
276	1755214020210032	LÊ THỊ MAI	HỒNG	20/10/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Tiểu học	
277	1755214020210099	VI THỊ	HỒNG	06/04/1999	Nữ	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
278	1755214020210088	NGÔ THỊ	HUYỀN	07/12/1997	Nữ	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
279	1755214020210089	NGUYỄN THỊ	KHÁNH	08/01/1999	Nữ	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
280	1755214020210118	TRƯƠNG ANH	KHUÊ	08/01/1999	Nam	Khá	Giáo dục Tiểu học	
281	1755214020210090	NGUYỄN THỊ	KỶ	26/06/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Tiểu học	
282	1755214020210105	LÔ QUẾ	LÂM	20/11/1999	Nam	Khá	Giáo dục Tiểu học	
283	1755214020210104	TRẦN THỊ TÚ	LINH	23/10/1999	Nữ	Xuất sắc	Giáo dục Tiểu học	
284	1755214020210091	VI NGUYỄN HOÀI	LINH	12/08/1999	Nữ	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
285	1755214020210126	LỮ THỊ NHƯ	LOAN	18/11/1999	Nữ	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
286	1755214020210098	PHẠM QUỲNH	MAI	03/10/1999	Nữ	Xuất sắc	Giáo dục Tiểu học	
287	1755214020210120	LÊ XUÂN	MỸ	23/02/1999	Nữ	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
288	1755214020210087	HÀ THỊ LÊ	NA	14/05/1999	Nữ	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
289	1755214020210111	VY THỊ	NGÂN	05/09/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Tiểu học	
290	1755214020210047	TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG	NHI	22/11/1999	Nữ	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
291	1755214020210036	NGÔ THỊ QUỲNH	NHƯ	30/06/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Tiểu học	
292	1755214020210122	LƯƠNG THỊ PHI	NHUNG	20/04/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Tiểu học	
293	1755214020210083	TRẦN THỊ	PHƯƠNG	09/08/1999	Nữ	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
294	1755214020210078	CÙ THỊ	THẨM	20/04/1999	Nữ	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
295	1755214020210072	LÊ THỊ PHƯƠNG	THẢO	01/09/1998	Nữ	Khá	Giáo dục Tiểu học	
296	1755214020210114	NGUYỄN THỊ THẠCH	THẢO	20/10/1999	Nữ	Xuất sắc	Giáo dục Tiểu học	
297	1755214020210093	Hồ Thị Anh	Thư	21/04/1999	Nữ	Xuất sắc	Giáo dục Tiểu học	
298	1755214020210095	TRẦN THỊ	THUẬN	11/01/1999	Nữ	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
299	1755214020210112	TRẦN HỒNG	THÚY	23/09/1999	Nữ	Xuất sắc	Giáo dục Tiểu học	
300	1755214020210115	LƯU THỊ	TRÂM	14/07/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Tiểu học	
301	1755214020210061	THÁI THANH	TRANG	10/05/1999	Nữ	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
302	1755214020210076	NGUYỄN THỊ	UYÊN	05/09/1999	Nữ	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
303	1755214020210082	NGUYỄN THỊ TÚ	UYÊN	04/04/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Tiểu học	
304	1755214020210055	VŨ THỊ	UYÊN	21/10/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Tiểu học	
305	135D1402020104	La Mạnh	Cường	10/09/1994	Nam	Trung bình	Giáo dục tiểu học	
306	135D1402020122	Hà Thị Lê	Na	10/08/1994	Nữ	Trung bình	Giáo dục tiểu học	
307	135D1402020120	Vi Thị Kim	Hoa	15/01/1994	Nữ	Trung bình	Giáo dục tiểu học	
308	135D1402020022	Vi Thị	Nghi	26/04/1993	Nữ	Trung bình	Giáo dục tiểu học	
309	155D1402191033	TRẦN THỊ NGỌC	ÁNH	25/08/1997	Nữ	Giỏi	Giáo dục tiểu học	
310	155D1402020008	Vọng Thị Thùy	Giang	03/11/1996	Nữ	Trung bình	Giáo dục tiểu học	
311	155D1402020001	Lô Thị	Hạnh	07/10/1996	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học	
312	155D1402020004	Vi Thị May	Thùy	12/09/1996	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học	
313	155D1402020015	Lương Thị	Hương	04/12/1996	Nữ	Trung bình	Giáo dục tiểu học	
314	165TDV100480	NGUYỄN THỊ KIỀU	ANH	17/04/1998	Nữ	Khá	Kế toán	
315	165TDV100395	PHẠM THỊ TÚ	LINH	25/05/1998	Nữ	Trung bình	Kế toán	
316	165TDV100255	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	THÚY	01/01/1998	Nữ	Giỏi	Kế toán	
317	165TDV100323	NGUYỄN THỊ	KHÁNH	24/06/1998	Nữ	Trung bình	Kế toán	
318	165TDV100290	PHẠM THỊ HẢI	YẾN	10/08/1998	Nữ	Giỏi	Kế toán	
319	165TDV100607	NGUYỄN THỊ HÀ	THƯƠNG	04/05/1998	Nữ	Trung bình	Kế toán	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
320	165TDV100583	DƯƠNG THỊ THỰC	TRINH	10/12/1997	Nữ	Khá	Kế toán	
321	165TDV100294	NGUYỄN CẨM	TÚ	22/10/1998	Nữ	Trung bình	Kế toán	
322	1755234030100126	NGUYỄN THỊ TÚ	ANH	20/12/1999	Nữ	Xuất sắc	Kế toán	
323	1755234030100193	PHẠM THỊ	BÌNH	08/06/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
324	1755234030100029	HOÀNG THỊ LINH	CHI	20/03/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
325	1755234030100381	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	DUNG	07/04/1999	Nữ	Xuất sắc	Kế toán	
326	1755234030100095	NGUYỄN DOÃN	DƯƠNG	25/04/1999	Nam	Trung bình	Kế toán	
327	1755234030100284	NGUYỄN THỊ	GIANG	16/07/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
328	1755234030100254	PHAN THỊ MỸ	HẠNH	07/09/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
329	1755234030100290	PHAN THỊ	HIỀN	15/06/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
330	1755234030100358	BÙI THỊ	HOÀI	08/07/1999	Nữ	Giỏi	Kế toán	
331	1755234030100367	PHẠM THỊ	HUYỀN	16/04/1999	Nữ	Giỏi	Kế toán	
332	1755234030140529	Phaouten	Khankham	11/06/1996	Nữ	Trung bình	Kế toán	
333	1755234030100048	NGUYỄN THỊ	KHUÊ	14/10/1999	Nữ	Giỏi	Kế toán	
334	1755234030100050	TRẦN THỊ NGỌC	LAM	01/09/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
335	1755234030100348	NGUYỄN THỊ	LỊCH	11/08/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
336	1755234030100255	NGUYỄN THỊ KHÁNH	LINH	25/06/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
337	1755234030100203	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	27/11/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
338	1755234030100061	HOÀNG THỊ	LÝ	08/12/1999	Nữ	Xuất sắc	Kế toán	
339	1755234030100235	ĐẶNG THỊ HIỀN	NGỌC	01/10/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
340	1755234030100121	PHẠM THỊ	NGỌC	16/07/1999	Nữ	Giỏi	Kế toán	
341	1755234030100256	TRẦN ĐỨC THANH	NGUYỄN	28/08/1999	Nam	Khá	Kế toán	
342	1755234030100230	NGUYỄN THỊ	OANH	16/05/1999	Nữ	Trung bình	Kế toán	
343	1755234030100132	LÊ THỊ VIỆT	PHƯƠNG	02/06/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
344	1755234030100328	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	23/04/1999	Nữ	Khá	Kế toán	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
345	1755234030100320	NGUYỄN THỊ	QUỲNH	19/10/1999	Nữ	Giỏi	Kế toán	
346	1755234030100073	NGUYỄN THỊ	TÂM	12/10/1999	Nữ	Giỏi	Kế toán	
347	1755234030100273	NGUYỄN THỊ	THÁI	06/03/1999	Nữ	Giỏi	Kế toán	
348	1755234030100101	TRẦN THỊ	THAO	23/03/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
349	1755234030100306	NGŨ THANH	THẢO	11/07/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
350	1755262011500003	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	15/05/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
351	1755234030100362	Nguyễn Thị	Thom	27/02/1999	Nữ	Xuất sắc	Kế toán	
352	1755234030100027	HOÀNG THỊ	THƯƠNG	28/01/1999	Nữ	Giỏi	Kế toán	
353	1755234030100268	NGUYỄN THỊ	THƯƠNG	21/08/1998	Nữ	Giỏi	Kế toán	
354	1755234030100010	NGUYỄN THƯƠNG	THƯƠNG	31/07/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
355	1755234030100188	TRẦN THỊ	THUÝ	25/04/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
356	1755234030100237	NGUYỄN THỊ	THÙY	02/01/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
357	1755234030100113	NGUYỄN THỊ	THÙY	30/06/1998	Nữ	Xuất sắc	Kế toán	
358	1755234030100245	PHAN THỊ	THÙY	15/08/1999	Nữ	Xuất sắc	Kế toán	
359	1755234030100164	NGUYỄN THỊ	TÌNH	16/03/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
360	1755234030100165	NGUYỄN THỊ	TÌNH	09/11/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
361	1755234030100100	DƯƠNG THỊ	TRÂM	20/04/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
362	1755234030100287	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRÂM	06/01/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
363	1755234030100174	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	07/05/1999	Nữ	Giỏi	Kế toán	
364	1755234030100277	NGUYỄN THỊ THUY	TRANG	13/05/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
365	1755234030100336	NGUYỄN THỊ THU	UYÊN	20/06/1999	Nữ	Giỏi	Kế toán	
366	1755234030100117	NGUYỄN THỊ	XUÂN	27/02/1999	Nữ	Giỏi	Kế toán	
367	1755234030100189	THÁI ĐẬU PHI	YÊN	02/04/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
368	1755234030100017	NGÔ THỊ	ANH	08/10/1999	Nữ	Giỏi	Kế toán	
369	1755234030100007	VÕ THỊ	CHÂU	01/08/1999	Nữ	Khá	Kế toán	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
370	1755234030100147	ĐẶNG THỊ KIM	CHI	04/09/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
371	1755234030100040	TRỊNH THỊ QUỲNH	CHI	15/10/1999	Nữ	Xuất sắc	Kế toán	
372	1755234030100013	NGUYỄN THỊ NGỌC	DIỆP	28/12/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
373	1755234030100035	LÊ THỊ PHƯƠNG	DUYÊN	12/03/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
374	1755234030100150	TRẦN THỊ TRÀ	GIANG	25/03/1999	Nữ	Trung bình	Kế toán	
375	1755234030100093	LÊ THỊ VIỆT	HÀ	20/08/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
376	1755234030100018	HỒ THỊ	HẰNG	13/08/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
377	1755234030100011	TRẦN THỊ	HẰNG	19/11/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
378	1755234030100133	LÂM THANH	HIỀN	17/09/1999	Nữ	Xuất sắc	Kế toán	
379	1755234030100008	LÊ THỊ THU	HIỀN	02/08/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
380	1755234030100014	PHẠM THU	HIỀN	06/08/1999	Nữ	Trung bình	Kế toán	
381	1755234030100118	ÂN THỊ THU	HƯƠNG	03/05/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
382	1755234030100012	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	01/12/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
383	1755234030100052	TRẦN THỊ LAN	HƯƠNG	26/05/1999	Nữ	Giỏi	Kế toán	
384	1755234030100122	TRẦN THỊ	HUYỀN	12/11/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
385	1755234030100102	NGUYỄN THỊ	LÊ	13/12/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
386	1755234030100144	NGUYỄN THỊ NHẬT	LÊ	15/07/1999	Nữ	Trung bình	Kế toán	
387	1755234030100049	VĂN THỊ MỸ	LINH	17/02/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
388	1755234030100016	TRẦN THỊ	LƯƠNG	16/01/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
389	1755234030100115	NGUYỄN THỊ TRÀ	LY	30/10/1999	Nữ	Giỏi	Kế toán	
390	1755234030100019	TRẦN BÍCH	NGỌC	14/06/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
391	1755234030100023	TRẦN THỊ HỒNG	NGỌC	01/10/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
392	1755234030100045	PHAN THỊ THẢO	NHI	02/09/1999	Nữ	Giỏi	Kế toán	
393	1755234030100062	NGUYỄN THỊ	NHUNG	01/03/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
394	1755234030100022	NGUYỄN THỊ	NHUNG	02/08/1999	Nữ	Khá	Kế toán	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
395	1755234030100134	PHẠM THỊ MAI	PHƯƠNG	20/08/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
396	1755234030100020	TRẦN HÀ	PHƯƠNG	18/01/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
397	1755234030100046	NGUYỄN THỊ	QUỲNH	01/07/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
398	1755234030100053	NGUYỄN NHẬT	TÂN	13/06/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
399	1755234030100078	TRẦN THỊ HUYỀN	THANH	03/10/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
400	1755234030100089	Hoàng Thu	Thảo	12/05/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
401	1755234030100065	BÙI THỊ THANH	THÙY	01/02/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
402	1755234030100028	CAO THỊ THÙY	TIÊN	02/11/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
403	1755234030100111	PHẠM THỊ	TRÂM	20/12/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
404	1755234030100162	TRẦN THỊ THUỶ	TRANG	14/07/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
405	1755234030100127	TẠ THỊ MỸ	TRINH	11/05/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
406	1755234030100104	DƯƠNG THỊ CẨM	TÚ	13/01/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
407	1755234030100009	LƯƠNG THỊ	TÚ	19/11/1999	Nữ	Trung bình	Kế toán	
408	1755234030100002	NGUYỄN THỊ CẨM	VƯƠNG	03/03/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
409	1755234030100047	NGUYỄN THỊ	YÊN	08/08/1999	Nữ	Trung bình	Kế toán	
410	1755234030100158	TRẦN THỊ	YÊN	08/03/1998	Nữ	Trung bình	Kế toán	
411	1755234030100090	ĐẬU QUỲNH	ANH	25/11/1999	Nữ	Giỏi	Kế toán	
412	1755234030100236	ĐẬU THỊ MINH	ANH	20/09/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
413	1755234030100234	NGÔ THỊ CẨM	ANH	25/05/1999	Nữ	Trung bình	Kế toán	
414	1755234030100075	NGUYỄN THỊ	ÁNH	01/10/1999	Nữ	Giỏi	Kế toán	
415	1755234030100110	NGUYỄN THỊ	BÌNH	26/06/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
416	1755234030100258	ĐÌNH THỊ LỆ	CHI	28/04/1998	Nữ	Khá	Kế toán	
417	1755234030100036	TRẦN THỊ THÙY	CHUNG	22/03/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
418	1755234030100041	KIỀU LÊ NGỌC	DIỆP	05/11/1999	Nữ	Trung bình	Kế toán	
419	1755234030100105	NGUYỄN THỊ	DUYÊN	11/09/1999	Nữ	Khá	Kế toán	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
420	1755234030100070	HOÀNG THỊ	HÀ	25/11/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
421	1755234030100199	NGUYỄN THỊ	HÀ	09/01/1999	Nữ	Trung bình	Kế toán	
422	1755234030100001	NGUYỄN THỊ HỒNG	HẠNH	03/05/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
423	1755234030100227	NGUYỄN THỊ KHÁNH	HIỀN	04/06/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
424	1755234030100216	PHẠM THỊ	HIỀN	01/05/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
425	1755234030100223	PHAN THỊ	HIỀN	24/03/1999	Nữ	Trung bình	Kế toán	
426	1755234030100044	ĐẶNG THỊ	HUYỀN	08/05/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
427	1755234030100157	NGUYỄN THỊ KHÁNH	HUYỀN	14/03/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
428	1755234030100183	NGUYỄN THỊ TÚ	HUYỀN	29/09/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
429	1755234030100038	Nguyễn Thị Hà	Lê	04/04/1999	Nữ	Trung bình	Kế toán	
430	1755234030100094	NGUYỄN THỊ HỒNG	LIÊN	04/10/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
431	1755234030100160	NGUYỄN THỊ KHÁNH	LINH	15/03/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
432	1755234030100212	TRẦN THỊ	LÝ	01/04/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
433	1755234030100112	NGUYỄN HÀ	MY	01/04/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
434	1755234030100226	PHAN THỊ TRÀ	MY	16/06/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
435	1755234030100239	NGUYỄN THỊ VIỆT	NGA	08/01/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
436	1755234030100091	LÊ THỊ THANH	NGÂN	14/09/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
437	1755234030100068	HOÀNG CẨM	NHUNG	21/03/1999	Nữ	Giỏi	Kế toán	
438	1755234030100217	TRẦN THỊ PHƯƠNG	OANH	11/07/1999	Nữ	Trung bình	Kế toán	
439	1755234030100107	TRẦN THỊ	QUÝ	05/08/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
440	1755234030100032	NGUYỄN THỊ	SEN	24/04/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
441	1755234030100071	TRẦN THỊ	TÂM	22/10/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
442	1755234030100205	BẠCH THỊ	THANH	08/08/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
443	1755234030100054	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	22/08/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
444	1755234030100069	ĐOÀN THỊ THU	THƯƠNG	06/10/1999	Nữ	Khá	Kế toán	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
445	1755234030100161	LÊ THỊ	THƯƠNG	07/07/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
446	1755234030100026	LÊ THỊ	THÚY	17/07/1999	Nữ	Giỏi	Kế toán	
447	1755234030100141	NGUYỄN THỊ	THÚY	07/07/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
448	1755234030100051	NGUYỄN THỊ DIỆU	THÚY	18/09/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
449	1755234030100060	TRẦN HÀ	TRÂM	10/06/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
450	1755234030100063	TRẦN QUỲNH	TRÂM	10/06/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
451	1755234030100106	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	24/03/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
452	1755234030100232	DƯƠNG THỊ KIM	TUYÊN	08/06/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
453	1755234030100201	DƯƠNG THỊ CẨM	VÂN	19/01/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
454	1755234030100072	LƯU THỊ HỒNG	ÁNH	06/07/1999	Nữ	Giỏi	Kế toán	
455	1755234030100224	PHAN THỊ NGỌC	ÁNH	04/05/1999	Nữ	Trung bình	Kế toán	
456	1755234030100279	CHU THÙY	DUNG	07/11/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
457	1755234030100275	NGUYỄN THỊ KIM	DUNG	30/10/1999	Nữ	Giỏi	Kế toán	
458	1755234030100172	VÕ THỊ	DUNG	09/09/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
459	1755234030100238	DOÃN THỊ MỸ	DUYÊN	20/12/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
460	1755234030100285	HÀ HUONG	GIANG	14/07/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
461	1755234030100280	BÙI THỊ THUÝ	HÀ	03/10/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
462	1755234030100171	TRẦN THỊ	HÀ	06/10/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
463	1755234030100170	TRẦN THỊ	HÀ	29/07/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
464	1755234030100259	NGUYỄN THỊ THÚY	HẰNG	16/08/1999	Nữ	Trung bình	Kế toán	
465	1755234030100056	TRẦN THỊ HỒNG	HẠNH	05/09/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
466	1755234030100288	NGUYỄN THỊ	HOÀI	10/02/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
467	1755234030100229	ĐẶNG THỊ	HUYỀN	13/03/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
468	1755234030100004	DƯƠNG THỊ KHÁNH	HUYỀN	13/04/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
469	1755234030100057	VÕ THỊ	HUYỀN	04/07/1999	Nữ	Khá	Kế toán	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
470	1755234030100283	VŨ THỊ KHÁNH	HUYỀN	28/05/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
471	1755234030100154	HỒ THỊ	KHÁNH	28/06/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
472	1755234030100304	NGUYỄN CÔNG	KIÊN	23/09/1999	Nam	Khá	Kế toán	
473	1755234030100156	NGUYỄN THỊ TRÀ	MI	11/11/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
474	1755234030100123	PHAN THỊ BÍCH	NGỌC	12/06/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
475	1755234030100175	NGUYỄN THANH	NHÀN	17/10/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
476	1755234030100139	LÊ THỊ THÚY	QUỲNH	21/11/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
477	1755234030100231	NGUYỄN THỊ NGỌC	SEN	17/08/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
478	1755234030100145	HOÀNG THỊ	THẨM	12/03/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
479	1755234030100257	LƯU THỊ	THẢO	09/06/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
480	1755234030100250	TRẦN THỊ	THẢO	10/10/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
481	1755234030100058	LÊ THỊ	THỊ	10/01/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
482	1755234030100286	PHẠM THỊ THANH	THÙY	17/05/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
483	1755234030100210	HỒ THỊ THU	TRANG	13/07/1999	Nữ	Trung bình	Kế toán	
484	1755234030100114	TRẦN THỊ HUYỀN	TRANG	17/08/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
485	1755234030100130	HOÀNG	TÙNG	21/10/1999	Nam	Trung bình	Kế toán	
486	1755234030100159	NGUYỄN THỊ	TUYẾT	25/11/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
487	1755234030100181	BÙI THỊ TRÀ	VINH	13/07/1999	Nữ	Trung bình	Kế toán	
488	1755234030100272	NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	17/07/1999	Nữ	Giỏi	Kế toán	
489	1755234030100314	LÊ NGUYỄN TÚ	ANH	13/10/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
490	1755234030100309	PHẠM KIỀU	ANH	05/03/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
491	1755234030100327	VÕ XUÂN CẨM	ANH	17/05/1999	Nữ	Giỏi	Kế toán	
492	1755234030100215	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	30/04/1998	Nữ	Khá	Kế toán	
493	1755234030100335	Lê Thị	Biên	29/09/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
494	1755234030100191	NGUYỄN THỊ QUỲNH	CHÂU	01/08/1999	Nữ	Giỏi	Kế toán	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
495	1755234030100324	ĐẶNG KIM	CÚC	07/09/1999	Nữ	Giỏi	Kế toán	
496	1755234030100155	NGÔ THỊ	GIANG	10/11/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
497	1755234030100196	PHẠM THỊ NGỌC	HÀ	02/11/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
498	1755234030100302	ĐẶNG THỊ	HẠNH	29/03/1998	Nữ	Khá	Kế toán	
499	1755234030100343	NGUYỄN LÊ HỒNG	HẠNH	24/11/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
500	1755234030100163	NGUYỄN THỊ MỸ	HẢO	04/04/1999	Nữ	Giỏi	Kế toán	
501	1755234030100192	ĐÌNH THỊ HỒNG	HUẾ	24/06/1999	Nữ	Giỏi	Kế toán	
502	1755234030100333	NGUYỄN THỊ	HƯỜNG	08/04/1999	Nữ	Giỏi	Kế toán	
503	1755234030100059	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	12/08/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
504	1755234030100310	NGUYỄN THỊ KHÁNH	HUYỀN	14/06/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
505	1755234030100247	NGUYỄN THỊ THU	HUYỀN	22/12/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
506	1755234030100182	NGUYỄN THỊ	KIỀU	30/05/1998	Nữ	Giỏi	Kế toán	
507	1755234030100260	NGUYỄN THỊ KHÁNH	LINH	11/02/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
508	1755234030100349	TRẦN MỸ	LINH	15/03/1999	Nữ	Trung bình	Kế toán	
509	1755234030100318	NGUYỄN THỊ LINH	LUYẾN	18/09/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
510	1755234030100313	HỒ THỊ	MÂY	06/09/1999	Nữ	Giỏi	Kế toán	
511	1755234030100252	LÊ THỊ	NGỌC	01/10/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
512	1755234030100340	PHẠM KHÁNH	NGỌC	29/09/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
513	1755234030100330	PHẠM THỊ BÍCH	NGỌC	03/08/1999	Nữ	Giỏi	Kế toán	
514	1755234030100276	NGUYỄN THỊ ÁNH	NGUYỆT	07/12/1999	Nữ	Giỏi	Kế toán	
515	1755234030100341	Hoàng Thị	Phương	11/02/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
516	1755234030100300	THÁI THỊ MAI	PHƯƠNG	12/02/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
517	1755234030100325	NGUYỄN THỊ CẨM	THẠCH	28/10/1999	Nữ	Giỏi	Kế toán	
518	1755234030100219	LÊ THỊ	THANH	01/05/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
519	1755234030100233	HOÀNG THỊ HUYỀN	THƯƠNG	02/10/1999	Nữ	Khá	Kế toán	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
520	1755234030100202	LÊ THỊ THU	THÙY	10/11/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
521	1755234030100321	NGUYỄN THỊ HỒNG	THÙY	09/12/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
522	1755234030100329	ĐÌNH THỊ HƯƠNG	TRÀ	08/11/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
523	1755234030100246	NGUYỄN THỊ	TRÀ	02/11/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
524	1755234030100323	LÊ THỊ HÀ	TRANG	11/01/1999	Nữ	Giỏi	Kế toán	
525	1755234030100334	NGUYỄN THỊ	TRINH	06/03/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
526	1755234030100319	ĐÌNH THỊ HỒNG	TÚ	19/05/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
527	1755234030100211	TRƯỜNG THỊ TỐ	UYÊN	20/11/1998	Nữ	Khá	Kế toán	
528	1755234030100338	LÊ THỊ	VINH	20/05/1999	Nữ	Giỏi	Kế toán	
529	1755234030100152	Trần Thị Thúy	An	12/08/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
530	1755234030100346	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	ANH	26/04/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
531	1755234030100043	TRẦN HÒ MINH	ANH	11/08/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
532	1755234030100197	LÊ THỊ NGUYỆT	CẨM	04/10/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
533	1755234030100369	Nguyễn Thị Lan	Chi	04/01/1998	Nữ	Khá	Kế toán	
534	1755234030100240	NGUYỄN THỊ QUỲNH	DUNG	12/03/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
535	1755234030100368	ĐÌNH THỊ TRÀ	GIANG	06/01/1999	Nữ	Giỏi	Kế toán	
536	1755234030100449	Nguyễn Thị Hương	Giang	02/07/1999	Nữ	Trung bình	Kế toán	
537	1755234030100379	Chữ Thị	Hà	12/02/1998	Nữ	Giỏi	Kế toán	
538	1755234030100184	TRẦN THỊ	HẢI	31/01/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
539	1755234030100372	TRẦN THỊ THU	HIỀN	31/07/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
540	1755234030100294	NGUYỄN THỊ	HOA	19/05/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
541	1755234030100370	ĐẶNG THỊ	HƯƠNG	20/05/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
542	1755234030100364	NGUYỄN THỊ	HƯỜNG	08/06/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
543	1755234030100366	Đậu Khánh	Huyền	08/05/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
544	1755234030100357	PHẠM THỊ	HUYỀN	15/12/1999	Nữ	Khá	Kế toán	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
545	1755234030100190	LÊ THỊ	LAN	26/05/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
546	1755234030100387	HỒ THỊ KHÁNH	LINH	19/08/1999	Nữ	Trung bình	Kế toán	
547	1755234030100125	TRẦN THỊ KHÁNH	LINH	16/11/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
548	1755234030100378	Nguyễn Thị	Lộc	29/12/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
549	1755234030100363	Nguyễn Thị Thiên	Lý	21/03/1999	Nữ	Giỏi	Kế toán	
550	1755234030100291	TRẦN THỊ HƯƠNG	MỠ	20/12/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
551	1755234030100345	NGUYỄN THỊ	NGA	04/07/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
552	1755234030100383	NGUYỄN THỊ QUỲNH	NGA	02/02/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
553	1755234030100356	Đào Thị Kim	Ngân	03/08/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
554	1755234030100355	Lê Thị Khánh	Ngân	06/08/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
555	1755234030100249	PHAN THỊ	NHI	01/05/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
556	1755234030100410	Nguyễn Thị Tô	Như	19/01/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
557	1755234030100264	NGUYỄN THỊ CẨM	NHUNG	09/10/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
558	1755234030100351	Đoàn Diệu	Quỳnh	09/10/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
559	1755234030100292	HỒ THỊ	QUỲNH	16/09/1999	Nữ	Trung bình	Kế toán	
560	1755234030100282	TRƯƠNG THỊ	THẨM	02/11/1999	Nữ	Trung bình	Kế toán	
561	1755234030100263	ĐẶNG THỊ THANH	THÚY	18/10/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
562	1755234030100359	Nguyễn Hoàng Linh	Trang	22/11/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
563	1755234030100354	NGUYỄN THỊ THU	TRANG	06/09/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
564	1755234030100149	TRẦN THỊ HÀ	TRANG	19/04/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
565	1755234030100131	TRẦN THỊ NHÃ	UYÊN	24/12/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
566	1755234030100365	Hoàng Thị Hải	Yến	12/05/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
567	1755234030100456	NGUYỄN THỊ NHI	ANH	15/07/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
568	1755234030100404	Trần Nữ Huyền	Chi	27/08/1999	Nữ	Trung bình	Kế toán	
569	1755234030100457	Nguyễn Thị Thanh	Hà	04/05/1999	Nữ	Trung bình	Kế toán	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
570	1755234030100401	Đậu Thị	Hạnh	19/08/1999	Nữ	Trung bình	Kế toán	
571	1755234030100413	Lê Thị Hồng	Hạnh	10/03/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
572	1755234030100168	NGUYỄN THỊ MỸ	HẠNH	04/10/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
573	1755234030100400	Hồ Thị	Hiền	30/09/1999	Nữ	Trung bình	Kế toán	
574	1755234030100402	Võ Thị	Hiền	25/06/1999	Nữ	Trung bình	Kế toán	
575	1755234030100332	HỒ THỊ	HOÀI	03/04/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
576	1755234030100025	NGUYỄN THỊ THU	HOÀI	15/09/1999	Nữ	Giỏi	Kế toán	
577	1755234030100418	Nguyễn Thị	Huyền	06/08/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
578	1755234030100458	ĐẶNG THỊ	LAM	22/04/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
579	1755234030100116	NGUYỄN THÙY	LINH	11/10/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
580	1755234030100434	Hoàng Thị Mai	Ly	04/04/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
581	1755234030100433	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	14/08/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
582	1755234030100344	BẠCH THỊ HÀ	NGÂN	10/05/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
583	1755234030100293	LÊ THỊ HẠNH	NGÂN	09/07/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
584	1755234030100389	Phạm Thị Hồng	Ngọc	23/11/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
585	1755234030100397	Trần Lê Cẩm	Ngọc	02/01/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
586	1755234030100424	Đậu Thị Hoàng	Nhi	05/09/1999	Nữ	Trung bình	Kế toán	
587	1755234030100406	PHAN THỊ	NHUNG	12/02/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
588	1755234030100266	PHẠM THỊ	PHƯƠNG	14/11/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
589	1755234030100177	NGÔ THỊ	QUYÊN	04/12/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
590	1755234030100427	Nguyễn Thị	Quyên	06/01/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
591	1755234030100423	Nguyễn Thị	Quỳnh	05/12/1999	Nữ	Trung bình	Kế toán	
592	1755234030100437	Hồ Thị	Thảo	28/07/1999	Nữ	Trung bình	Kế toán	
593	1755234030100388	Trịnh Thị	Thảo	21/10/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
594	1755234030100347	PHẠM THỊ HUYỀN	THƯƠNG	25/12/1999	Nữ	Khá	Kế toán	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
595	1755234030100128	Hoàng Thị Ngọc	Thúy	20/07/1999	Nữ	Giỏi	Kế toán	
596	1755234030100431	VÕ THỊ	TRÀ	26/02/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
597	1755234030100450	Đặng Thị	Trâm	20/02/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
598	1755234030100305	NGUYỄN THỊ	TRANG	28/03/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
599	1755234030100454	Trần Thị	Tú	24/04/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
600	1755234030100408	Tô Thị Lâm	Uyên	25/08/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
601	1755234030100390	Hồ Thị Hải	Yến	16/11/1999	Nữ	Trung bình	Kế toán	
602	1755234030100463	Phạm Thị Hiền	Dịu	01/08/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
603	1755234030100222	PHAN THỊ	DUNG	19/06/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
604	1755234030100429	Nguyễn Thị	Duyên	30/08/1999	Nữ	Trung bình	Kế toán	
605	1755234030100461	PHẠM THỊ	HÀ	02/09/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
606	1755234030100218	NGUYỄN THỊ THUY	HẰNG	21/10/1999	Nữ	Trung bình	Kế toán	
607	1755234030100298	TRỊNH THỊ	HẰNG	02/10/1999	Nữ	Trung bình	Kế toán	
608	1755234030100462	Trần Thị Thu	Hiền	25/07/1999	Nữ	Trung bình	Kế toán	
609	1755234030100460	DUY THỊ	HÒA	10/02/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
610	1755234030100482	LÊ THỊ	HOÀI	07/10/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
611	1755234030100241	PHAN THỊ	HOÀI	20/02/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
612	1755234030100473	Phan Thị Thu	Hoài	11/05/1999	Nữ	Trung bình	Kế toán	
613	1755234030100480	Trần Thị	Huế	24/10/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
614	1755234030100136	ĐINH THỊ	HUỆ	19/10/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
615	1755234030100135	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	18/11/1999	Nữ	Trung bình	Kế toán	
616	1755234030100426	Cao Thị Thu	Hương	01/01/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
617	1755234030100470	Nguyễn Lê Khánh	Huyền	08/10/1999	Nữ	Giỏi	Kế toán	
618	1755234030100465	Nguyễn Thị	Huyền	24/04/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
619	1755234030100204	CAO THỊ	LÊ	22/10/1998	Nữ	Khá	Kế toán	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
620	1755234030100469	Dương Mỹ	Linh	02/10/1999	Nữ	Xuất sắc	Kế toán	
621	1755234030100295	Trần Thị Thùy	Linh	12/04/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
622	1755234030100353	NGUYỄN THỊ KHÁNH	LƯ	02/07/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
623	1755234030100464	Trần Thị	Lương	30/11/1999	Nữ	Trung bình	Kế toán	
624	1755234030100179	CAO THỊ	LÝ	05/01/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
625	1755234030100459	LÊ THỊ	MINH	20/02/1999	Nữ	Giỏi	Kế toán	
626	1755234030100477	Nguyễn Thị	Phương	05/07/1999	Nữ	Giỏi	Kế toán	
627	1755234030100421	Trần Thị Thu	Thanh	03/09/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
628	1755234030100466	Trần Thị Thu	Thùy	30/09/1999	Nữ	Giỏi	Kế toán	
629	1755234030100468	Cù Thị	Trang	09/09/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
630	1755234030100445	Phạm Thị Hải	Yến	11/10/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
631	1755234030100485	LÊ THỊ VÂN	ANH	10/06/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
632	1755234030100492	Nguyễn Thị	Ánh	03/06/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
633	1755234030100527	Nguyễn Thị	Đông	13/10/1999	Nữ	Trung bình	Kế toán	
634	1755234030100198	HOÀNG THỊ	DUYÊN	30/06/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
635	1755234030100491	Nguyễn Thị Hương	Giang	10/05/1999	Nữ	Trung bình	Kế toán	
636	1755234030100440	Vương Vũ Ngọc	Hân	17/02/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
637	1755234030100514	HOÀNG THỊ	HẰNG	20/10/1999	Nữ	Xuất sắc	Kế toán	
638	1755234030100502	Nguyễn Thị	Hạnh	13/10/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
639	1755234030100501	TRẦN THỊ	HẬU	02/08/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
640	1755234030100405	Nguyễn Thị	Hoài	19/10/1999	Nữ	Trung bình	Kế toán	
641	1755234030100512	Phạm Thị	Hoài	07/06/1998	Nữ	Trung bình	Kế toán	
642	1755234030100486	NGUYỄN THỊ	HUỆ	19/04/1999	Nữ	Trung bình	Kế toán	
643	1755234030100495	Đình Xuân	Hùng	18/07/1999	Nam	Trung bình	Kế toán	
644	1755234030100522	ĐẶNG THỊ HẢI	LÝ	06/04/1999	Nữ	Xuất sắc	Kế toán	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
645	1755234030100519	HOÀNG MINH	MINH	01/09/1999	Nữ	Giỏi	Kế toán	
646	1755234030100487	NGUYỄN THỊ	MINH	27/11/1997	Nữ	Xuất sắc	Kế toán	
647	1755234030100497	Trần Hà	My	28/01/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
648	1755234030100490	Ngô Thị	Mỹ	16/02/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
649	1755234030100524	Phạm Thị	Mỹ	16/01/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
650	1755234030100517	NGUYỄN THỊ THANH	NHÀN	03/05/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
651	1755234030100499	Phan Thị	Nhung	26/12/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
652	1755234030100488	NGUYỄN THỊ LỆ	NINH	08/08/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
653	1755234030100498	Hoàng Lê Vân	Quỳnh	04/03/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
654	1755234030100489	TRƯƠNG THỊ	THƠ	27/03/1999	Nữ	Giỏi	Kế toán	
655	1755234030100516	Đình Thị Thu	Uyên	07/04/1999	Nữ	Xuất sắc	Kế toán	
656	155D3403010399	NGUYỄN THỊ	TÂM	30/11/1997	Nữ	Trung bình	Kế toán	
657	1755244030100002	LÊ VIỆT	HÒANG	16/03/1999	Nam	Khá	Khoa học môi trường	
658	1755231010100022	PHẠM THỊ NGỌC	ANH	23/10/1999	Nữ	Giỏi	Kinh tế	
659	1755262011500004	NGUYỄN VĂN	ÁNH	25/01/1999	Nam	Trung bình	Kinh tế	
660	1755231010100004	Lưu Trường	Bảo	26/02/1997	Nam	Khá	Kinh tế	
661	1755231010100006	NGUYỄN THỊ	BÍCH	10/01/1999	Nữ	Khá	Kinh tế	
662	1755262011500002	XÔNG BÁ	CHÀI	12/08/1998	Nam	Trung bình	Kinh tế	
663	1755231010100020	LÊ THỊ THANH	DƯƠNG	12/10/1999	Nữ	Trung bình	Kinh tế	
664	1755231010100018	PHAN THỊ MỸ	DUYÊN	08/06/1999	Nữ	Khá	Kinh tế	
665	1755231010100019	HỒ THỊ THU	HẰNG	15/08/1999	Nữ	Khá	Kinh tế	
666	1755231010100003	HOÀNG THỊ	HẠNH	23/02/1999	Nữ	Giỏi	Kinh tế	
667	1755231010100009	LÊ THỊ	HƯƠNG	13/01/1999	Nữ	Trung bình	Kinh tế	
668	1755231010100001	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	12/05/1999	Nữ	Khá	Kinh tế	
669	1755231010140036	Chitpanya	Khanthaly	24/09/1997	Nữ	Trung bình	Kinh tế	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
670	1755231010100002	Trần Nguyễn Ngọc	Linh	13/01/1999	Nữ	Khá	Kinh tế	
671	1755231010100033	NGUYỄN THỊ KHÁNH	LY	20/03/1999	Nữ	Giỏi	Kinh tế	
672	1755231010100025	NGUYỄN THỊ	MỸ	08/10/1999	Nữ	Khá	Kinh tế	
673	1755231010100011	HỒ THỊ PHƯƠNG	NGÂN	07/11/1999	Nữ	Khá	Kinh tế	
674	1755231010140037	Phetsouthavong	Souliphone	23/02/1998	Nữ	Khá	Kinh tế	
675	1755231010100010	Nguyễn Tất	Thắng	27/05/1999	Nam	Khá	Kinh tế	
676	1755231010100026	ĐẶNG THỊ	THANH	03/08/1999	Nữ	Khá	Kinh tế	
677	1755231010100012	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	09/10/1999	Nữ	Khá	Kinh tế	
678	1755231010100029	NGUYỄN Ý	THO	25/07/1999	Nữ	Trung bình	Kinh tế	
679	1755231010100021	Phạm Thị Cẩm	Tú	27/10/1999	Nữ	Trung bình	Kinh tế	
680	1755231010100034	Phạm Xuân	Tuấn	01/09/1999	Nam	Khá	Kinh tế	
681	1755231010100005	Phan Thị Hồng	Vương	04/01/1999	Nữ	Giỏi	Kinh tế	
682	155D6201150021	Cụt Thái	Bình	28/12/1996	Nam	Khá	Kinh tế nông nghiệp	
683	165TDV200434	NGUYỄN XUÂN	NAM	29/09/1998	Nam	Khá	Kỹ thuật điện tử, truyền thông	
684	165TDV200307	NGUYỄN VĂN	SÁNG	01/10/1998	Nam	Giỏi	Kỹ thuật điện tử, truyền thông	
685	165TDV200284	NGUYỄN VĂN	ĐẠO	26/03/1998	Nam	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
686	165TDV200450	PHẠM VĂN	DŨNG	18/04/1998	Nam	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
687	165TDV200469	TRẦN DANH	DUY	11/06/1998	Nam	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
688	165TDV200339	NGUYỄN KHẮC	HẬU	19/08/1998	Nam	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
689	165TDV200300	HOÀNG TRUNG	HIỆP	07/07/1998	Nam	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
690	165TDV200063	PHAN TRỌNG	HOÀNG	10/08/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
691	165TDV200336	HOÀNG VĂN	SÁNG	22/04/1998	Nam	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
692	165TDV200003	CHU VĂN	SƠN	23/09/1998	Nam	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
693	165TDV200315	NGUYỄN THẾ	TÀI	30/06/1998	Nam	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
694	165TDV200239	NGUYỄN ĐÌNH	THI	16/05/1998	Nam	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
695	165TDV200062	LÊ VĂN	VIỆT	09/08/1998	Nam	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
696	155D5202160051	HOÀNG ĐỨC	ANH	07/01/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
697	155D5202160086	ĐOÀN THỊ	UYÊN	12/03/1997	Nữ	Giỏi	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
698	165TDV200440	TRẦN VĂN NAM	ANH	19/05/1998	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng	
699	165TDV200274	ĐẶNG QUANG	CHINH	09/06/1998	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng	
700	165TDV200409	TRẦN TRỌNG	ĐẠT	11/04/1998	Nam	Xuất sắc	Kỹ thuật xây dựng	
701	165TDV200231	TRẦN NGUYỆT	HẰNG	20/01/1998	Nữ	Giỏi	Kỹ thuật xây dựng	
702	165TDV200222	TRẦN THỊ	HẰNG	02/09/1998	Nữ	Giỏi	Kỹ thuật xây dựng	
703	165TDV200355	ĐẶNG VĂN	HIẾU	28/12/1998	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng	
704	165TDV200493	NGUYỄN MINH	HIẾU	19/07/1998	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng	
705	165TDV200483	DƯƠNG VĂN	HOÀNG	17/11/1998	Nam	Giỏi	Kỹ thuật xây dựng	
706	165TDV200314	MẠNH TRỌNG	PHONG	06/07/1998	Nam	Giỏi	Kỹ thuật xây dựng	
707	165TDV200316	BÙI NHẬT	QUANG	22/02/1998	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng	
708	165TDV200266	HỒ MINH	TIẾN	02/02/1998	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng	
709	165TDV240507	Vongkhamxay	Touy	01/02/1996	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng	
710	165TDV200325	HOÀNG ĐỨC	TRƯỜNG	26/06/1998	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng	
711	165TDV200354	VƯƠNG ĐÌNH	TRƯỜNG	21/02/1998	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng	
712	165TDV200101	NGUYỄN SỸ	TÚ	12/01/1998	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng	
713	165TDV200247	TRẦN THỊ KIM	ANH	17/09/1998	Nữ	Khá	Kỹ thuật xây dựng	
714	165TDV200368	NGUYỄN TẮT	DẦN	11/02/1998	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng	
715	165TDV200365	TRẦN QUỐC	ĐÔNG	17/11/1998	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng	
716	165TDV200298	PHAN HOÀNG	DŨNG	20/08/1996	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng	
717	165TDV200150	PHAN THANH	HẢI	20/01/1998	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng	
718	165TDV200309	QUÁCH BÌNH	HẢI	07/06/1998	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng	
719	165TDV200460	THÁI VIỆT	HIẾU	01/09/1998	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
720	165TDV200009	VÕ VĨNH	HOÀNG	24/05/1998	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng	
721	165TDV200295	NGUYỄN NGỌC	KHANG	07/07/1998	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng	
722	165TDV300034	ĐẶNG THỊ	MỸ	28/02/1998	Nữ	Giỏi	Kỹ thuật xây dựng	
723	165TDV200264	LÊ VĂN	NAM	17/05/1998	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng	
724	165TDV200189	TRẦN VŨ	PHƯƠNG	14/02/1998	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng	
725	165TDV200287	PHAN TRỌNG	SINH	02/01/1998	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng	
726	165TDV200253	HỒ VĂN	THỊNH	06/07/1998	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng	
727	165TDV200233	NGUYỄN ĐỨC	TÌNH	07/06/1998	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng	
728	165TDV200254	NGUYỄN BÁ	TRUNG	16/03/1998	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng	
729	165TDV200260	NGUYỄN QUỐC	TÚ	25/03/1998	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng	
730	165TDV200269	PHẠM ĐÌNH	TÙNG	01/06/1998	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng	
731	135D5802080083	Nguyễn Hữu	Bảo	11/01/1994	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng	
732	135D5802080211	Nguyễn Văn	Thành	27/09/1994	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng	
733	145D5802080082	Trần Công	Tú	22/03/1996	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng	
734	155D5802080156	PHAN ĐĂNG	HÙNG	12/07/1997	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng	
735	155D5802080194	LÀU BÁ	CU	10/02/1997	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng	
736	155D5802080220	LÊ VĂN	HIẾU	18/10/1996	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng	
737	155D5802080107	NGUYỄN VĂN	VŨ	19/05/1997	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng	
738	155D5802080191	TRẦN MẠNH	CƯỜNG	26/12/1996	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng	
739	165TDV240508	Yangnaoxoua	Atouly	06/09/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
740	165TDV200380	TRƯƠNG HOÀNG	ĐẠO	06/10/1998	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
741	165TDV200208	TRẦN ĐỨC	GIANG	24/12/1998	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
742	165TDV240506	Soulinyavong	Khamlek	16/10/1996	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
743	165TDV200276	BÙI ĐÌNH	KỶ	06/11/1998	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
744	165TDV200273	NGUYỄN VĂN	LỘC	03/05/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
745	165TDV200353	NGUYỄN VĂN	MAI	17/02/1998	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
746	165TDV200363	TRINH THANH	QUANG	08/04/1998	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
747	165TDV200372	BIỆN VĂN	THẾ	04/07/1998	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
748	165TDV200252	NGUYỄN QUYẾT	TIẾN	30/11/1998	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
749	165TDV200255	TRẦN ĐÌNH	TÚ	21/10/1998	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
750	165TDV200235	LƯU XUÂN	TUẤN	22/04/1998	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
751	155D5802050071	Lang Minh	Vỹ	01/09/1996	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
752	165TDV400217	NGUYỄN QUỐC	KHÁNH	09/02/1998	Nam	Trung bình	Luật	
753	165TDV400174	LƯU VĂN	THẮNG	24/06/1998	Nam	Trung bình	Luật	
754	165TDV400364	TRẦN THỊ TRÀ	GIANG	12/06/1998	Nữ	Khá	Luật	
755	165TDV400191	TRẦN VĂN	THẮNG	13/03/1998	Nam	Trung bình	Luật	
756	17552380101VL9003	HÔNG QUỐC	ĐẠT	16/12/1999	Nam	Khá	Luật	
757	17552380101VL9001	NGUYỄN THỊ	LEN	27/11/1999	Nữ	Khá	Luật	
758	17552380101VL9012	Đặng Thị Thảo	Nguyên	16/09/1999	Nữ	Khá	Luật	
759	17552380101VL9009	Nguyễn Huỳnh Anh	Như	08/11/1999	Nữ	Khá	Luật	
760	17552380101VL9005	BÀNH THỊ HÔNG	PHƯƠNG	28/05/1999	Nữ	Khá	Luật	
761	17552380101VL90017	Nguyễn Thị Phương	Quyên	17/06/1999	Nữ	Khá	Luật	
762	17552380101VL9010	Trương Huỳnh	Sang	11/11/1999	Nam	Khá	Luật	
763	17552380101VL9015	Võ Thu	Thảo	23/05/1999	Nữ	Khá	Luật	
764	17552380101VL9002	HUỲNH THANH	THUẬN	01/06/1999	Nam	Khá	Luật	
765	17552380101VL9007	Võ Quang	Trương	27/03/1999	Nam	Khá	Luật	
766	17552380101VL9004	TRẦN ÁI	VY	07/07/1999	Nữ	Khá	Luật	
767	17552380101VL9011	Nguyễn Trần Hải	Yến	17/04/1999	Nữ	Khá	Luật	
768	1755238010100139	BÙI THỊ LAN	ANH	02/04/1999	Nữ	Khá	Luật	
769	1755238010100054	PHẠM THỊ TRÂM	ANH	14/09/1999	Nữ	Xuất sắc	Luật	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
770	1755238010106002	Phạm Tuấn	Anh	04/01/1999	Nam	Giỏi	Luật	
771	1755238010100247	NGUYỄN NGỌC	ÁNH	11/04/1999	Nữ	Khá	Luật	
772	1755238010100002	TÔ NGỌC	ÁNH	22/07/1999	Nữ	Khá	Luật	
773	1755238010106001	Phan Thị	Bích	29/05/1999	Nữ	Xuất sắc	Luật	
774	1755238010100017	LÊ THỊ THANH	BÌNH	08/07/1999	Nữ	Khá	Luật	
775	1755238010100027	DƯƠNG TRẦN BẢO	CHÁN	02/02/1999	Nam	Khá	Luật	
776	1755238010100116	BÙI NGỌC MINH	ĐĂNG	03/09/1999	Nam	Trung bình	Luật	
777	1755238010100001	TRẦN TRUNG	ĐỨC	20/03/1998	Nam	Khá	Luật	
778	1755238010100100	NGUYỄN ĐÌNH	DŨNG	28/12/1998	Nam	Khá	Luật	
779	1755238010100005	NGUYỄN DUY	DŨƠNG	28/05/1999	Nam	Khá	Luật	
780	1755238010100131	NGUYỄN THỊ	HÀ	10/04/1999	Nữ	Khá	Luật	
781	1755238010100046	NGUYỄN THỊ HỒNG	HẠNH	11/10/1999	Nữ	Giỏi	Luật	
782	1755238010100196	ĐỖ ĐỨC THU	HIỀN	13/06/1999	Nữ	Khá	Luật	
783	1755238010100188	HOÀNG TRẦN	HIẾU	14/04/1998	Nam	Khá	Luật	
784	1755238010100135	HOÀNG VĂN	HÙNG	16/03/1998	Nam	Khá	Luật	
785	1755238010100055	NGUYỄN THỊ KHÁNH	HUYỀN	25/09/1999	Nữ	Giỏi	Luật	
786	1755238010140292	Khamtheva	Khamlar	15/04/1999	Nữ	Trung bình	Luật	
787	1755238010100022	NGUYỄN BÁ	KHỞI	30/04/1999	Nam	Khá	Luật	
788	1755238010100048	ĐẶNG THỊ	LUYẾN	16/08/1999	Nữ	Khá	Luật	
789	1755238010100087	Bùi Thị Bảo	Ly	20/08/1999	Nữ	Khá	Luật	
790	1755238010100088	HỒ THỊ	MAI	20/11/1999	Nữ	Khá	Luật	
791	1755238010100014	NGUYỄN THỊ YÊN	NHI	17/08/1999	Nữ	Khá	Luật	
792	1755238010100237	CAO THỊ	NHUNG	09/10/1999	Nữ	Khá	Luật	
793	1755238010100028	NGÔ TRẦN ĐỨC	PHÁT	13/02/1999	Nam	Khá	Luật	
794	1755238010100085	PHẠM THỊ	PHƯƠNG	22/10/1999	Nữ	Khá	Luật	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
795	1755238010100013	NGUYỄN THỊ	QUỲNH	30/10/1998	Nữ	Xuất sắc	Luật	
796	1755238010100016	TRẦN VĂN	SỸ	28/03/1999	Nam	Khá	Luật	
797	1755238010100183	TRƯƠNG THANH	TÂM	07/05/1999	Nam	Khá	Luật	
798	1755238010100137	Văn Đình	Tâm	01/01/1997	Nam	Trung bình	Luật	
799	1755238010100147	PHẠM THỊ	THẢO	10/11/1999	Nữ	Khá	Luật	
800	1755238010140293	Lasa	Thongmai	11/02/1996	Nam	Trung bình	Luật	
801	1755238010100179	PHẠM VĂN	TOÀN	17/03/1998	Nam	Trung bình	Luật	
802	1755238010100012	ĐÌNH THỊ QUỲNH	ANH	06/11/1999	Nữ	Khá	Luật	
803	1755238010100058	NGUYỄN HẢI	ANH	26/02/1999	Nữ	Khá	Luật	
804	1755238010100026	PHẠM NGUYỄN VĂN	ANH	11/10/1999	Nữ	Khá	Luật	
805	1755238010100174	TRẦN TRUNG	ANH	17/10/1998	Nam	Giỏi	Luật	
806	1755238010100094	BÙI NGỌC	ÁNH	30/07/1999	Nữ	Xuất sắc	Luật	
807	1755238010100270	VÕ DUY	ĐẠT	23/05/1999	Nam	Trung bình	Luật	
808	1755238010100109	BÙI THỊ	DUYÊN	11/09/1999	Nữ	Giỏi	Luật	
809	1755238010100138	VƯƠNG QUANG	HÀO	16/05/1998	Nam	Xuất sắc	Luật	
810	1755238010100105	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	05/03/1999	Nữ	Khá	Luật	
811	1755238010100130	TRẦN THỊ	HƯỜNG	10/03/1999	Nữ	Khá	Luật	
812	1755238010100035	NGUYỄN THỊ KHÁNH	HUYỀN	28/01/1999	Nữ	Khá	Luật	
813	1755238010100078	NGUYỄN THỊ THANH	HUYỀN	02/07/1999	Nữ	Khá	Luật	
814	1755238010100165	ĐÌNH THỊ	LINH	16/10/1999	Nữ	Khá	Luật	
815	1755238010100108	HOÀNG THỊ PHƯƠNG	LY	05/07/1999	Nữ	Giỏi	Luật	
816	1755238010100242	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	LY	09/06/1999	Nữ	Khá	Luật	
817	1755238010100053	HỒ THỊ	MAI	11/07/1999	Nữ	Giỏi	Luật	
818	1755238010100006	TRẦN THỊ LÊ	NA	04/12/1999	Nữ	Khá	Luật	
819	1755238010100043	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	NHI	22/12/1999	Nữ	Khá	Luật	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
820	1755238010100106	HUỖNH THỊ	QUÝ	07/03/1999	Nữ	Khá	Luật	
821	1755238010100212	NGÔ CHIẾN	THẮNG	17/01/1999	Nam	Xuất sắc	Luật	
822	1755238010100070	PHẠM DUY	THÀNH	13/11/1998	Nam	Khá	Luật	
823	1755238010100059	PHẠM THỊ THANH	THƠ	09/11/1999	Nữ	Khá	Luật	
824	1755238010100228	Nguyễn Anh	Tuấn	02/07/1998	Nam	Khá	Luật	
825	1755238010100032	TRẦN THỊ THÚY	ANH	21/06/1999	Nữ	Khá	Luật	
826	1755238010100136	HỒ THỊ	ÁNH	09/09/1999	Nữ	Giỏi	Luật	
827	1755238010100124	BIỆN THỊ	CHUNG	03/06/1999	Nữ	Khá	Luật	
828	1755238010100069	HÀ VĂN	ĐỨC	04/06/1999	Nam	Khá	Luật	
829	1755238010100063	LÊ THỊ	DUNG	28/02/1999	Nữ	Giỏi	Luật	
830	1755238010100044	TRƯỜNG THỊ	HOA	02/09/1999	Nữ	Khá	Luật	
831	1755238010100052	PHAN THỊ THU	HOÀI	08/01/1999	Nữ	Giỏi	Luật	
832	1755238010100219	Phạm Anh	Hoàn	02/10/1994	Nam	Khá	Luật	
833	1755238010100093	NGUYỄN ĐỨC	HOÀNG	07/11/1999	Nam	Khá	Luật	
834	1755238010100073	NGUYỄN NGÔ	HOÀNG	03/06/1999	Nam	Khá	Luật	
835	1755238010100029	Lê Thu	Huệ	25/10/1999	Nữ	Khá	Luật	
836	1755238010100074	PHẠM QUANG	HUY	20/02/1999	Nam	Khá	Luật	
837	1755238010100064	NGUYỄN KHÁNH	HUYỀN	01/08/1999	Nữ	Khá	Luật	
838	1755238010100161	PHẠM THỊ KHÁNH	HUYỀN	19/12/1999	Nữ	Giỏi	Luật	
839	1755238010100267	Trần Thị	Lan	07/10/1995	Nữ	Giỏi	Luật	
840	1755238010100096	BÙI THỊ THÙY	LINH	10/10/1999	Nữ	Khá	Luật	
841	1755238010100023	PHẠM THỊ THÙY	LINH	23/06/1999	Nữ	Giỏi	Luật	
842	1755238010100019	Phạm Thị Thùy	Linh	26/02/1999	Nữ	Giỏi	Luật	
843	1755238010100031	LÊ ĐOÀN THẢO	LY	19/02/1999	Nữ	Trung bình	Luật	
844	1755238010100021	TRẦN ĐẮC	MẠNH	27/09/1999	Nam	Khá	Luật	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
845	1755238010100067	Vũ Thị Thanh	Ngân	12/03/1999	Nữ	Khá	Luật	
846	1755238010100229	Lê Thị Bích	Ngọc	27/01/1999	Nữ	Khá	Luật	
847	1755238010100077	NGUYỄN THỊ BÍCH	NGỌC	24/04/1999	Nữ	Trung bình	Luật	
848	1755238010100034	HOÀNG THỊ	NHUNG	19/09/1999	Nữ	Trung bình	Luật	
849	1755238010100097	NGUYỄN THỊ	NHUNG	03/10/1999	Nữ	Giỏi	Luật	
850	1755238010100118	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	08/01/1999	Nữ	Giỏi	Luật	
851	1755238010100086	TRƯƠNG HỒNG	NHUNG	16/11/1999	Nữ	Khá	Luật	
852	1755238010100030	NGUYỄN THỊ	NỤ	25/06/1999	Nữ	Khá	Luật	
853	1755238010100115	CÀM BÁ	TÙNG	28/07/1999	Nam	Khá	Luật	
854	1755238010100249	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	01/06/1999	Nữ	Khá	Luật	
855	1755238010100215	LÊ THỊ	HIÊN	15/12/1999	Nữ	Khá	Luật	
856	1755238010100287	PHAN VĂN	HOÀNG	01/01/1998	Nam	Khá	Luật	
857	1755238010100126	TRẦN THỊ	HƯƠNG	03/03/1999	Nữ	Khá	Luật	
858	1755238010100251	Trịnh Thị	Huong	28/01/1999	Nữ	Khá	Luật	
859	1755238010100254	NGUYỄN NHẬT	HUY	31/03/1999	Nam	Khá	Luật	
860	1755238010100090	NGUYỄN HỮU LÂM	KHIÊM	22/06/1999	Nam	Khá	Luật	
861	1755238010100210	LÊ THỊ	LÀI	07/03/1999	Nữ	Khá	Luật	
862	1755238010100209	NGUYỄN THỊ	LIÊN	23/03/1999	Nữ	Khá	Luật	
863	1755238010100181	ĐẬU THỊ HƯƠNG	LY	15/09/1999	Nữ	Khá	Luật	
864	1755238010100119	NGUYỄN CÔNG	LÝ	17/05/1996	Nam	Khá	Luật	
865	1755238010100150	ĐỖ THANH	MAI	18/09/1999	Nữ	Khá	Luật	
866	1755238010100195	PHAN THỊ	MÉN	27/08/1999	Nữ	Khá	Luật	
867	1755238010100206	TRƯƠNG QUỲNH	NGỌC	16/09/1999	Nữ	Khá	Luật	
868	1755238010100140	TRẦN THỊ THẢO	NGUYỄN	01/01/1999	Nữ	Xuất sắc	Luật	
869	1755238010100132	HOÀNG NGHĨA	NHÂN	06/02/1999	Nam	Khá	Luật	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
870	1755238010100204	VY VĂN	NHẬT	22/04/1999	Nam	Giỏi	Luật	
871	1755238010100199	NGUYỄN THỊ HUỆ	NHI	04/04/1999	Nữ	Khá	Luật	
872	1755238010100164	LÊ NGUYỄN HỒNG	NHUNG	20/03/1999	Nữ	Khá	Luật	
873	1755238010100182	NGUYỄN HỒNG	NHUNG	01/09/1999	Nữ	Khá	Luật	
874	1755238010100213	Hồ Phương	Quỳnh	01/08/1999	Nam	Trung bình	Luật	
875	1755238010100253	Nguyễn Văn	Sáng	12/12/1999	Nam	Trung bình	Luật	
876	1755238010100269	TRẦN VĂN	SÁNG	18/01/1997	Nam	Khá	Luật	
877	1755238010100198	LÔ THỊ	SEN	01/03/1998	Nữ	Trung bình	Luật	
878	1755238010100148	NGÔ VĂN	SƠN	04/04/1999	Nam	Khá	Luật	
879	1755238010100265	Hoàng Văn	Tài	08/02/1992	Nam	Khá	Luật	
880	1755238010100149	NGUYỄN THANH	TÂM	21/11/1999	Nam	Khá	Luật	
881	1755238010100203	Hoàng Thị Ánh	Tuyết	14/06/1999	Nữ	Giỏi	Luật	
882	1755238010100250	NGUYỄN THỊ	TUYẾT	02/01/1999	Nữ	Giỏi	Luật	
883	1755238010100284	TRẦN THỊ KHÁNH	HUYỀN	19/01/1998	Nữ	Giỏi	Luật	
884	1755238010100285	ĐẬU THỊ LÊ	NA	05/06/1999	Nữ	Khá	Luật	
885	1755238010100278	VÕ THỊ QUỲNH	NHƯ	23/02/1999	Nữ	Khá	Luật	
886	1755238010100101	HÀ VĂN	THÁI	05/03/1998	Nam	Giỏi	Luật	
887	1755238010100061	LƯƠNG ĐỨC	THẮNG	18/09/1999	Nam	Trung bình	Luật	
888	1755238010100193	NGUYỄN THẾ	THẮNG	10/11/1999	Nam	Khá	Luật	
889	1755238010100231	Vũ Ngọc	Thắng	03/08/1999	Nam	Khá	Luật	
890	1755238010100261	VÕ QUANG	THÀNH	11/06/1999	Nam	Khá	Luật	
891	1755238010100279	Doãn Thị	Thảo	12/04/1999	Nữ	Xuất sắc	Luật	
892	1755238010100157	NGÔ VĂN	THIỆN	03/11/1998	Nam	Khá	Luật	
893	1755238010100039	TRẦN XUÂN	THÔNG	10/05/1999	Nam	Khá	Luật	
894	1755238010100283	BÙI THỊ	THƯƠNG	15/08/1999	Nữ	Khá	Luật	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
895	1755238010100076	NGUYỄN THỊ	THƯƠNG	03/03/1999	Nữ	Giỏi	Luật	
896	1755238010100080	NGUYỄN THỊ ÁI	THƯƠNG	15/02/1999	Nữ	Khá	Luật	
897	1755238010100232	NGUYỄN THỊ	THÚY	23/04/1999	Nữ	Khá	Luật	
898	1755238010100176	LƯU THỊ	THÚY	05/12/1999	Nữ	Khá	Luật	
899	1755238010100060	NGUYỄN MINH	TRÂM	10/10/1999	Nữ	Khá	Luật	
900	1755238010100276	Chu Thị	Trang	28/01/1999	Nữ	Khá	Luật	
901	1755238010100189	HOÀNG THỊ NGỌC	TRANG	29/06/1999	Nữ	Giỏi	Luật	
902	1755238010100056	LÊ THỊ QUỲNH	TRANG	08/01/1998	Nữ	Xuất sắc	Luật	
903	1755238010100038	TÔ THU	TRANG	09/10/1999	Nữ	Giỏi	Luật	
904	1755238010100223	Võ Thị Huyền	Trang	01/01/1999	Nữ	Khá	Luật	
905	1755238010100066	NGUYỄN VĂN	TRÍ	08/08/1999	Nam	Khá	Luật	
906	1755238010100047	HOÀNG VĂN	TRỌNG	10/09/1994	Nam	Khá	Luật	
907	1755238010100146	ĐẶNG VIỆT	TRUNG	19/12/1999	Nam	Khá	Luật	
908	1755238010100169	LÊ ĐỨC	TRUNG	23/06/1997	Nam	Khá	Luật	
909	1755238010100286	NGUYỄN THANH	TÙNG	17/11/1998	Nam	Khá	Luật	
910	1755238010100160	PHAN THỊ CẨM	VÂN	29/10/1999	Nữ	Xuất sắc	Luật	
911	1755238010100051	VŨ THỊ HỒNG	VÂN	22/08/1999	Nữ	Khá	Luật	
912	1755238010100144	HOÀNG QUỐC	VIỆT	18/05/1999	Nam	Giỏi	Luật	
913	1755238010100235	VƯƠNG THỊ	VIỆT	30/01/1999	Nữ	Giỏi	Luật	
914	1755238010100256	Thái Thị	Vui	01/05/1999	Nữ	Giỏi	Luật	
915	1755238010100065	Đậu Thị Hải	YẾN	23/08/1999	Nữ	Khá	Luật	
916	1755238010100134	NGUYỄN THỊ	YẾN	16/08/1999	Nữ	Giỏi	Luật	
917	186523801010019	Lâm Sơn	Tùng	15/09/1978	Nam	Khá	Luật	VB2
918	155D3801010054	ĐẶNG HÙNG	ANH	03/11/1996	Nam	Trung bình	Luật	
919	155D3801010615	Đàm Minh	Chiến	21/04/1995	Nam	Trung bình	Luật	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
920	165TDV400358	LÊ HÙNG	ĐỨC	14/11/1996	Nam	Khá	Luật kinh tế	
921	165TDV400178	NGUYỄN ĐÌNH	TIẾN	04/03/1998	Nam	Trung bình	Luật kinh tế	
922	1755238010700050	ĐÀO TRẦN PHƯƠNG	ANH	02/06/1999	Nữ	Khá	Luật kinh tế	
923	1755238010700037	NGUYỄN THỊ LAN	ANH	01/01/1999	Nữ	Giỏi	Luật kinh tế	
924	1755238010700067	TRẦN THỊ NGỌC	ÁNH	10/11/1999	Nữ	Giỏi	Luật kinh tế	
925	1755238010700214	NGUYỄN VĂN VIỆT	BẮC	21/08/1998	Nam	Trung bình	Luật kinh tế	
926	1755238010700152	NGUYỄN XUÂN TUẤN	BẢO	30/01/1999	Nam	Khá	Luật kinh tế	
927	1755238010700213	TRẦN TRỌNG	ĐỨC	17/09/1999	Nam	Khá	Luật kinh tế	
928	1755238010700107	Lê Thị Thùy	Dung	17/02/1999	Nữ	Trung bình	Luật kinh tế	
929	1755238010700040	HOÀNG THỊ	DUYÊN	10/09/1998	Nữ	Trung bình	Luật kinh tế	
930	1755238010700117	NGUYỄN THỊ	GIANG	21/05/1999	Nữ	Khá	Luật kinh tế	
931	1755238010700055	NGUYỄN THỊ HÀ	GIANG	05/12/1999	Nữ	Khá	Luật kinh tế	
932	1755238010700002	TRẦN ĐỨC	GIANG	22/10/1999	Nam	Khá	Luật kinh tế	
933	1755238010700020	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	28/09/1999	Nữ	Xuất sắc	Luật kinh tế	
934	1755238010700164	NGUYỄN VĂN SONG	HIẾU	02/10/1999	Nam	Khá	Luật kinh tế	
935	1755238010700063	NGUYỄN THỊ	HOÀN	16/12/1999	Nữ	Khá	Luật kinh tế	
936	1755238010700223	ĐỖ XUÂN	HUY	20/08/1998	Nam	Khá	Luật kinh tế	
937	1755238010740240	Pathammavong	Inthana	16/10/1998	Nam	Trung bình	Luật kinh tế	
938	1755238010740238	Syaphone	Khantee	26/06/1998	Nam	Trung bình	Luật kinh tế	
939	1755238010740237	Sayabouddy	Kovit	06/04/1998	Nam	Trung bình	Luật kinh tế	
940	1755238010700073	ĐÀO NHẬT	LINH	11/10/1999	Nữ	Khá	Luật kinh tế	
941	1755238010700019	TRẦN THỊ	LINH	04/03/1999	Nữ	Giỏi	Luật kinh tế	
942	1755238010700068	TRẦN THỊ MỸ	LINH	20/11/1999	Nữ	Giỏi	Luật kinh tế	
943	1755238010700101	UÔNG THỊ TÂM	LINH	20/04/1999	Nữ	Trung bình	Luật kinh tế	
944	1755238010700121	NGUYỄN THỊ	NGÂN	16/09/1998	Nữ	Giỏi	Luật kinh tế	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
945	1755238010740235	Xaiyabupha	Phiphavanh	28/06/1998	Nữ	Trung bình	Luật kinh tế	
946	1755238010700129	TRẦN THẾ	SANG	02/09/1995	Nam	Khá	Luật kinh tế	
947	1755238010700132	CAO HẢI	SƠN	21/10/1999	Nam	Trung bình	Luật kinh tế	
948	1755238010700005	Vũ Minh	Thắng	17/07/1998	Nam	Khá	Luật kinh tế	
949	1755238010700024	BÙI HUYỀN	THƯƠNG	20/07/1999	Nữ	Xuất sắc	Luật kinh tế	
950	1755238010700017	NGUYỄN THỊ	THƯƠNG	08/03/1999	Nữ	Khá	Luật kinh tế	
951	1755238010700057	TRẦN THỊ THANH	THÚY	24/07/1999	Nữ	Khá	Luật kinh tế	
952	1755238010740241	Seevongxay	To	20/09/1998	Nam	Trung bình	Luật kinh tế	
953	1755238010700001	LÊ HUYỀN	TRANG	15/07/1999	Nữ	Xuất sắc	Luật kinh tế	
954	1755238010700071	VI THỊ	TRANG	07/01/1999	Nữ	Khá	Luật kinh tế	
955	1755238010700074	NGUYỄN THỊ THU	UYÊN	20/03/1999	Nữ	Khá	Luật kinh tế	
956	1755238010740236	Khaiyakham	Vongxay	10/01/1994	Nam	Trung bình	Luật kinh tế	
957	1755238010700028	NGUYỄN THỊ	XUÂN	05/10/1999	Nữ	Khá	Luật kinh tế	
958	1755238010700049	NGUYỄN THỊ	ANH	01/12/1999	Nữ	Xuất sắc	Luật kinh tế	
959	1755238010700108	LÊ THỊ NGỌC	DIỆP	22/11/1999	Nữ	Khá	Luật kinh tế	
960	1755238010700106	NGUYỄN MINH	ĐỨC	30/12/1999	Nam	Khá	Luật kinh tế	
961	1755238010700064	PHẠM HỒNG	DƯƠNG	01/12/1999	Nam	Khá	Luật kinh tế	
962	1755238010700219	NGUYỄN THỊ	HẠNH	25/03/1999	Nữ	Giỏi	Luật kinh tế	
963	1755238010700056	PHAN THỊ	HIỀN	11/12/1998	Nữ	Khá	Luật kinh tế	
964	1755238010700104	PHAN THỊ BÍCH	HOÀI	04/02/1999	Nữ	Khá	Luật kinh tế	
965	1755238010700022	NGUYỄN VIỆT	HOÀNG	10/07/1999	Nam	Khá	Luật kinh tế	
966	1755238010700048	CHỨC THỊ	HỒNG	10/10/1999	Nữ	Khá	Luật kinh tế	
967	1755238010700058	ĐẬU THỊ	HỒNG	09/01/1998	Nữ	Giỏi	Luật kinh tế	
968	1755238010700051	Nguyễn Quang	Huy	15/08/1999	Nam	Trung bình	Luật kinh tế	
969	1755238010700016	LÊ THỊ	HUYỀN	10/08/1999	Nữ	Giỏi	Luật kinh tế	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
970	1755238010700090	LUU THỊ	HUYỀN	17/07/1999	Nữ	Khá	Luật kinh tế	
971	1755238010700122	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	07/01/1999	Nữ	Khá	Luật kinh tế	
972	1755238010700043	PHẠM NGỌC	HUYỀN	07/08/1999	Nữ	Giỏi	Luật kinh tế	
973	1755238010700154	PHAN THỊ	HUYỀN	22/08/1999	Nữ	Khá	Luật kinh tế	
974	1755238010700081	TRẦN THỊ	HUYỀN	18/12/1999	Nữ	Khá	Luật kinh tế	
975	1755238010700088	LÊ VĂN	KHANG	17/04/1998	Nam	Giỏi	Luật kinh tế	
976	1755238010700119	ĐINH THỊ KHÁNH	LINH	02/05/1999	Nữ	Khá	Luật kinh tế	
977	1755238010700077	NGÔ THUY	LINH	16/09/1999	Nữ	Giỏi	Luật kinh tế	
978	1755238010700205	Nguyễn Thị Lê	Na	04/10/1998	Nữ	Giỏi	Luật kinh tế	
979	1755238010700130	TRẦN THỊ CẨM	NHUNG	20/11/1999	Nữ	Khá	Luật kinh tế	
980	1755238010700082	PHẠM THỊ	PHƯỢNG	21/10/1999	Nữ	Khá	Luật kinh tế	
981	1755238010700015	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	26/11/1999	Nữ	Khá	Luật kinh tế	
982	1755238010700133	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	24/11/1999	Nữ	Khá	Luật kinh tế	
983	1755238010700036	LÊ THANH	THUY	28/07/1999	Nữ	Giỏi	Luật kinh tế	
984	1755238010700042	NGUYỄN THỊ	THUY	12/05/1999	Nữ	Khá	Luật kinh tế	
985	1755238010700047	PHẠM THỊ	TRANG	03/11/1999	Nữ	Khá	Luật kinh tế	
986	1755238010700029	PHẠM THỊ HUYỀN	TRANG	26/09/1999	Nữ	Xuất sắc	Luật kinh tế	
987	1755238010700124	QUANG THỊ	TRANG	26/06/1999	Nữ	Khá	Luật kinh tế	
988	1755238010700084	NGUYỄN CÔNG	TRỌNG	28/07/1998	Nam	Giỏi	Luật kinh tế	
989	1755238010700110	TRƯƠNG THU	UYÊN	18/12/1999	Nữ	Giỏi	Luật kinh tế	
990	1755238010700131	Võ Quốc	An	21/08/1997	Nam	Giỏi	Luật kinh tế	
991	1755238010700070	HÀ THỊ HỒNG	ANH	27/09/1999	Nữ	Khá	Luật kinh tế	
992	1755238010700221	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	20/05/1999	Nữ	Khá	Luật kinh tế	
993	1755238010700215	QUÁCH THỊ THANH	BÌNH	09/07/1999	Nữ	Khá	Luật kinh tế	
994	1755238010700224	PHẠM VĂN	ĐẠT	21/08/1996	Nam	Xuất sắc	Luật kinh tế	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
995	1755238010700141	NGUYỄN THỊ	GIANG	05/10/1999	Nữ	Khá	Luật kinh tế	
996	1755238010700026	Tăng Thị	Hà	31/08/1999	Nữ	Khá	Luật kinh tế	
997	1755238010700171	NGUYỄN THỊ QUỲNH	HƯƠNG	10/03/1998	Nữ	Khá	Luật kinh tế	
998	1755238010700085	HOÀNG THỊ MINH	HUYỀN	01/02/1999	Nữ	Giỏi	Luật kinh tế	
999	1755238010700046	LÊ THỊ	HUYỀN	12/08/1999	Nữ	Khá	Luật kinh tế	
1000	1755238010700087	NGUYỄN THỊ NGỌC	HUYỀN	26/08/1999	Nữ	Giỏi	Luật kinh tế	
1001	1755238010700079	NGUYỄN THỊ THANH	HUYỀN	17/11/1999	Nữ	Khá	Luật kinh tế	
1002	1755238010700033	TRƯƠNG THỊ MAI	LIÊN	16/08/1999	Nữ	Khá	Luật kinh tế	
1003	1755238010700127	NGUYỄN KHÁNH	LINH	18/11/1999	Nữ	Khá	Luật kinh tế	
1004	1755238010700093	NGUYỄN THỊ DIỆU	LINH	20/11/1999	Nữ	Trung bình	Luật kinh tế	
1005	1755238010700190	Nguyễn Hương	Ly	01/01/1999	Nữ	Giỏi	Luật kinh tế	
1006	1755238010700230	Phan Thị Thùy	Nhung	10/01/1999	Nữ	Trung bình	Luật kinh tế	
1007	1755238010700009	TRẦN HẬU HỒNG	QUÂN	02/07/1998	Nam	Khá	Luật kinh tế	
1008	1755238010700031	CÙ XUÂN	SƠN	24/05/1999	Nam	Khá	Luật kinh tế	
1009	1755238010700053	HOÀNG VĂN	SƠN	08/01/1998	Nam	Khá	Luật kinh tế	
1010	1755238010700062	PHẠM THỊ	THANH	09/12/1999	Nữ	Giỏi	Luật kinh tế	
1011	1755238010700162	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	31/07/1999	Nữ	Khá	Luật kinh tế	
1012	1755238010700060	NGUYỄN THỊ	THƯƠNG	03/02/1999	Nữ	Khá	Luật kinh tế	
1013	1755238010700035	TẠ THỊ	TÌNH	16/01/1999	Nữ	Xuất sắc	Luật kinh tế	
1014	1755238010700105	NGUYỄN THỊ CẨM	TÚ	23/02/1999	Nữ	Giỏi	Luật kinh tế	
1015	1755238010700115	PHẠM QUỐC	VIỆT	16/11/1999	Nam	Khá	Luật kinh tế	
1016	1755238010700229	NGUYỄN THỊ	XUYỀN	10/02/1998	Nữ	Giỏi	Luật kinh tế	
1017	1755238010700111	Nguyễn Thị	Yến	01/05/1999	Nữ	Trung bình	Luật kinh tế	
1018	1755238010700197	DƯƠNG THỊ VÂN	ANH	08/12/1999	Nữ	Giỏi	Luật kinh tế	
1019	1755238010700148	Phan Thành	Đạt	22/11/1999	Nam	Khá	Luật kinh tế	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
1020	1755238010700146	VŨ VĂN	ĐỨC	11/08/1999	Nam	Khá	Luật kinh tế	
1021	1755238010700225	TRỊNH THỊ	DUNG	02/09/1999	Nữ	Khá	Luật kinh tế	
1022	1755238010700184	Trần Văn	Dũng	18/09/1999	Nam	Trung bình	Luật kinh tế	
1023	1755238010700199	Lê Thị Kim	Hồng	17/07/1999	Nữ	Giỏi	Luật kinh tế	
1024	1755238010700094	HOÀNG KHÁNH	HUYỀN	06/03/1999	Nữ	Giỏi	Luật kinh tế	
1025	1755238010700170	NGUYỄN THỊ THANH	LAM	10/04/1999	Nữ	Khá	Luật kinh tế	
1026	1755238010700091	LÊ THỊ KHÁNH	LY	16/06/1999	Nữ	Khá	Luật kinh tế	
1027	1755238010700201	DƯƠNG THỊ NAM	NHI	16/12/1997	Nữ	Giỏi	Luật kinh tế	
1028	1755238010700158	SIU	NHO	20/02/1999	Nữ	Khá	Luật kinh tế	
1029	1755238010700151	NGUYỄN CẢNH	PHÚ	20/10/1999	Nam	Trung bình	Luật kinh tế	
1030	1755238010700173	HỒ ĐÌNH	THẾ	16/02/1995	Nam	Khá	Luật kinh tế	
1031	1755238010700204	Trần Thị	Trà	20/11/1999	Nữ	Khá	Luật kinh tế	
1032	1755238010700178	VÕ CÔNG	TRÚ	15/08/1998	Nam	Khá	Luật kinh tế	
1033	1755238010700174	Trần Đình	Tú	24/10/1999	Nam	Khá	Luật kinh tế	
1034	155D3801070107	NGUYỄN MINH	THÀNH	17/11/1997	Nam	Khá	Luật kinh tế	
1035	165D22020100124	PHẠM THỊ	HẰNG	10/04/1998	Nữ	Trung bình	Ngôn ngữ Anh	
1036	165D22020100010	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	18/08/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1037	165D22020100116	MAI HƯƠNG	GIANG	02/01/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1038	1755222020100032	LÊ THỊ LAN	ANH	09/08/1999	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1039	1755222020100064	NGUYỄN LAN	ANH	12/01/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1040	1755222020100011	NGUYỄN THỊ LAN	ANH	19/06/1999	Nữ	Xuất sắc	Ngôn ngữ Anh	
1041	1755222020100019	PHÙNG THỊ	CÁT	26/11/1999	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1042	1755222020100039	NGUYỄN THỊ HÀ	GIANG	23/08/1999	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1043	1755222020100056	Nguyễn Thị Thu	Hà	13/06/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1044	1755222020100042	LÊ THỊ HỒNG	HẠNH	23/11/1998	Nữ	Trung bình	Ngôn ngữ Anh	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
1045	1755222020100075	Trương Thị Ngọc	Huyền	14/01/1997	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1046	1755222020100058	NGUYỄN THỊ	LAN	02/09/1999	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1047	1755222020100050	NGUYỄN THỊ	LÊ	15/05/1999	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1048	1755222020100087	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	30/10/1999	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1049	1755222020100020	NGUYỄN THỊ	LỊNH	21/10/1999	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1050	1755222020100095	PHẠM THỊ ÁNH	NGUYỆT	02/02/1999	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1051	1755222020100025	THÀNH THỊ	OANH	02/01/1999	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1052	1755222020100034	CAO THỊ	THƯƠNG	06/04/1999	Nữ	Xuất sắc	Ngôn ngữ Anh	
1053	1755222020100070	NGUYỄN THỊ QUỲNH	THƯƠNG	14/01/1999	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1054	1755222020100017	NGUYỄN THỊ HỒNG	THÙY	24/03/1999	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1055	1755222020100027	NGUYỄN THỊ	TRÀ	25/05/1999	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1056	1755222020100088	TRẦN THANH HOÀI	TRANG	01/12/1999	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1057	1755222020106001	Nguyễn Văn	Trình	30/06/1999	Nam	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1058	1755222020100018	NGUYỄN THỊ	UYÊN	02/10/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1059	1755222020100013	NGUYỄN THỊ	VY	30/08/1999	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1060	1755222020100029	TRẦN THỊ	AN	18/10/1999	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1061	1755222020100139	LÊ THỊ KIM	ANH	07/12/1999	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1062	1755222020100083	NGUYỄN THỊ TÚ	ANH	28/06/1999	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1063	1755222020100100	NGUYỄN THỊ	ÁNH	25/11/1999	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1064	1755222020100082	NGUYỄN THỊ	BÉ	13/02/1999	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1065	1755222020100117	PHAN THỊ	DUNG	25/06/1999	Nữ	Giỏi	Ngôn ngữ Anh	
1066	1755222020100105	TRẦN THANH	HIỀN	08/03/1999	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1067	1755222020100074	VŨ THỊ THANH	HIỀN	13/11/1999	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1068	1755222020100040	NGUYỄN MINH	HIẾU	19/06/1999	Nam	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1069	1755222020100141	ĐÀO THỊ	HOA	04/02/1999	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
1070	1755222020100137	NGUYỄN THỊ	HOÀI	12/01/1999	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1071	1755222020100107	MAI THỊ HỒNG	HUỆ	23/05/1999	Nữ	Trung bình	Ngôn ngữ Anh	
1072	1755222020100109	NGUYỄN THỊ KHÁNH	LINH	12/11/1999	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1073	1755222020100129	PHAN NGUYỄN KHÁNH	LINH	18/09/1999	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1074	1755222020100091	TRẦN THỊ	LINH	11/01/1999	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1075	1755222020100112	TRẦN THỊ	LỢI	30/08/1999	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1076	1755222020100125	Hồ Thị	Lương	07/12/1999	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1077	1755222020100084	NGUYỄN THỊ	NHI	13/08/1999	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1078	1755222020100077	Nguyễn Như	Phong	24/10/1999	Nam	Giỏi	Ngôn ngữ Anh	
1079	1755222020100052	NGUYỄN THỊ	QUỲNH	11/11/1999	Nữ	Giỏi	Ngôn ngữ Anh	
1080	1755222020100143	NGUYỄN THỊ	THẢO	29/03/1999	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1081	1755222020100053	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	THIỆN	17/05/1999	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1082	1755222020100103	NGUYỄN THỊ	THOM	03/11/1999	Nữ	Giỏi	Ngôn ngữ Anh	
1083	1755222020100144	TRẦN THỊ THU	TRÀ	24/08/1999	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1084	1755222020100142	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	18/08/1999	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1085	1755222020100073	ĐINH THỊ	VUI	22/09/1999	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1086	1755222020100216	BẠCH THỊ	YẾN	01/01/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1087	1755222020100062	NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	02/11/1999	Nữ	Trung bình	Ngôn ngữ Anh	
1088	1755222020100168	NGUYỄN THANH	HÀ	06/11/1999	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1089	1755222020100130	Trần Thị Lệ	Hằng	14/05/1999	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1090	1755222020100164	NGUYỄN THỊ	HẠNH	24/09/1999	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1091	1755222020100161	LÊ THỊ	HOÀI	28/11/1999	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1092	1755222020100156	NGUYỄN THỊ MAI	HƯƠNG	21/10/1999	Nữ	Trung bình	Ngôn ngữ Anh	
1093	1755222020100001	PHÙNG THỊ	HUYỀN	18/02/1999	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1094	1755222020100028	TRẦN THỊ KHÁNH	LINH	10/09/1999	Nữ	Trung bình	Ngôn ngữ Anh	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
1095	1755222020100118	TRẦN THỊ	LOAN	25/09/1999	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1096	1755222020100041	Nguyễn Ngọc Huyền	My	04/05/1999	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1097	1755222020100135	NGUYỄN THỊ KIM	OANH	06/02/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1098	1755222020100163	MAI THỊ ÁNH	THẨM	02/07/1999	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1099	1755222020100138	DƯƠNG THỊ THANH	THẢO	05/10/1999	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1100	1755222020100007	PHẠM HỒNG	THUẬN	24/09/1999	Nữ	Giỏi	Ngôn ngữ Anh	
1101	1755222020100120	HỒ THỊ HUYỀN	TRANG	26/04/1999	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1102	1755222020100023	HOÀNG THỊ THU	TRANG	06/08/1999	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1103	1755222020100165	VÕ THỊ HUYỀN	TRANG	10/09/1999	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1104	1755222020100155	ĐẬU CẨM	TÚ	02/09/1999	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1105	1755222020100209	Lê Thị Phương	Anh	06/05/1999	Nữ	Trung bình	Ngôn ngữ Anh	
1106	1755222020100015	PHẠM THỊ PHƯƠNG	ANH	16/01/1999	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1107	1755222020100188	NGUYỄN QUỐC	CƯỜNG	05/01/1999	Nam	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1108	1755222020100199	LƯU THỊ	HẰNG	02/02/1999	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1109	1755222020100202	Phạm Thị Thu	Hằng	02/02/1999	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1110	1755222020100136	NGUYỄN THỊ	HÒA	18/01/1997	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1111	1755222020100101	Nguyễn Ngọc	Lộc	15/04/1999	Nam	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1112	1755222020100206	Nguyễn Thị Hồng	Lương	03/08/1999	Nữ	Giỏi	Ngôn ngữ Anh	
1113	1755222020100215	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	26/10/1999	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1114	1755222020100195	TRẦN LÊ QUỲNH	NHI	13/09/1999	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1115	1755222020100205	Đặng Thị Cẩm	Nhung	19/03/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1116	1755222020100092	NGUYỄN ĐÔN HẢI	QUANG	20/02/1999	Nam	Giỏi	Ngôn ngữ Anh	
1117	1755222020100069	LÊ THỊ	QUỲNH	31/10/1999	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1118	1755222020100176	Nguyễn Ngọc	Sỹ	13/12/1998	Nam	Trung bình	Ngôn ngữ Anh	
1119	1755222020100208	Trương Thị Huyền	Thương	07/05/1999	Nữ	Trung bình	Ngôn ngữ Anh	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
1120	1755222020100211	NGUYỄN THỊ	TIỆP	10/06/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1121	1755222020100225	LÊ THỊ MINH	CHÂU	18/11/1999	Nữ	Giỏi	Ngôn ngữ Anh	
1122	1755222020100193	NGUYỄN THỊ	CÚC	08/03/1999	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1123	1755222020100233	Hoàng Thị	Huyền	27/03/1999	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1124	1755222020100218	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	07/09/1999	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1125	1755222020100223	TRỊNH THỊ	LIỄU	10/10/1999	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1126	1755222020100221	Cao Thị	Ngân	20/08/1999	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1127	1755222020100248	NGUYỄN THỊ	NHÀN	24/07/1999	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1128	1755222020100226	PHẠM THỊ NHƯ	QUỲNH	25/12/1999	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1129	1755222020100174	Nguyễn Thị	Trang	08/03/1998	Nữ	Giỏi	Ngôn ngữ Anh	
1130	1755222020100182	Trần Thị	Trang	31/03/1999	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1131	1755222020100239	Lê Đức	Tuân	16/01/1998	Nam	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1132	1755222020100004	ĐẬU THỊ	XUÂN	06/09/1999	Nữ	Giỏi	Ngôn ngữ Anh	
1133	1755222020100243	LÊ NGỌC	YẾN	25/06/1999	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1134	155D22202010003	NGUYỄN THỊ	HOA	04/07/1997	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1135	155D22202010128	LÊ THỊ	TRÒN	07/12/1997	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
1136	155D22202010204	BÙI THỊ	THU	25/06/1997	Nữ	Trung bình	Ngôn ngữ Anh	
1137	1755262010900008	Nguyễn Hoàng	Tuân	27/01/1999	Nam	Xuất sắc	Nông học	
1138	155D6201090008	HỒ VĂN	ĐỨC	21/11/1995	Nam	Khá	Nông học	
1139	1755262030100004	PHAN THẾ	ANH	06/05/1994	Nam	Giỏi	Nuôi trồng thủy sản	
1140	1755262030100010	BÙI VĂN	HIẾU	03/04/1999	Nam	Khá	Nuôi trồng thủy sản	
1141	1755262030100005	Lê Cảnh	Hùng	12/11/1999	Nam	Trung bình	Nuôi trồng thủy sản	
1142	1755262030100012	TRỊNH XUÂN	NGHĨA	13/01/1999	Nam	Khá	Nuôi trồng thủy sản	
1143	1755262030140017	Manotham	Sipheng	09/07/1998	Nam	Giỏi	Nuôi trồng thủy sản	
1144	1755262030100001	NGUYỄN NHƯ	SỸ	25/05/1999	Nam	Khá	Nuôi trồng thủy sản	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
1145	1755262030100006	TRẦN QUỐC	TRIỆU	23/08/1999	Nam	Khá	Nuôi trồng thủy sản	
1146	165TDV300006	VŨ BÁ	HÙA	04/04/1998	Nam	Khá	Quản lý đất đai	
1147	135D8501030105	Lê Đức	An	04/03/1995	Nam	Trung bình	Quản lý đất đai	
1148	155D8501030028	NGUYỄN HOÀNG	ĐỨC	04/05/1997	Nam	Khá	Quản lý đất đai	
1149	1755214011440038	Thepsouvan	Bounlang	25/02/1999	Nam	Trung bình	Quản lý giáo dục	
1150	1755214011400015	Nguyễn Thị	Nhung	05/03/1999	Nữ	Giỏi	Quản lý giáo dục	
1151	1755214011400018	ĐẶNG THỊ	THƯƠNG	27/07/1999	Nữ	Giỏi	Quản lý giáo dục	
1152	1755214011400035	Nguyễn Thị	Tú	10/05/1998	Nữ	Khá	Quản lý giáo dục	
1153	145D1401140012	Lương Thị Thúy	Hằng	21/02/1995	Nữ	Khá	Quản lý giáo dục	
1154	165TDV300037	LÂM THỊ THU	HUYỀN	15/10/1998	Nữ	Xuất sắc	Quản lý tài nguyên và môi trường	
1155	1755285010140009	Nouporleexong	Chanphet	05/05/1995	Nam	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường	
1156	1755285010140010	Chanthathep	Keobandith	14/03/1998	Nam	Trung bình	Quản lý tài nguyên và môi trường	
1157	1755285010140008	Yoisaikham	Khamla	26/06/1996	Nữ	Trung bình	Quản lý tài nguyên và môi trường	
1158	155D8501010036	TẶNG TIẾN	VINH	31/07/1997	Nam	Trung bình	Quản lý tài nguyên và môi trường	
1159	155D8501010058	ĐẶNG THỊ HỒNG	VÂN	02/01/1997	Nữ	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường	
1160	1755234010100034	Nguyễn Trần Phương	Anh	28/06/1999	Nữ	Khá	Quản trị kinh doanh	
1161	1755234010100013	TRỊNH HOÀI	BẢO	12/10/1999	Nam	Khá	Quản trị kinh doanh	
1162	1755234010100043	TRẦN MINH	CHIẾN	21/11/1999	Nam	Trung bình	Quản trị kinh doanh	
1163	1755234010100133	NGUYỄN THỊ THẢO	ĐAN	27/08/1999	Nữ	Giỏi	Quản trị kinh doanh	
1164	1755234010100055	LÊ THỊ	DUNG	24/09/1999	Nữ	Khá	Quản trị kinh doanh	
1165	1755234010100109	HỒ ĐỨC	DŨNG	09/10/1999	Nam	Khá	Quản trị kinh doanh	
1166	1755234010100028	LÊ THỊ MỸ	DUYÊN	05/05/1999	Nữ	Khá	Quản trị kinh doanh	
1167	1755234010100075	BÙI THỊ THU	GIANG	01/09/1999	Nữ	Trung bình	Quản trị kinh doanh	
1168	1755234010100127	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	19/12/1999	Nữ	Khá	Quản trị kinh doanh	
1169	1755234010100037	Phan Trung	Hiếu	02/03/1998	Nam	Giỏi	Quản trị kinh doanh	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
1170	1755234010100141	NGUYỄN VĂN	HÔNG	28/06/1999	Nam	Giỏi	Quản trị kinh doanh	
1171	1755234010100087	NGUYỄN THỊ	HỢP	06/09/1999	Nữ	Khá	Quản trị kinh doanh	
1172	1755234010100136	TRẦN THỊ THU	HƯƠNG	08/04/1999	Nữ	Khá	Quản trị kinh doanh	
1173	1755234010100020	NGUYỄN QUANG	HUY	19/05/1999	Nam	Khá	Quản trị kinh doanh	
1174	1755234010100049	PHẠM VĂN	HUY	18/10/1999	Nam	Khá	Quản trị kinh doanh	
1175	1755262011500001	NGUYỄN THỊ	LÊ	09/05/1999	Nữ	Khá	Quản trị kinh doanh	
1176	1755234010100008	NGUYỄN THỊ	LINH	27/08/1999	Nữ	Trung bình	Quản trị kinh doanh	
1177	1755234010100038	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	30/11/1999	Nữ	Giỏi	Quản trị kinh doanh	
1178	1755234010100042	Nguyễn Văn	Mạnh	26/04/1999	Nam	Trung bình	Quản trị kinh doanh	
1179	1755234010100025	QUẢN ANH	MINH	03/01/1999	Nam	Khá	Quản trị kinh doanh	
1180	1755234010100160	Thái Phương	Nam	14/12/1994	Nam	Trung bình	Quản trị kinh doanh	
1181	1755234010100012	QUÁCH THỊ HẰNG	NGA	06/10/1999	Nữ	Khá	Quản trị kinh doanh	
1182	1755234010100005	PHAN THỊ TÚ	OANH	25/07/1999	Nữ	Trung bình	Quản trị kinh doanh	
1183	1755234010100035	Bùi Thị Minh	Phuong	01/07/1999	Nữ	Khá	Quản trị kinh doanh	
1184	1755234010100063	NGUYỄN THỊ	QUỲNH	14/06/1999	Nữ	Khá	Quản trị kinh doanh	
1185	1755234010100073	Nguyễn Hữu	Thắng	01/09/1999	Nam	Khá	Quản trị kinh doanh	
1186	1755234010100159	Tần Lê Ngọc	Thảo	14/08/1999	Nữ	Khá	Quản trị kinh doanh	
1187	1755234030100510	NGUYỄN THỊ QUỲNH	TRANG	10/11/1999	Nữ	Khá	Quản trị kinh doanh	
1188	1755234010100007	NGUYỄN THỊ CẨM	VÂN	28/11/1999	Nữ	Khá	Quản trị kinh doanh	
1189	1755234010100040	NGUYỄN THỊ TƯỜNG	VY	11/02/1999	Nữ	Khá	Quản trị kinh doanh	
1190	1755234010100058	LÊ NGUYỄN MAI	ANH	11/01/1999	Nữ	Khá	Quản trị kinh doanh	
1191	1755234010100057	LÊ THỊ LAN	ANH	16/12/1999	Nữ	Khá	Quản trị kinh doanh	
1192	1755234010100108	Võ Duy	Đức	18/03/1999	Nam	Khá	Quản trị kinh doanh	
1193	1755234010100129	Phan Thị	Duyên	10/10/1999	Nữ	Khá	Quản trị kinh doanh	
1194	1755234010100054	Lê Thị Phương	Hằng	18/12/1999	Nữ	Trung bình	Quản trị kinh doanh	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
1195	1755234010100153	NGÔ HOÀNG KHÁNH	HUYỀN	29/08/1999	Nữ	Trung bình	Quản trị kinh doanh	
1196	1755234010100078	TRẦN THỊ	LOAN	20/03/1999	Nữ	Khá	Quản trị kinh doanh	
1197	1755234010100116	Nguyễn Văn	Mạnh	26/05/1999	Nam	Trung bình	Quản trị kinh doanh	
1198	1755234010100070	LÊ THỊ	MÉN	04/10/1999	Nữ	Khá	Quản trị kinh doanh	
1199	1755234010100096	Huỳnh Thị Huyền	My	15/09/1999	Nữ	Trung bình	Quản trị kinh doanh	
1200	1755234010100100	ĐẬU THỊ THU	NGA	16/06/1999	Nữ	Khá	Quản trị kinh doanh	
1201	1755234010100103	NGUYỄN THỊ	SEN	15/02/1999	Nữ	Khá	Quản trị kinh doanh	
1202	1755234010100117	Phạm Thị Thu	Sương	21/04/1999	Nữ	Trung bình	Quản trị kinh doanh	
1203	1755234010100076	TRẦN THỊ	THẢO	02/02/1999	Nữ	Khá	Quản trị kinh doanh	
1204	1755234010100024	NGUYỄN THỊ	THU	25/08/1999	Nữ	Khá	Quản trị kinh doanh	
1205	1755234010100071	TRỊNH THỊ THU	TRANG	06/11/1999	Nữ	Khá	Quản trị kinh doanh	
1206	1755234010100121	Phạm Hạnh	Tú	19/12/1999	Nữ	Khá	Quản trị kinh doanh	
1207	1755234010100157	TRẦN THỊ	VINH	08/09/1998	Nữ	Giỏi	Quản trị kinh doanh	
1208	1755234010100031	NGUYỄN ĐÌNH	VŨ	27/04/1999	Nam	Khá	Quản trị kinh doanh	
1209	165TDV600338	HOÀNG THỊ MAI	SANG	12/12/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Địa lý	
1210	1755214021910003	PHẠM THỊ THẢO	ANH	10/09/1999	Nữ	Giỏi	Sư phạm Địa lý	
1211	1755214021910025	CAO THỊ NGỌC	ÁNH	08/10/1999	Nữ	Giỏi	Sư phạm Địa lý	
1212	1755214021910022	Nguyễn Đình	Đức	28/05/1999	Nam	Xuất sắc	Sư phạm Địa lý	
1213	1755214021910020	NGUYỄN THỊ MỸ	HẠNH	20/10/1999	Nữ	Giỏi	Sư phạm Địa lý	
1214	1755214021910011	Nguyễn Thị	Hoa	24/05/1999	Nữ	Giỏi	Sư phạm Địa lý	
1215	1755214021910021	TRẦN THỊ	HUỆ	16/04/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Địa lý	
1216	1755214021910006	TRẦN THỊ THANH	HUYỀN	27/02/1999	Nữ	Xuất sắc	Sư phạm Địa lý	
1217	1755214021910018	Võ Thị Hồng	Ngân	08/09/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Địa lý	
1218	1755214021910019	NGUYỄN THỊ	NGỌC	24/10/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Địa lý	
1219	1755214021910007	PHAN THỊ	NHUNG	22/03/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Địa lý	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
1220	1755214021910008	VI THỊ	PHƯƠNG	03/09/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Địa lý	
1221	1755214021910023	BÙI THỊ MAI	SƯƠNG	14/02/1999	Nữ	Giỏi	Sư phạm Địa lý	
1222	1755214021910010	Đặng Thị Tú	Uyên	24/07/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Địa lý	
1223	1755214021210004	LÊ THỊ NGỌC	ANH	03/11/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Hóa học	
1224	1755214021210009	NGUYỄN THỊ LINH	CHI	04/06/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Hóa học	
1225	1755214021200003	LÊ THỊ THÚY	MƠ	17/04/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Hóa học	
1226	1755214021210019	TRẦN THỊ TRÚC	NGÂN	31/12/1999	Nữ	Giỏi	Sư phạm Hóa học	
1227	1755214021210001	TRẦN THỊ QUỲNH	TRANG	13/07/1999	Nữ	Giỏi	Sư phạm Hóa học	
1228	155D1402131041	VÕ THỊ QUỲNH	TRANG	20/10/1997	Nữ	Khá	Sư phạm Hóa học	
1229	1755214021810002	PHẠM THỊ HÀ	GIANG	09/08/1999	Nữ	Giỏi	Sư phạm Lịch sử	
1230	1755214021800009	MAI THỊ	LIÊN	28/11/1998	Nữ	Xuất sắc	Sư phạm Lịch sử	
1231	1755214021810003	Trần Thị Thanh	Thúy	24/06/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Lịch sử	
1232	1755214021810007	Trần Thị Thanh	Thùy	09/07/1999	Nữ	Giỏi	Sư phạm Lịch sử	
1233	165TDV600216	NGUYỄN THỊ	HẰNG	08/09/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Ngữ văn	
1234	1755214021710003	NGUYỄN THỊ THÚY	AN	10/10/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Ngữ văn	
1235	1755214021710041	NGUYỄN THỊ LÂM	ANH	25/11/1999	Nữ	Giỏi	Sư phạm Ngữ văn	
1236	1755214021710002	NGUYỄN THỊ	HẰNG	03/07/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Ngữ văn	
1237	1755214021710028	LÊ VIỆT	HIẾU	31/05/1999	Nam	Giỏi	Sư phạm Ngữ văn	
1238	1755214021710037	BÙI THỊ LAN	HƯƠNG	12/06/1999	Nữ	Xuất sắc	Sư phạm Ngữ văn	
1239	1755214021910016	Ngô Thị	Linh	20/06/1999	Nữ	Giỏi	Sư phạm Ngữ văn	
1240	1755214021710040	NGUYỄN THỊ	LÝ	18/11/1999	Nữ	Giỏi	Sư phạm Ngữ văn	
1241	1755214021710011	TRẦN THỊ	NGỌC	03/07/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Ngữ văn	
1242	1755214021710050	TRẦN THỊ	NGUYỄN	21/01/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Ngữ văn	
1243	1755214021710004	DƯƠNG THỊ PHƯƠNG	NHỤY	15/12/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Ngữ văn	
1244	1755214021710044	UÔNG THỊ	OANH	22/10/1999	Nữ	Giỏi	Sư phạm Ngữ văn	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
1245	1755214021910015	NGUYỄN DƯƠNG	QUANG	28/12/1999	Nam	Khá	Sư phạm Ngữ văn	
1246	1755214021710049	NGUYỄN THỊ	QUỲNH	25/09/1999	Nữ	Giỏi	Sư phạm Ngữ văn	
1247	1755214021710006	LẠI THỊ	TÂM	12/10/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Ngữ văn	
1248	1755214021710009	HỒ THỊ	THẨM	16/11/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Ngữ văn	
1249	1755214021710047	Lê Thị Phương	Thảo	30/04/1999	Nữ	Giỏi	Sư phạm Ngữ văn	
1250	1755214021710013	NGUYỄN THỊ	THẢO	25/04/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Ngữ văn	
1251	1755214021710038	PHẠM THỊ PHƯƠNG	THẢO	17/02/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Ngữ văn	
1252	1755214021710033	HOÀNG VĂN	THÔNG	29/11/1993	Nam	Khá	Sư phạm Ngữ văn	
1253	1755214021710025	HỒ THỊ HOÀI	THƯƠNG	08/12/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Ngữ văn	
1254	1755214021710024	NGUYỄN THỊ HOÀI	THƯƠNG	01/03/1999	Nữ	Xuất sắc	Sư phạm Ngữ văn	
1255	1755214021710021	VÕ THỊ	THƯƠNG	14/06/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Ngữ văn	
1256	1755214021710051	NGUYỄN THỦY	TRANG	17/08/1999	Nữ	Giỏi	Sư phạm Ngữ văn	
1257	1755214021710022	NGUYỄN THỊ LÊ	VI	28/05/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Ngữ văn	
1258	155D1402171008	VI THỊ	KHÁNH	19/06/1997	Nữ	Khá	Sư phạm Ngữ văn	
1259	155D1402171087	NGUYỄN CÔNG TRƯỜNG	SƠN	30/09/1996	Nam	Trung bình	Sư phạm Ngữ văn	
1260	1755214021310006	LÊ THỊ MINH	PHỤNG	30/09/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Sinh học	
1261	1755214021310005	BÙI THỊ	QUỲNH	06/08/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Sinh học	
1262	1755214021310002	LÊ THỊ	SEN	15/05/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Sinh học	
1263	1755214023110041	NGÔ THỊ THUỶ	DUNG	18/03/1999	Nữ	Xuất sắc	Sư phạm Tiếng Anh	
1264	1755214023110048	NGÔ THỊ THÙY	DUNG	03/04/1999	Nữ	Giỏi	Sư phạm Tiếng Anh	
1265	1755214023110033	TRƯƠNG CẨM	HẰNG	14/11/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
1266	1755214023110107	NGUYỄN THỊ	HOA	19/10/1997	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
1267	1755214023110098	NGUYỄN THỊ	HÒA	11/02/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
1268	1755214023110111	VÕ THỊ	HOÀI	06/06/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
1269	155D1402171035	PHAN THỊ MINH	HỒNG	12/11/1997	Nữ	Giỏi	Sư phạm Tiếng Anh	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
1270	1755214023110059	HÀ THỊ	HUYỀN	28/05/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
1271	1755214023110086	HOÀNG THỊ KHÁNH	HUYỀN	30/03/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
1272	1755214023110069	LÊ THỊ KHÁNH	HUYỀN	17/10/1999	Nữ	Giỏi	Sư phạm Tiếng Anh	
1273	1755214023110043	VŨ KHÁNH	HUYỀN	16/02/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
1274	1755214023110089	ĐẶNG DIỆU	LINH	21/07/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
1275	145D3401010019	Trương Quỳnh	Ly	17/07/1996	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
1276	1755214023110066	LÊ THỊ KIM	NGÂN	18/06/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
1277	1755214023110055	LÊ THỊ	NHUNG	31/10/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
1278	1755214023110114	NGUYỄN THỊ	NHUNG	16/03/1999	Nữ	Giỏi	Sư phạm Tiếng Anh	
1279	1755214023110071	LÔ THỊ	PHƯƠNG	07/10/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
1280	1755214023110076	NGUYỄN XUÂN MINH	PHƯƠNG	10/09/1999	Nam	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
1281	1755214023110082	PHẠM THU	PHƯƠNG	19/08/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
1282	1755214023110095	NGUYỄN THỊ	THÀNH	06/12/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
1283	1755214023110056	NGUYỄN LÊ HƯƠNG	THẢO	16/11/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
1284	1755214023110065	NGUYỄN THU	THẢO	24/09/1999	Nữ	Xuất sắc	Sư phạm Tiếng Anh	
1285	1755214023110072	NGUYỄN THỊ	THIỆN	15/07/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
1286	1755214023110074	DƯƠNG PHÚC	THỊNH	20/07/1999	Nam	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
1287	1755214023110042	HỒ THANH	THOM	23/08/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
1288	1755214023110085	ĐÀM THỊ	THU	27/09/1999	Nữ	Xuất sắc	Sư phạm Tiếng Anh	
1289	1755214023110034	Nguyễn Cẩm Hoài	Thu	01/11/1999	Nữ	Xuất sắc	Sư phạm Tiếng Anh	
1290	1755214023110113	NGÔ THỊ	THƯƠNG	26/01/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
1291	1755214023110112	VÕ THỊ	THƯƠNG	09/09/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
1292	1755214023110047	NGUYỄN THANH	THÚY	22/12/1999	Nữ	Xuất sắc	Sư phạm Tiếng Anh	
1293	1755214023110049	NGUYỄN THỊ THU	THỦY	04/09/1998	Nữ	Giỏi	Sư phạm Tiếng Anh	
1294	1755214023110008	BÙI THỊ	TOÀN	15/01/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
1295	1755214023110105	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	12/05/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
1296	1755214023110097	NGUYỄN HUƠNG	XA	12/09/1998	Nữ	Giỏi	Sư phạm Tiếng Anh	
1297	1755214023110090	HOÀNG THỊ HẢI	YÊN	07/07/1999	Nữ	Xuất sắc	Sư phạm Tiếng Anh	
1298	1755214023110106	ĐẶNG THỊ VÂN	ANH	07/07/1999	Nữ	Giỏi	Sư phạm Tiếng Anh	
1299	1755214023110021	LÊ THỊ VÂN	ANH	01/03/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
1300	1755214023110016	LÊ VŨ PHƯƠNG	ANH	11/05/1999	Nữ	Giỏi	Sư phạm Tiếng Anh	
1301	1755214023110045	NGUYỄN THỊ LINH	CHI	12/01/1999	Nữ	Giỏi	Sư phạm Tiếng Anh	
1302	1755214023110023	NGÔ HOÀI	CHUNG	08/11/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
1303	1755214023110121	VIÊN HOÀNG	GIANG	03/11/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
1304	1755214023110126	TRƯƠNG THỊ THU	HẰNG	06/02/1999	Nữ	Giỏi	Sư phạm Tiếng Anh	
1305	1755214023110061	NGUYỄN THỊ	HIỀN	16/03/1999	Nữ	Giỏi	Sư phạm Tiếng Anh	
1306	1755214023110051	NGUYỄN THỊ	HIỀN	17/06/1998	Nữ	Giỏi	Sư phạm Tiếng Anh	
1307	1755214023110040	NGUYỄN HUY	HOÀNG	06/10/1999	Nam	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
1308	1755214023110030	HOÀNG THỊ MAI	LINH	24/01/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
1309	1755214023110005	NGUYỄN THỊ	LINH	07/10/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
1310	1755214023100083	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	05/09/1999	Nữ	Xuất sắc	Sư phạm Tiếng Anh	
1311	1755214023110015	LÊ KHÁNH	LY	01/04/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
1312	1755214023110067	TRẦN THỊ	NGUYỆT	21/07/1999	Nữ	Xuất sắc	Sư phạm Tiếng Anh	
1313	1755214023110019	CAO THỊ LAN	NHI	20/10/1999	Nữ	Giỏi	Sư phạm Tiếng Anh	
1314	1755214023110001	LÊ NGUYỄN THẢO	NHI	06/05/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
1315	1755214023110013	VŨ HOÀNG	NHI	31/12/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
1316	1755214023110050	TRƯƠNG THỊ THÚY	SEN	01/01/1999	Nữ	Giỏi	Sư phạm Tiếng Anh	
1317	1755214023110004	VŨ THỊ	THẢO	03/05/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
1318	1755214023110088	TRẦN THỊ HOÀI	THƯƠNG	02/03/1999	Nữ	Giỏi	Sư phạm Tiếng Anh	
1319	1755214023110101	TRẦN THỊ MINH	THÚY	17/05/1999	Nữ	Xuất sắc	Sư phạm Tiếng Anh	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
1320	1755214023110062	NGUYỄN THỊ MỸ	THÙY	06/04/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
1321	1755214023110035	NGUYỄN QUỲNH	TRANG	14/12/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
1322	1755214023110029	PHẠM THỊ	TÚ	19/04/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
1323	1755214023110009	HOÀNG THỊ THU	UYÊN	02/02/1999	Nữ	Giỏi	Sư phạm Tiếng Anh	
1324	1755214023110036	NGUYỄN THỊ THU	UYÊN	12/08/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
1325	1755214023110093	PHAN THỊ TUÔNG	VY	13/11/1999	Nữ	Giỏi	Sư phạm Tiếng Anh	
1326	1755214023110003	NGUYỄN THỊ	YẾN	15/05/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
1327	1755214023110102	HỒ THỊ VÂN	ANH	14/12/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
1328	1755214023110078	LÊ THỊ THẢO	ANH	31/08/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
1329	1755214023110052	LÊ TÚ	ANH	29/03/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
1330	1755214023110046	NGUYỄN THỊ QUỲNH	ANH	10/11/1999	Nữ	Trung bình	Sư phạm Tiếng Anh	
1331	1755214023110014	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	06/06/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
1332	1755214023110057	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	29/05/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
1333	1755214023110058	NGUYỄN THỊ THANH	HẢI	28/03/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
1334	1755214023110087	NGUYỄN THÚY	HẰNG	15/06/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
1335	1755214023110011	NGUYỄN THỊ THU	HẠNH	01/06/1999	Nữ	Giỏi	Sư phạm Tiếng Anh	
1336	1755214023110077	TRẦN THỊ	HIỀN	26/02/1999	Nữ	Giỏi	Sư phạm Tiếng Anh	
1337	1755214023110028	NGUYỄN THỊ	HỢP	04/08/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
1338	1755214023110063	HỒ THỊ KHÁNH	HUYỀN	24/11/1999	Nữ	Giỏi	Sư phạm Tiếng Anh	
1339	1755214023110022	DƯƠNG THỊ	LỰA	02/08/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
1340	1755214023110068	PHẠM THỊ	LY	13/09/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
1341	1755214023110075	NGUYỄN HUỆ	NGÂN	22/01/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
1342	1755214023110012	PHAN THỊ	NHI	11/11/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
1343	1755214023110032	NGUYỄN THỊ CẨM	NHUNG	08/06/1999	Nữ	Giỏi	Sư phạm Tiếng Anh	
1344	1755214023110038	TRẦN THỊ	QUỲNH	08/04/1999	Nữ	Giỏi	Sư phạm Tiếng Anh	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
1345	1755214023110064	LÊ THỊ THANH	TÂM	24/05/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
1346	1755214023110091	PHAN THỊ	TRINH	04/06/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
1347	1755214023110037	LÊ THỊ TÚ	UYÊN	27/04/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
1348	1755214023110099	TRẦN THỊ THU	UYÊN	23/02/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
1349	1755214023110109	VÕ THỊ	VINH	02/02/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
1350	1755214023110124	VÕ QUỐC	VƯƠNG	12/06/1999	Nam	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
1351	1755214023110073	NGUYỄN THỊ BẢO	YÊN	17/07/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
1352	1755214021010002	PHAN THỊ	MINH	25/07/1997	Nữ	Khá	Sư phạm Tin học	
1353	1755214021010001	TRẦN THỊ	OANH	18/10/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Tin học	
1354	165TDV510188	NGUYỄN TRÀ	MY	10/07/1997	Nữ	Trung bình	Sư phạm Toán học	
1355	165TDV510187	NGUYỄN THỊ NHƯ	QUỲNH	25/06/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học	
1356	1755214020910029	NGUYỄN THỊ HOÀI	AN	09/08/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học	
1357	1755214020910047	LÊ XUÂN	ĐỨC	28/04/1999	Nam	Khá	Sư phạm Toán học	
1358	1755214020910011	NGUYỄN THỊ	DUNG	10/05/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học	
1359	1755214020910065	HOÀNG THỊ	HOA	02/12/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học	
1360	1755214020910068	HÀ THỊ	HÒA	18/01/1999	Nữ	Giỏi	Sư phạm Toán học	
1361	1755214020910052	NGUYỄN THỊ	HOÀI	11/01/1999	Nữ	Giỏi	Sư phạm Toán học	
1362	1755214020910080	LƯƠNG THỊ	HUYỀN	25/05/1999	Nữ	Trung bình	Sư phạm Toán học	
1363	1755214020910008	PHAN THỊ KHÁNH	HUYỀN	20/10/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học	
1364	1755214020910006	LÊ NHẬT	LINH	11/05/1999	Nam	Khá	Sư phạm Toán học	
1365	1755214020910023	NGUYỄN THỊ	LINH	06/04/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học	
1366	1755214020910031	VƯƠNG THỊ MAI	LINH	08/11/1999	Nữ	Giỏi	Sư phạm Toán học	
1367	1755214020910064	PHẠM THỊ	LỰU	25/12/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học	
1368	1755214020910007	TRẦN THỊ BÍCH	NGỌC	16/06/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học	
1369	1755214020910045	PHẠM THỊ	NHUNG	20/03/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
1370	1755214020910094	NGUYỄN ĐÌNH	QUYẾT	20/10/1999	Nam	Khá	Sư phạm Toán học	
1371	1755214020910063	CHU THỊ THUÝ	QUỖNH	01/04/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học	
1372	1755214020910044	Bùi Thị Minh	Sang	12/11/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học	
1373	1755214020910046	PHẠM THỊ	THO	08/02/1999	Nữ	Trung bình	Sư phạm Toán học	
1374	1755214020910020	VI THỊ MINH	THU	03/01/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học	
1375	1755214020910053	CHU THỊ	THÚY	23/06/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học	
1376	1755214020910018	NGUYỄN QUỖNH	TRANG	10/02/1999	Nữ	Trung bình	Sư phạm Toán học	
1377	1755214020910003	NGUYỄN ĐÌNH BẰNG	VIỆT	09/11/1999	Nam	Khá	Sư phạm Toán học	
1378	1755214020910062	KIỀU THỊ VÂN	ANH	15/11/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học	
1379	1755214020910087	HOÀNG THỊ	HẰNG	02/02/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học	
1380	1755214020910066	NÔNG THỊ THU	HẰNG	28/09/1999	Nữ	Trung bình	Sư phạm Toán học	
1381	1755214020910070	NGUYỄN THỊ	HẠNH	15/07/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học	
1382	1755214020910035	VƯƠNG THU	HIỀN	30/10/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học	
1383	1755214020910004	TRẦN THỊ	HOÀ	15/08/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học	
1384	1755214020910015	VỖ THỊ	HƯƠNG	28/12/1999	Nữ	Giỏi	Sư phạm Toán học	
1385	1755214020910009	LỮ THANH	HUYỀN	25/04/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học	
1386	1755214020910075	HOÀNG MINH	LÂM	21/11/1999	Nam	Khá	Sư phạm Toán học	
1387	1755214020910051	NGUYỄN THỊ MAI	LINH	04/02/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học	
1388	1755214020910002	LANG VĂN	LƯU	15/03/1998	Nam	Khá	Sư phạm Toán học	
1389	1755214020910010	TRƯƠNG TUYẾT	MAI	04/07/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học	
1390	1755214020910040	BIỆN THỊ	NGUYỆT	12/05/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học	
1391	1755214020910071	TRẦN BÍCH	PHƯƠNG	16/11/1999	Nữ	Giỏi	Sư phạm Toán học	
1392	1755214020910036	LƯU THỊ NHƯ	QUỖNH	27/05/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học	
1393	1755214020910014	PHẠM THỊ THANH	TÂM	03/11/1999	Nữ	Giỏi	Sư phạm Toán học	
1394	1755214020910049	HỒ TRỌNG	THẮNG	24/10/1999	Nam	Trung bình	Sư phạm Toán học	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
1395	1755214020910025	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	24/08/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học	
1396	1755214020910089	LÔ THỊ	THU	18/05/1999	Nữ	Trung bình	Sư phạm Toán học	
1397	1755214020910059	LÃNG THỊ	THÙY	14/03/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học	
1398	1755214020910069	PHẠM THỊ	TRANG	10/02/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học	
1399	1755214020910056	TRẦN THỊ	TRANG	10/08/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học	
1400	1755214020910024	HOÀNG THỊ CẨM	TÚ	26/01/1999	Nữ	Trung bình	Sư phạm Toán học	
1401	1755214021110003	TRẦN THỊ THƯƠNG	THƯƠNG	03/03/1999	Nữ	Khá	Sư phạm Vật lý	
1402	165TDV100337	VI THANH	HẰNG	26/12/1998	Nữ	Trung bình	Tài chính - Ngân hàng	
1403	17552340201_200024	ĐẶNG THỊ	AN	05/09/1999	Nữ	Khá	Tài chính - Ngân hàng	
1404	17552340201_200027	NGUYỄN THỊ THÙY	ANH	11/06/1999	Nữ	Trung bình	Tài chính - Ngân hàng	
1405	1755234020140009	Luangaphay	Candy	26/09/1998	Nữ	Trung bình	Tài chính - Ngân hàng	
1406	17552340201_200036	TRẦN THỊ THÙY	DUNG	15/02/1999	Nữ	Khá	Tài chính - Ngân hàng	
1407	17552340201_100003	NGUYỄN CẢNH	DŨNG	30/09/1999	Nam	Khá	Tài chính - Ngân hàng	
1408	1755234020100002	Phạm Thị Kim	HẰNG	22/10/1999	Nữ	Khá	Tài chính - Ngân hàng	
1409	17552340201_200050	NGUYỄN HỮU	HÀO	01/07/1998	Nam	Khá	Tài chính - Ngân hàng	
1410	17552340201_200021	NGUYỄN THỊ THU	HUYỀN	17/11/1999	Nữ	Khá	Tài chính - Ngân hàng	
1411	1755234020140006	Philakone	Keoduangsy	18/01/1997	Nam	Trung bình	Tài chính - Ngân hàng	
1412	17552340201_200019	NGUYỄN THỊ THẢO	MINH	18/01/1999	Nữ	Khá	Tài chính - Ngân hàng	
1413	17552340201_100002	LÊ ĐÌNH	NAM	28/09/1999	Nam	Khá	Tài chính - Ngân hàng	
1414	17552340201_200047	PHAN THỊ THU	PHƯƠNG	02/02/1999	Nữ	Khá	Tài chính - Ngân hàng	
1415	1755234020100005	Trần Thị	Thái	23/10/1999	Nữ	Khá	Tài chính - Ngân hàng	
1416	17552340201_200004	Nguyễn Thị	Thanh	28/07/1999	Nữ	Trung bình	Tài chính - Ngân hàng	
1417	17552340201_200006	TRẦN ANH	TUẤN	06/12/1999	Nam	Khá	Tài chính - Ngân hàng	
1418	17552340201_200053	LÊ THỊ THẢO	UYÊN	03/12/1999	Nữ	Khá	Tài chính - Ngân hàng	
1419	17552340201_200007	VÕ ĐÌNH	AN	26/04/1999	Nam	Giỏi	Tài chính - Ngân hàng	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
1420	17552340201_200018	MAI THỊ HẢI	ANH	20/11/1999	Nữ	Khá	Tài chính - Ngân hàng	
1421	1755234020100003	NGUYỄN LAN	ANH	15/04/1999	Nữ	Khá	Tài chính - Ngân hàng	
1422	17552340201_200035	NGUYỄN THỊ	ÁNH	18/10/1999	Nữ	Giỏi	Tài chính - Ngân hàng	
1423	17552340201_200051	Trần Thị Ngọc	Ánh	28/02/1999	Nữ	Xuất sắc	Tài chính - Ngân hàng	
1424	17552340201_200034	PHẠM HUY	CUÔNG	30/07/1999	Nam	Khá	Tài chính - Ngân hàng	
1425	17552340201_200043	Nguyễn Thị Đàm	Dung	16/03/1996	Nữ	Khá	Tài chính - Ngân hàng	
1426	17552340201_200013	HOÀNG THỊ	DUYÊN	02/01/1999	Nữ	Trung bình	Tài chính - Ngân hàng	
1427	17552340201_200032	LÊ TUẤN	HIỆP	19/06/1999	Nam	Khá	Tài chính - Ngân hàng	
1428	17552340201_200011	NGUYỄN THỊ	HOA	28/04/1999	Nữ	Giỏi	Tài chính - Ngân hàng	
1429	17552340201_200049	HOÀNG THỊ	HÒA	25/02/1999	Nữ	Khá	Tài chính - Ngân hàng	
1430	17552340201_200029	LÊ ĐĂNG	HUY	17/10/1999	Nam	Khá	Tài chính - Ngân hàng	
1431	1755234020140007	Douangmala	Khonsavanh	01/05/1996	Nữ	Trung bình	Tài chính - Ngân hàng	
1432	17552340201_200044	Phan Thị Ngọc	Mai	08/10/1999	Nữ	Khá	Tài chính - Ngân hàng	
1433	17552340201_200037	LÊ THỊ TUYẾT	NGA	07/12/1999	Nữ	Khá	Tài chính - Ngân hàng	
1434	17552340201_200022	Nguyễn Thị	Nga	21/06/1999	Nữ	Khá	Tài chính - Ngân hàng	
1435	17552340201_200005	LÊ TRÍ	QUÂN	15/08/1999	Nam	Khá	Tài chính - Ngân hàng	
1436	17552340201_200014	LÊ THỊ	QUYÊN	30/01/1999	Nữ	Khá	Tài chính - Ngân hàng	
1437	17552340201_200028	VÕ THỊ	THÀNH	20/09/1999	Nữ	Khá	Tài chính - Ngân hàng	
1438	17552340201_200009	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	10/03/1999	Nữ	Khá	Tài chính - Ngân hàng	
1439	17552340201_200039	Mai Thị	Trang	27/06/1998	Nữ	Khá	Tài chính - Ngân hàng	
1440	17552340201_200041	Trần Ngọc	Uy	20/08/1999	Nam	Khá	Tài chính - Ngân hàng	
1441	1755234020140008	Thongsouvanh	Vilada	07/05/1998	Nữ	Trung bình	Tài chính - Ngân hàng	
1442	165TDV400482	TRẦN THỊ THU	THẢO	03/06/1998	Nữ	Khá	Việt Nam học	
1443	1755222011340096	Kasioudom	Anouphone	13/06/1998	Nam	Trung bình	Việt Nam học	
1444	1755222011300024	Tổng Thị Khánh	Hà	21/10/1999	Nữ	Giỏi	Việt Nam học	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
1445	1755222011300001	Trần Khánh	Hòa	01/04/1995	Nam	Xuất sắc	Việt Nam học	
1446	1755222011300026	BÙI THỊ	HOÀI	20/06/1999	Nữ	Giỏi	Việt Nam học	
1447	1755222011300005	TRƯƠNG THỊ	LÂM	28/08/1999	Nữ	Khá	Việt Nam học	
1448	1755222011300083	Trần Thị Ngọc	Loan	31/10/1999	Nữ	Xuất sắc	Việt Nam học	
1449	1755222011300017	NGUYỄN THỊ NHƯ	NGỌC	08/10/1999	Nữ	Giỏi	Việt Nam học	
1450	1755222011300021	PHẠM THỊ NHƯ	QUỖNH	18/03/1999	Nữ	Khá	Việt Nam học	
1451	1755222011300090	PHAN THANH	SANG	19/09/1999	Nam	Giỏi	Việt Nam học	
1452	1755222011300034	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	11/04/1999	Nữ	Khá	Việt Nam học	
1453	1755222011300014	PHẠM THỊ PHƯƠNG	THẢO	02/02/1999	Nữ	Khá	Việt Nam học	
1454	1755222011300022	NGUYỄN THỊ	THÌN	23/08/1999	Nữ	Khá	Việt Nam học	
1455	1755222011300006	NGUYỄN THỊ	THÙY	30/07/1999	Nữ	Khá	Việt Nam học	
1456	1755222011300039	VÕ THỊ TÚ	UYÊN	24/11/1999	Nữ	Khá	Việt Nam học	
1457	1755222011300028	VŨ THỊ THU	UYÊN	21/11/1999	Nữ	Khá	Việt Nam học	
1458	1755222011300032	Đào Thị Thảo	Vy	02/02/1999	Nữ	Khá	Việt Nam học	
1459	1755222034200006	NGUYỄN THỊ	YÊN	09/02/1999	Nữ	Khá	Việt Nam học	
1460	1755222011300047	TRẦN THỊ CẨM	LỆ	11/12/1999	Nữ	Giỏi	Việt Nam học	
1461	1755222011300055	ĐẶNG THỊ	MAI	30/01/1999	Nữ	Khá	Việt Nam học	
1462	1755222011300065	PHÙNG ANH	QUÂN	29/08/1999	Nam	Khá	Việt Nam học	
1463	1755222011300061	TRẦN MẠNH	QUYÊN	20/05/1998	Nam	Giỏi	Việt Nam học	
1464	1755222011300067	BÙI THỊ	TÂM	01/09/1999	Nữ	Khá	Việt Nam học	
1465	1755222011300043	NGUYỄN THỊ	THU	14/12/1999	Nữ	Khá	Việt Nam học	
1466	1755222011300044	NGUYỄN THỊ	VUI	10/01/1999	Nữ	Giỏi	Việt Nam học	

Danh sách có 1466 sinh viên tốt nghiệp.

Số: **755** /QĐ-ĐHV

Nghệ An, ngày **01** tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng đại học hệ chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Căn cứ Luật Giáo dục; Luật Giáo dục Đại học và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường ĐHSP Vinh thành Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT;

Căn cứ Quyết định số 22/2001/QĐ-BGDĐT ngày 26/6/2001 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đào tạo để cấp bằng tốt nghiệp đại học thứ hai;

Căn cứ Quyết định số 1016/QĐ-ĐHV ngày 22/10/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Kết luận của Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp đại học hệ chính quy của Trường Đại học Vinh tại phiên họp ngày 25/3/2021;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng đại học hệ chính quy đợt 1 năm 2021 cho 8 sinh viên (danh sách kèm theo), trong đó:

Stt	Ngành tốt nghiệp	Số lượng
1.	Kế toán	1
2.	Luật	4
3.	Luật kinh tế	1
4.	Sư phạm Tin học	1
5.	Việt Nam học	1
	Tổng:	8

Xếp loại: - Khá: 7 sinh viên
- Trung bình: 1 sinh viên

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trường các đơn vị: Đào tạo, Công tác chính trị - Học sinh, sinh viên, Kế hoạch - Tài chính, Hành chính Tổng hợp; Trường các đơn vị liên quan: Trường các khoa, viện và các sinh viên có tên tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Bộ GD&ĐT (b/c);
- Lưu: HCTH, ĐT.



GS.TS. Nguyễn Huy Bằng



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG ĐẠI HỌC
HỆ CHÍNH QUY, THÁNG 04/2021**

Kèm theo Quyết định số: **755/QĐ-ĐHV** ngày **01** /04/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
1	165TDV100339	NGHIÊM THỊ NGỌC	TRÂM	14/09/1998	Nữ	Khá	Kế toán	
2	17552380101VL9013	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	18/02/1999	Nữ	Khá	Luật	
3	17552380101VL9006	Lê Đặng Ngọc	Sang	09/04/1999	Nữ	Khá	Luật	
4	17552380101VL9014	Dương Thị Huỳnh	Thư	25/09/1999	Nữ	Khá	Luật	
5	165TDV400590	LÊ THỊ	TÌNH	26/10/1997	Nữ	Khá	Luật	
6	155D3801070355	HỒ NỮ QUỲNH	NHUNG	26/10/1997	Nữ	Trung bình	Luật kinh tế	
7	165TDV500042	TRƯƠNG THANH	AN	23/10/1998	Nam	Khá	Sư phạm Tin học	
8	155D2201130001	ĐOÀN THỊ MINH	TÂM	21/03/1996	Nữ	Khá	Việt Nam học	

Danh sách có 08 (tám) sinh viên tốt nghiệp./.

Số: 750 /QĐ-ĐHV

Nghệ An, ngày 31 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng đại học hệ chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Căn cứ Luật Giáo dục; Luật Giáo dục Đại học và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường ĐHSP Vinh thành Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT;

Căn cứ Quyết định số 22/2001/QĐ-BGDĐT ngày 26/6/2001 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đào tạo để cấp bằng tốt nghiệp đại học thứ hai;

Căn cứ Quyết định số 1016/QĐ-ĐHV ngày 22/10/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Kết luận của Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp đại học hệ chính quy của Trường Đại học Vinh tại phiên họp ngày 25/3/2021;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng đại học hệ chính quy đợt 1 năm 2021 cho 251 sinh viên (danh sách kèm theo), trong đó:

Stt	Ngành tốt nghiệp	Số lượng
1.	Báo chí	1
2.	Chính trị học	1
3.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	5
4.	Công nghệ thông tin	13
5.	Công nghệ thực phẩm	37
6.	Công tác xã hội	1
7.	Giáo dục mầm non	12
8.	Giáo dục thể chất	2
9.	Giáo dục tiểu học	6
10.	Kế toán	20

40

11.	Kế toán (Văn bản 2)	22
12.	Khoa học môi trường	4
13.	Kinh tế	2
14.	Kỹ thuật điện tử, truyền thông	2
15.	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	9
16.	Kỹ thuật xây dựng	16
17.	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	8
18.	Luật	13
19.	Luật kinh tế	7
20.	Ngôn ngữ Anh	5
21.	Nuôi trồng thủy sản	1
22.	Quản lý tài nguyên và môi trường	3
23.	Quản lý văn hoá	4
24.	Quản trị kinh doanh	5
25.	Sư phạm Địa lý	2
26.	Sư phạm Hóa học	1
27.	Sư phạm Lịch sử	3
28.	Sư phạm Ngữ văn	2
29.	Sư phạm Sinh học	2
30.	Sư phạm tiếng Anh	9
31.	Sư phạm Tin học	20
32.	Sư phạm Toán học	10
33.	Sư phạm Vật lý	1
34.	Tài chính - Ngân hàng	1
35.	Việt Nam học	1
	Tổng:	251

Xếp loại:

- Xuất sắc: 05 sinh viên
- Giỏi: 25 sinh viên
- Khá: 140 sinh viên
- Trung bình: 81 sinh viên

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng các đơn vị: Đào tạo, Công tác chính trị - Học sinh, sinh viên, Kế hoạch - Tài chính, Hành chính Tổng hợp; Trưởng các đơn vị liên quan; Trưởng các khoa, viện và các sinh viên có tên tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /./ ✓ *

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Bộ GD&ĐT (b/c);
- Lưu: HCTH, ĐT. ✓

HIỆU TRƯỞNG ✓



GS.TS. Nguyễn Huy Bằng



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG ĐẠI HỌC
HỆ CHÍNH QUY, THÁNG 03/2021**

Kèm theo Quyết định số: **750** /QĐ-ĐHV ngày **31** /03/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
1	155D3201010024	NGUYỄN THỊ DIỆU	LINH	05/01/1996	Nữ	Khá	Báo chí	
2	155D3102010012	Quán Lê	Vy	13/04/1996	Nữ	Trung bình	Chính trị học	
3	155D5103010062	LÊ VĂN	LA	01/07/1996	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	
4	155D5103010025	LÊ BÌNH	MINH	15/10/1997	Nam	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	
5	155D5103010086	LÊ	NHI	24/02/1996	Nam	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	
6	145D5103010064	Hoàng Nghĩa	Phượng	14/02/1996	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	
7	155D5103010040	NGUYỄN MINH	VƯƠNG	12/07/1997	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	
8	135D4802010051	Cao Thị	Anh	10/01/1995	Nữ	Trung bình	Công nghệ thông tin	
9	155D4802010029	LÊ HOÀNG	ANH	22/09/1996	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin	
10	145D4802010056	Phạm Tuấn	Anh	25/10/1996	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin	
11	155D4802017005	Chouathor	Chercheng	10/09/1992	Nam	Khá	Công nghệ thông tin	
12	155D4802010190	TRẦN VĂN	CHUẨN	10/02/1996	Nam	Khá	Công nghệ thông tin	
13	145D4802010094	Phan Đình	Công	01/01/1996	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin	
14	145D4802010132	Hồ Văn	Diệu	26/03/1996	Nam	Khá	Công nghệ thông tin	
15	155D4802017003	Pouy	Douangchampa	28/02/1995	Nữ	Trung bình	Công nghệ thông tin	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
16	155D4802010128	NGUYỄN SỸ QUỐC	KHÁNH	02/09/1997	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin	
17	155D4802017001	Lemkeo	Sibounma	19/12/1995	Nữ	Trung bình	Công nghệ thông tin	
18	135D4802010125	Nguyễn Công	Son	12/01/1995	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin	
19	145D4802010079	Bạch Sỹ Thanh	Tuấn	20/04/1996	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin	
20	145D4802010023	Hồ Quốc	Tuấn	03/01/1996	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin	
21	165TDV200452	NGUYỄN THỊ	ANH	18/03/1998	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm	
22	165TDV200014	HOÀNG THỊ	ÁNH	10/11/1998	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm	
23	165TDV200031	NGUYỄN THỊ	BẢO	14/05/1998	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm	
24	165TDV200016	CAO THỊ	GIANG	18/02/1998	Nữ	Giỏi	Công nghệ thực phẩm	
25	145D5401010004	Thái Thị	Hà	26/07/1996	Nữ	Trung bình	Công nghệ thực phẩm	
26	165TDV200190	TẠ THỊ	HẢI	08/02/1998	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm	
27	165TDV200136	NGUYỄN THỊ	HẰNG	08/04/1998	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm	
28	165TDV200177	NGUYỄN THỊ	HẰNG	12/09/1998	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm	
29	165TDV200305	PHẠM THỊ	HIỀN	01/12/1998	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm	
30	165TDV200271	PHAN THỊ THU	HIỀN	17/11/1998	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm	
31	165TDV200059	ĐÌNH THỊ MAI	HOA	04/11/1998	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm	
32	165TDV200133	NGUYỄN THỊ	HOÀ	05/02/1998	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm	
33	165TDV200211	NGUYỄN THỊ	HOÀI	01/06/1998	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm	
34	165TDV200092	LÊ THỊ	HUỆ	09/11/1998	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm	
35	165TDV200122	CHU VĂN	KIÊN	02/02/1997	Nam	Khá	Công nghệ thực phẩm	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
36	165TDV200359	TRẦN NHẬT	LINH	25/10/1998	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm	
37	165TDV200229	NGUYỄN THỊ	LOAN	16/07/1998	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm	
38	165TDV200071	PHÙNG THỊ	LÝ	09/05/1998	Nữ	Giỏi	Công nghệ thực phẩm	
39	165TDV200162	LÊ THỊ	NGA	10/10/1997	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm	
40	165TDV200216	PHẠM HỒNG	NHẬT	19/09/1998	Nam	Khá	Công nghệ thực phẩm	
41	165TDV200026	ĐẶNG THỊ	NHI	08/03/1998	Nữ	Giỏi	Công nghệ thực phẩm	
42	165TDV200458	VŨ THỊ	NHIỆU	05/03/1998	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm	
43	165TDV200109	ĐẬU THỊ	PHƯƠNG	09/04/1998	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm	
44	165TDV200404	ĐINH THỊ	PHƯỢNG	18/02/1998	Nữ	Giỏi	Công nghệ thực phẩm	
45	165TDV200058	TRƯƠNG THỊ NHƯ	QUỲNH	29/10/1998	Nữ	Trung bình	Công nghệ thực phẩm	
46	165TDV200075	PHAN THỊ	THẨM	14/08/1998	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm	
47	165TDV200032	LƯƠNG VĂN	THẮNG	20/01/1998	Nam	Khá	Công nghệ thực phẩm	
48	165TDV200008	NGUYỄN THỊ	THANH	28/12/1997	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm	
49	165TDV200119	LÊ THỊ	THẢO	13/04/1998	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm	
50	155D5401010069	LÊ THỊ	THẢO	11/02/1997	Nữ	Trung bình	Công nghệ thực phẩm	
51	165TDV200099	ĐÀO VĂN	THỊNH	07/01/1998	Nam	Khá	Công nghệ thực phẩm	
52	165TDV200384	ĐẬU THỊ	THÚY	20/10/1998	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm	
53	155D5401010038	HỒ SỸ	TOÀN	20/07/1996	Nam	Khá	Công nghệ thực phẩm	
54	165TDV200490	NGÔ THỊ	TRÀ	08/03/1998	Nữ	Giỏi	Công nghệ thực phẩm	
55	165TDV200107	LÊ THỊ	TRÂM	25/06/1998	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
56	145D5401010043	Nguyễn Minh	Tuấn	22/01/1996	Nam	Trung bình	Công nghệ thực phẩm	
57	165TDV200143	HOÀNG THỊ NHẬT	VÂN	20/02/1998	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm	
58	135D7601010028	Lý Bá	Công	30/12/1992	Nam	Trung bình	Công tác xã hội	
59	165D14020100075	TRẦN NGỌC	ÁNH	25/12/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non	
60	165D14020100144	NGUYỄN THỊ	HÀ	20/10/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non	
61	165D14020100064	LÝ THỊ	LƯƠNG	06/10/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non	
62	145D1402010041	Cần Thị Ngọc	Mai	01/01/1996	Nữ	Trung bình	Giáo dục mầm non	
63	165D14020100107	XÔNG Y	MÒ	07/09/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non	
64	165D14020100199	VÀ Y	MỸ	10/04/1998	Nữ	Trung bình	Giáo dục mầm non	
65	155D1402016001	HỒ THỊ	NGỌC	14/05/1997	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non	
66	165D14020100216	LÊ CẨM	NHUNG	05/08/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non	
67	155D1402011012	TRẦN THỊ LÂM	OANH	20/04/1997	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non	
68	155D1402011104	LÔ THỊ PHƯƠNG	THẢO	28/10/1997	Nữ	Trung bình	Giáo dục mầm non	
69	165D14020100156	HOÀNG CẨM	TÚ	16/11/1998	Nữ	Trung bình	Giáo dục mầm non	
70	165D14020100212	TỪ THỊ	TÚ	12/07/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non	
71	155D1402061015	NGUYỄN NHẬT	ANH	28/10/1997	Nam	Khá	Giáo dục thể chất	
72	165D14020600002	Nguyễn Văn	Luân	02/11/1998	Nam	Khá	Giáo dục thể chất	
73	155D1402021040	CAO THỊ LAN	ANH	06/07/1996	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học	
74	165TDV600248	NGUYỄN THỊ THANH	MAI	23/01/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học	
75	165TDV600149	LÔ VĂN	THÁI	05/10/1998	Nam	Trung bình	Giáo dục tiểu học	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
76	165TDV610144	NGUYỄN HÀ	THANH	05/03/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học	
77	165TDV600197	HÀ THỊ THU	THẢO	10/04/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học	
78	165TDV600188	NGUYỄN THỊ	THƠ	06/05/1998	Nữ	Trung bình	Giáo dục tiểu học	
79	186523403010003	Trương Thị Thúy	An	03/07/1994	Nữ	Giỏi	Kế toán	VB 2
80	186523403010006	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	03/07/1990	Nữ	Giỏi	Kế toán	VB 2
81	186523403010007	Thái Thị Hoài	Chi	20/11/1994	Nữ	Khá	Kế toán	VB 2
82	186523403010008	Võ Thị Kim	Chi	13/12/1992	Nữ	Khá	Kế toán	VB 2
83	186523403010002	Đình Thị Thùy	Dung	04/02/1992	Nữ	Giỏi	Kế toán	VB 2
84	186523403010024	Phan Thị	Dũng	02/09/1989	Nữ	Giỏi	Kế toán	VB 2
85	186523403010009	Phạm Thị	Duyên	20/07/1989	Nữ	Giỏi	Kế toán	VB 2
86	186523403010010	Nguyễn Thị	Giang	29/01/1995	Nữ	Khá	Kế toán	VB 2
87	186523403010011	Trịnh Thị Diễm	Liên	30/11/1994	Nữ	Khá	Kế toán	VB 2
88	186523403010013	Nguyễn Thị	Long	08/12/1989	Nữ	Giỏi	Kế toán	VB 2
89	186523403010014	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	08/07/1994	Nữ	Giỏi	Kế toán	VB 2
90	186523403010020	Nguyễn Thị Kim	Oanh	03/05/1989	Nữ	Giỏi	Kế toán	VB 2
91	186523403010015	Trần Hoàng	Oanh	08/02/1990	Nữ	Giỏi	Kế toán	VB 2
92	186523403010016	Trần Thị Minh	Phương	09/11/1996	Nữ	Giỏi	Kế toán	VB 2
93	186523403010025	Nguyễn Văn	Quý	29/09/1993	Nam	Khá	Kế toán	VB 2
94	176523403010021	Tô Thị Hà	Quỳnh	09/07/1987	Nữ	Khá	Kế toán	VB 2
95	186523403010017	Trần Thúy	Quỳnh	16/02/1994	Nữ	Khá	Kế toán	VB 2

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
96	186523403010021	Nguyễn Hữu	Thắng	06/07/1992	Nam	Khá	Kế toán	VB 2
97	186523403010018	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	04/04/1988	Nữ	Giỏi	Kế toán	VB 2
98	186523403010019	Nguyễn Thị Huyền	Trang	12/12/1995	Nữ	Giỏi	Kế toán	VB 2
99	186523403010022	Nguyễn Thị Thùy	Vân	19/07/1996	Nữ	Khá	Kế toán	VB 2
100	186523403010023	Nguyễn Minh	Vương	01/09/1991	Nam	Khá	Kế toán	VB 2
101	155D3403010374	LÊ THỊ	AN	26/12/1997	Nữ	Trung bình	Kế toán	
102	165TDV100305	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	04/02/1998	Nam	Trung bình	Kế toán	
103	165TDV100490	NGÔ THỊ MỸ	DUYÊN	08/02/1998	Nữ	Khá	Kế toán	
104	165TDV100217	HỒ XUÂN	HIẾU	22/09/1998	Nam	Trung bình	Kế toán	
105	165TDV100506	NGUYỄN THỊ THU	HƯỜNG	14/05/1998	Nữ	Khá	Kế toán	
106	165TDV100372	PHAN THỊ	LINH	13/08/1998	Nữ	Khá	Kế toán	
107	165TDV100102	TRẦN THỊ YẾN	LINH	20/11/1998	Nữ	Trung bình	Kế toán	
108	165TDV100194	ĐẬU THỊ	LOAN	12/03/1998	Nữ	Khá	Kế toán	
109	165TDV100348	THÁI THỊ	NGỌC	10/11/1998	Nữ	Khá	Kế toán	
110	165TDV100639	TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG	NHI	24/11/1998	Nữ	Trung bình	Kế toán	
111	165TDV100209	NGUYỄN HỮU	PHƯỚC	21/02/1998	Nam	Trung bình	Kế toán	
112	165TDV100335	TRẦN THỊ LAN	PHƯƠNG	06/01/1998	Nữ	Trung bình	Kế toán	
113	155D3403010515	NGUYỄN HỮU	TÀI	09/01/1997	Nam	Trung bình	Kế toán	
114	165TDV100651	NGUYỄN CHÍ	THÀNH	28/12/1998	Nam	Trung bình	Kế toán	
115	165TDV100074	CAO THỊ PHƯƠNG	THẢO	24/08/1998	Nữ	Khá	Kế toán	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
116	165TDV100315	BÙI PHƯƠNG	THUY	09/01/1998	Nữ	Trung bình	Kế toán	
117	165TDV100538	NGUYỄN THỊ	THUY	20/06/1998	Nữ	Trung bình	Kế toán	
118	165TDV100549	ĐOÀN THỊ THANH	THUY	22/03/1998	Nữ	Trung bình	Kế toán	
119	155D3403010092	TRƯỜNG THỊ	TUYẾT	13/07/1995	Nữ	Khá	Kế toán	
120	155D3403010493	TRẦN THỊ TÓ	UYÊN	04/03/1997	Nữ	Trung bình	Kế toán	
121	165TDV300047	LÊ THỊ	HUYỀN	16/04/1998	Nữ	Khá	Khoa học môi trường	
122	165TDV300002	PHAN TÙNG	LÂM	06/09/1998	Nam	Trung bình	Khoa học môi trường	
123	165TDV300013	DƯƠNG THỊ THÙY	LINH	23/07/1998	Nữ	Khá	Khoa học môi trường	
124	165TDV300052	LÊ QUANG	MINH	19/01/1998	Nam	Khá	Khoa học môi trường	
125	165TDV100368	LÊ HOÀI	NAM	01/07/1998	Nam	Khá	Kinh tế	
126	165TDV100339	NGHIÊM THỊ NGỌC	TRÂM	14/09/1998	Nữ	Khá	Kinh tế	
127	155D5202070014	NGUYỄN TUẤN	BẢO	13/06/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật điện tử, truyền thông	
128	145D5202070039	Hoàng Đình	Khánh	02/12/1996	Nam	Khá	Kỹ thuật điện tử, truyền thông	
129	155D5202160070	NGUYỄN VĂN ĐỨC	ANH	07/11/1995	Nam	Trung bình	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
130	155D5202160093	NGUYỄN ĐÌNH	CƯỜNG	09/02/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
131	155D5202160046	ĐẶNG QUANG	ĐỨC	24/08/1996	Nam	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
132	135D5202160049	Nguyễn Gia	Đức	27/08/1992	Nam	Trung bình	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
133	145D5202160116	Hồ Đức	Hạnh	27/02/1995	Nam	Trung bình	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
134	155D5202160018	NGUYỄN VIỆT	HIỀN	01/10/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
135	155D5202160065	HỒ HUY	HOÀNG	27/12/1997	Nam	Trung bình	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
136	145D5202160106	Nguyễn Khánh	Linh	20/04/1995	Nam	Trung bình	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
137	155D5202160079	NGUYỄN TẮT	TRƯỜNG	28/01/1997	Nam	Trung bình	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
138	155D5802080162	LÂU A	BLÔNG	02/09/1997	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng	
139	1251065858	Lê Quốc	Chung	26/11/1994	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng	
140	135D5802080003	Hoàng Hữu	Đắc	10/06/1995	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng	
141	135D5802080051	Hồ Minh	Đức	30/10/1994	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng	
142	155D5802080207	NGUYỄN KHÂM	HÁN	13/12/1997	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng	
143	155D5802080047	TRẦN BẢO	HOÀNG	05/04/1997	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng	
144	155D5802080017	ĐINH VĂN	HÙNG	25/03/1996	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng	
145	155D5802080018	PHAN PHI	HÙNG	11/02/1996	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng	
146	135D5802080086	Nguyễn Việt	Lâm	24/08/1995	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng	
147	155D5802080060	PHAN TRỌNG	NGHĨA	19/03/1997	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng	
148	145D5802080025	Vương Văn	Sao	28/03/1996	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng	
149	155D5802080123	VÕ HỒNG	THÁI	21/07/1996	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng	
150	155D5802080185	LÊ VĂN	THUẬN	18/09/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng	
151	155D5802080016	NGUYỄN ĐÌNH	TÍN	09/07/1997	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng	
152	155D5802080126	NGUYỄN HỮU	TUỆ	20/06/1996	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng	
153	145D5802082001	Vi Thanh	Tùng	27/07/1996	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng	
154	155D5802050054	TRẦN HIẾU QUANG	ANH	11/01/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
155	155D5802050057	NGUYỄN TIẾN	NGỌC	28/04/1996	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
156	155D5802050047	NGUYỄN CẢNH	NHẬT	13/01/1996	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
157	155D5802050083	TRẦN NGỌC	QUÝ	08/03/1997	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
158	135D5802050144	Nguyễn Đức	Quyết	06/04/1994	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
159	155D5802050069	ĐÀO VĂN	SƠN	14/10/1996	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
160	145D5802050084	Hồ Hữu	Thiệu	12/02/1995	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
161	155D5802050032	PHẠM BÁ	THƯỚC	25/12/1996	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
162	155D3801010328	VĂN VĨNH MINH	CHIẾN	01/04/1997	Nam	Khá	Luật	
163	165TDV400271	DƯƠNG TUẤN	DŨNG	29/12/1998	Nam	Khá	Luật	
164	145D3801010420	Nguyễn Huy	Hùng	06/07/1996	Nam	Trung bình	Luật	
165	155D7601010035	NGUYỄN THỊ MỸ	LINH	25/10/1997	Nữ	Giỏi	Luật	
166	155D3801010070	NGUYỄN HỮU	MAI	10/10/1997	Nam	Khá	Luật	
167	155D3801010308	NGUYỄN XUÂN	MẠNH	11/10/1993	Nam	Trung bình	Luật	
168	165TDV400496	Lô Thị	Mơ	29/07/1997	Nữ	Trung bình	Luật	
169	165TDV400167	NGUYỄN THỊ	MƠ	10/08/1998	Nữ	Khá	Luật	
170	165TDV400373	NGUYỄN VĂN	SƠN	04/10/1998	Nam	Khá	Luật	
171	155D3102010019	NGUYỄN VĂN	THẮNG	01/06/1995	Nam	Khá	Luật	
172	155D3801010060	TRẦN TIẾN	THÀNH	04/10/1997	Nam	Trung bình	Luật	
173	155D3801010341	NGUYỄN VĂN	THOÁNG	30/03/1996	Nam	Khá	Luật	
174	165TDV400239	NGUYỄN NGỌC THỦY	TIÊN	26/03/1998	Nữ	Khá	Luật	
175	165TDV400416	Lô Thị	Hoài	10/06/1997	Nữ	Khá	Luật kinh tế	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
176	165TDV400299	VŨ HUY	HOÀNG	03/11/1998	Nam	Trung bình	Luật kinh tế	
177	165TDV400207	TRẦN THANH	LÂM	10/04/1998	Nam	Trung bình	Luật kinh tế	
178	155D3801070421	NGUYỄN THỊ	TÂM	02/10/1997	Nữ	Khá	Luật kinh tế	
179	155D3801070522	HỒ THỊ THÚY	THOM	19/10/1997	Nữ	Khá	Luật kinh tế	
180	135D3801070381	Cao Anh	Tuấn	26/07/1995	Nam	Khá	Luật kinh tế	
181	165TDV400246	PHAN VĂN	VƯƠNG	05/06/1997	Nam	Trung bình	Luật kinh tế	
182	165D22020100007	NGUYỄN THỊ KIM	ANH	28/01/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
183	155D2202010120	HỒ THỊ QUỲNH	GIANG	03/09/1997	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
184	155D2202010213	TRẦN HUY HOÀNG	MINH	23/04/1997	Nam	Khá	Ngôn ngữ Anh	
185	165D22020100095	DƯƠNG THỊ	NGÂN	30/06/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
186	165D22020100166	LÊ THỊ	NGHĨA	16/06/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
187	165TDV300094	Lữ Văn	Tới	25/12/1996	Nam	Trung bình	Nuôi trồng thủy sản	
188	155D8501010037	NGUYỄN THANH	HẬU	04/05/1997	Nam	Trung bình	Quản lý tài nguyên và môi trường	
189	155D8501010076	LÊ THỊ DIỆU	LINH	05/10/1997	Nữ	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường	
190	135D8501010239	Nguyễn Thụy Trung	Phúc	27/10/1994	Nam	Trung bình	Quản lý tài nguyên và môi trường	
191	155D2203420025	Lữ Thị	Em	04/04/1996	Nữ	Trung bình	Quản lý văn hoá	
192	145D2203420006	Lô Thảo	Hương	29/01/1995	Nữ	Khá	Quản lý văn hoá	
193	155D2203420022	Hồ Văn	Nạc	29/06/1995	Nam	Khá	Quản lý văn hoá	
194	155D2203420030	Cụt Văn	Xim	22/01/1996	Nam	Trung bình	Quản lý văn hoá	
195	165TDV100719	NGUYỄN ĐỨC	ANH	20/07/1998	Nam	Khá	Quản trị kinh doanh	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
196	165TDV100661	PHAN HOÀNG KHÁNH	LINH	14/05/1998	Nữ	Khá	Quản trị kinh doanh	
197	155D3401010171	NGUYỄN THỊ	THƯƠNG	31/08/1997	Nữ	Khá	Quản trị kinh doanh	
198	155D3401010185	VÕ THUY	TIÊN	24/02/1997	Nữ	Khá	Quản trị kinh doanh	
199	165TDV100422	BÙI THỊ THU	TRANG	08/05/1998	Nữ	Khá	Quản trị kinh doanh	
200	155D1402191033	TRẦN THỊ NGỌC	ÁNH	25/08/1997	Nữ	Giỏi	Sư phạm Địa lý	
201	155D1402191035	TRẦN NHẬT	LINH	26/09/1997	Nam	Trung bình	Sư phạm Địa lý	
202	135D1402121023	Đào Văn	Hiếu	24/01/1995	Nam	Trung bình	Sư phạm Hóa học	
203	145D1402181013	Lê Thị Thùy	Linh	10/10/1996	Nữ	Trung bình	Sư phạm Lịch sử	
204	145D1402181045	Nguyễn Thị Hằng	Nga	06/05/1996	Nữ	Trung bình	Sư phạm Lịch sử	
205	145D1402181090	Nguyễn Thị Kiều	Trinh	25/10/1996	Nữ	Khá	Sư phạm Lịch sử	
206	165TDV600026	THÁI THỊ	LINH	06/01/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Ngữ văn	
207	165TDV600165	PHAN THỊ KIỀU	TRINH	02/09/1998	Nữ	Trung bình	Sư phạm Ngữ văn	
208	165TDV500125	NGUYỄN THỊ THÙY	DƯƠNG	06/02/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Sinh học	
209	165TDV500044	LÊ THỊ	QUỲNH	22/10/1997	Nữ	Khá	Sư phạm Sinh học	
210	165D14023100045	NGUYỄN MINH	ANH	19/09/1998	Nữ	Khá	Sư phạm tiếng Anh	
211	165D22020100030	NGUYỄN THỊ THÙY	HÀ	05/01/1998	Nữ	Khá	Sư phạm tiếng Anh	
212	165D22020100006	NGUYỄN THỊ	HẰNG	11/08/1998	Nữ	Khá	Sư phạm tiếng Anh	
213	165D22020100073	TRẦN THU	HIỀN	16/01/1998	Nữ	Khá	Sư phạm tiếng Anh	
214	165D22020100110	ĐẶNG THỊ	HOÀI	06/02/1998	Nữ	Khá	Sư phạm tiếng Anh	
215	165D22020100094	TRẦN THỊ	LY	02/10/1998	Nữ	Khá	Sư phạm tiếng Anh	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
216	165D14023100020	NGUYỄN THỊ HỒNG	MÂY	05/10/1998	Nữ	Giỏi	Sư phạm tiếng Anh	
217	165D22020100070	NGUYỄN THỊ	THƯƠNG	04/02/1998	Nữ	Khá	Sư phạm tiếng Anh	
218	135D1402091044	Võ Anh	Tú	23/08/1993	Nam	Giỏi	Sư phạm tiếng Anh	
219	165TDV500032	NGÔ TRƯỜNG	AN	30/04/1997	Nữ	Xuất sắc	Sư phạm Tin học	
220	165TDV500103	NGUYỄN THỊ NGỌC	ANH	18/10/1998	Nữ	Xuất sắc	Sư phạm Tin học	
221	165TDV500115	NGUYỄN ĐÀO NGỌC	ÁNH	30/09/1998	Nữ	Giỏi	Sư phạm Tin học	
222	165TDV500104	MẠNH THỊ	CHINH	01/01/1998	Nữ	Xuất sắc	Sư phạm Tin học	
223	165TDV510182	CAO XUÂN	CHUẨN	16/06/1998	Nam	Khá	Sư phạm Tin học	
224	165TDV510192	NGUYỄN THỊ	DINH	24/07/1998	Nữ	Xuất sắc	Sư phạm Tin học	
225	165TDV500076	PHẠM THỊ THUYẾT	DUNG	23/02/1998	Nữ	Giỏi	Sư phạm Tin học	
226	165TDV500085	NGUYỄN THỊ	HẠNH	26/01/1997	Nữ	Khá	Sư phạm Tin học	
227	165TDV500116	DƯƠNG VÕ MAI	HƯƠNG	20/04/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Tin học	
228	165TDV500155	TRẦN THỊ	HUYỀN	28/05/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Tin học	
229	165TDV500016	NGUYỄN THỊ NGỌC	KHÁNH	06/03/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Tin học	
230	165TDV500030	PHAN THỊ	LAM	05/02/1998	Nữ	Xuất sắc	Sư phạm Tin học	
231	165TDV500154	TRẦN THỊ	LÂM	12/01/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Tin học	
232	165TDV500159	NGÔ THỊ HỒNG	LY	20/02/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Tin học	
233	165TDV500134	NGUYỄN THỊ BÍCH	NGỌC	02/10/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Tin học	
234	165TDV500063	LƯƠNG THỊ THẢO	NGUYỄN	12/10/1997	Nữ	Khá	Sư phạm Tin học	
235	165TDV500077	LÊ THỊ	NHÀN	10/03/1997	Nữ	Khá	Sư phạm Tin học	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
236	165TDV500056	LÊ THỊ NHƯ	QUỲNH	09/02/1996	Nữ	Khá	Sư phạm Tin học	
237	165TDV500162	LÊ THỊ	THU	20/05/1997	Nữ	Khá	Sư phạm Tin học	
238	165TDV500129	ĐẶNG THỊ	THƯƠNG	26/03/1998	Nữ	Giỏi	Sư phạm Tin học	
239	165TDV500115	NGUYỄN ĐÀO NGỌC	ÁNH	30/09/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học	
240	165TDV500099	NGUYỄN VĂN	ĐẠT	03/08/1998	Nam	Khá	Sư phạm Toán học	
241	165TDV500008	NGUYỄN THỊ NGỌC	DIỄM	10/10/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học	
242	165TDV500003	BÙI THỊ	NGỌC	07/05/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học	
243	165TDV500100	PHẠM THỊ BẢO	NGỌC	12/11/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học	
244	165TDV500028	NGUYỄN VĂN AN	PHA	28/02/1997	Nam	Trung bình	Sư phạm Toán học	
245	165TDV500056	LÊ THỊ NHƯ	QUỲNH	09/02/1996	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học	
246	165TDV500065	NGUYỄN THỊ	THƠ	29/10/1998	Nữ	Giỏi	Sư phạm Toán học	
247	165TDV500097	LẠI NGUYỄN NGỌC	TRÂN	06/12/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học	
248	165TDV500174	NGÔ THỊ THU	TRANG	18/03/1997	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học	
249	145D1402111112	Vũ Tuấn	Hoàng	08/08/1996	Nam	Khá	Sư phạm Vật lý	
250	135D3402010023	Ngô Quang	Linh	22/03/1994	Nam	Trung bình	Tài chính - Ngân hàng	
251	165TDV400494	HOÀNG PHI	LONG	01/10/1998	Nam	Trung bình	Việt Nam học	

Danh sách có 251 (hai trăm năm mươi một) sinh viên tốt nghiệp./.

Số: 23 /QĐ-DHV

Nghệ An, ngày 07 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng đại học hệ chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Căn cứ Luật Giáo dục; Luật Giáo dục Đại học và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường ĐHSP Vinh thành Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT;

Căn cứ Quyết định số 22/2001/QĐ-BGDĐT ngày 26/6/2001 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đào tạo để cấp bằng tốt nghiệp đại học thứ hai;

Căn cứ Quyết định số 1016/QĐ-ĐHV ngày 22/10/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Kết luận của Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp đại học hệ chính quy của Trường Đại học Vinh tại phiên họp ngày 15/10/2020;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng đại học hệ chính quy đợt tháng 01 năm 2021 cho 45 sinh viên (danh sách kèm theo), trong đó:

Stt	Ngành tốt nghiệp	Số lượng
1.	Chính trị học	1
2.	Công nghệ thông tin	10
3.	Công nghệ thực phẩm	1
4.	Giáo dục mầm non	2
5.	Kế toán	8
6.	Kế toán (Văn bằng 2)	4
7.	Khoa học máy tính	1
8.	Kỹ thuật điện tử, truyền thông	1
9.	Kỹ thuật xây dựng	1
10.	Luật	4

2

11.	Luật kinh tế	3
12.	Ngôn ngữ Anh	5
13.	Nông học	1
14.	Quản lý tài nguyên và môi trường	1
15.	Việt Nam học	2
	Tổng:	45

Xếp loại:

- Giỏi: 02 sinh viên
- Khá: 22 sinh viên
- Trung bình: 21 sinh viên

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng các đơn vị: Đào tạo, Công tác chính trị - Học sinh, sinh viên, Kế hoạch - Tài chính, Hành chính Tổng hợp; Trưởng các đơn vị liên quan; Trưởng các khoa, viện và các sinh viên có tên tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / . *đ*

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Bộ GD&ĐT (b/c);
- Lưu: HCTH, ĐT. ✓

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Trần Bá Tiên



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG ĐẠI HỌC
HỆ CHÍNH QUY, THÁNG 01/2021**

Kèm theo Quyết định số: 23 /QĐ-ĐHV ngày 07 /01/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
1	155D3102010010	HOA HẢI	ÂU	13/09/1996	Nam	Khá	Chính trị học	
2	135D4802010135	Phạm Công Tuấn	Anh	20/02/1995	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin	
3	155D4802010052	NGŨ MẠNH	DŨNG	28/07/1997	Nam	Khá	Công nghệ thông tin	
4	145D4802010006	Hoàng Văn	Hậu	04/08/1996	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin	
5	155D4802010109	ĐẶNG HỮU	HOÀNG	17/10/1997	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin	
6	155D4802010001	VƯƠNG THÁI	HỮU	09/08/1997	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin	
7	155D4802010044	NGUYỄN VĂN	HUY	26/01/1997	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin	
8	155D4802010227	Trần Quốc	Long	10/03/1996	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin	
9	145D4802010148	Phan Văn	Sơn	13/01/1996	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin	
10	155D4802010020	PHẠM THỊ	TÂM	02/02/1997	Nữ	Khá	Công nghệ thông tin	
11	145D4802010065	Nguyễn Ngọc	Vũ	28/03/1996	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin	
12	155D5401010099	NGUYỄN THỊ	HUẾ	29/10/1997	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm	
13	175D1402015002	Nguyễn Thị	Huyền	10/10/1985	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non	
14	175D1402015005	Nguyễn Thị	Minh	06/03/1995	Nữ	Trung bình	Giáo dục mầm non	
15	176523403010023	Vương Thị	Phương	16/09/1995	Nữ	Khá	Kế toán	VB 2
16	17652340301VB2037	Nguyễn Bá	Thông	10/10/1992	Nữ	Khá	Kế toán	VB 2
17	176523403010031	Phạm Huyền	Trang	12/06/1992	Nữ	Khá	Kế toán	VB 2
18	176523403010004	Đặng Thành	Trung	05/08/1983	Nữ	Khá	Kế toán	VB 2
19	165TDV100425	NGUYỄN THỊ	NGA	08/08/1997	Nữ	Trung bình	Kế toán	
20	165TDV100373	HỒ THỊ	QUỲNH	29/07/1998	Nữ	Trung bình	Kế toán	
21	145D3403010014	Lê Thị Huyền	Trang	14/08/1993	Nữ	Trung bình	Kế toán	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
22	165TDV100017	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	06/02/1998	Nữ	Khá	Kế toán	
23	165TDV100205	VÕ THỊ QUỲNH	TRANG	02/08/1998	Nữ	Khá	Kế toán	
24	175D3403015003	Lê Thị Ngọc	Tú	05/08/1991	Nữ	Khá	Kế toán	
25	165TDV100196	LÊ THỊ	YẾN	10/10/1998	Nữ	Khá	Kế toán	
26	165TDV100461	MAI THỊ HẢI	YẾN	16/03/1998	Nữ	Trung bình	Kế toán	
27	145D4801010030	Trần Văn	Tùng	25/06/1996	Nam	Trung bình	Khoa học máy tính	
28	145D5202070003	Lê Văn	Tuấn	28/10/1995	Nam	Trung bình	Kỹ thuật điện tử, truyền thông	
29	155D5802085014	Nguyễn Đức	Quỳnh	14/04/1991	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng	
30	165TDV400565	TRẦN QUỐC	BẢO	07/06/1998	Nam	Trung bình	Luật	
31	165TDV400270	LÔ GIANG	BÚP	23/05/1998	Nữ	Trung bình	Luật	
32	155D3801010145	NGUYỄN ĐÌNH	PHÚC	27/09/1997	Nam	Khá	Luật	
33	165TDV400630	HOÀNG BẢO	THƯỢNG	14/10/1998	Nam	Khá	Luật	
34	165TDV400313	TỔNG THỊ THỦY	DUNG	18/11/1998	Nữ	Khá	Luật kinh tế	
35	155D3801070125	ĐÌNH VĂN	HẢI	21/11/1997	Nam	Khá	Luật kinh tế	
36	155D3801070399	NGUYỄN NGỌC	SƠN	14/08/1997	Nam	Trung bình	Luật kinh tế	
37	165D22020100006	NGUYỄN THỊ	HẰNG	11/08/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
38	165D22020100099	NGUYỄN THỊ	HIỀN	01/02/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
39	165D22020100110	ĐẶNG THỊ	HOÀI	06/02/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
40	165D22020100071	LÊ THỊ HỒNG	LAM	25/01/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
41	165D22020100062	ĐẶNG THỊ	LY	20/03/1998	Nữ	Giỏi	Ngôn ngữ Anh	
42	155D6201090012	LÊ CÔNG	TUẤN	07/11/1997	Nam	Trung bình	Nông học	
43	145D8501010178	Lưu Thục	Uyên	18/06/1996	Nữ	Trung bình	Quản lý tài nguyên và môi trường	
44	165TDV400613	TRỊNH THỊ LAM	GIANG	11/09/1998	Nữ	Giỏi	Việt Nam học	
45	165TDV400409	LÊ THỊ	PHƯỢNG	03/02/1998	Nữ	Khá	Việt Nam học	

Danh sách có 45 (bốn mươi lăm) sinh viên tốt nghiệp./.

Số: 23 /QĐ-DHV

Nghệ An, ngày 07 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng đại học hệ chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Căn cứ Luật Giáo dục; Luật Giáo dục Đại học và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường ĐHSP Vinh thành Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT;

Căn cứ Quyết định số 22/2001/QĐ-BGDĐT ngày 26/6/2001 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đào tạo để cấp bằng tốt nghiệp đại học thứ hai;

Căn cứ Quyết định số 1016/QĐ-ĐHV ngày 22/10/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Kết luận của Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp đại học hệ chính quy của Trường Đại học Vinh tại phiên họp ngày 15/10/2020;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng đại học hệ chính quy đợt tháng 01 năm 2021 cho 45 sinh viên (danh sách kèm theo), trong đó:

Stt	Ngành tốt nghiệp	Số lượng
1.	Chính trị học	1
2.	Công nghệ thông tin	10
3.	Công nghệ thực phẩm	1
4.	Giáo dục mầm non	2
5.	Kế toán	8
6.	Kế toán (Văn bằng 2)	4
7.	Khoa học máy tính	1
8.	Kỹ thuật điện tử, truyền thông	1
9.	Kỹ thuật xây dựng	1
10.	Luật	4

11.	Luật kinh tế	3
12.	Ngôn ngữ Anh	5
13.	Nông học	1
14.	Quản lý tài nguyên và môi trường	1
15.	Việt Nam học	2
	Tổng:	45

Xếp loại:

- Giỏi: 02 sinh viên
- Khá: 22 sinh viên
- Trung bình: 21 sinh viên

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng các đơn vị: Đào tạo, Công tác chính trị - Học sinh, sinh viên, Kế hoạch - Tài chính, Hành chính Tổng hợp; Trưởng các đơn vị liên quan; Trưởng các khoa, viện và các sinh viên có tên tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /./ *đ*

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Bộ GD&ĐT (b/c);
- Lưu: HCTH, ĐT. ✓

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Trần Bá Tiến



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG ĐẠI HỌC
HỆ CHÍNH QUY, THÁNG 01/2021**

Kèm theo Quyết định số: **23** /QĐ-ĐHV ngày **07** /01/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
1	155D3102010010	HOA HẢI	ÂU	13/09/1996	Nam	Khá	Chính trị học	
2	135D4802010135	Phạm Công Tuấn	Anh	20/02/1995	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin	
3	155D4802010052	NGŨ MẠNH	DŨNG	28/07/1997	Nam	Khá	Công nghệ thông tin	
4	145D4802010006	Hoàng Văn	Hậu	04/08/1996	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin	
5	155D4802010109	ĐẶNG HỮU	HOÀNG	17/10/1997	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin	
6	155D4802010001	VƯƠNG THÁI	HỮU	09/08/1997	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin	
7	155D4802010044	NGUYỄN VĂN	HUY	26/01/1997	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin	
8	155D4802010227	Trần Quốc	Long	10/03/1996	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin	
9	145D4802010148	Phan Văn	Sơn	13/01/1996	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin	
10	155D4802010020	PHẠM THỊ	TÂM	02/02/1997	Nữ	Khá	Công nghệ thông tin	
11	145D4802010065	Nguyễn Ngọc	Vũ	28/03/1996	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin	
12	155D5401010099	NGUYỄN THỊ	HUẾ	29/10/1997	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm	
13	175D1402015002	Nguyễn Thị	Huyền	10/10/1985	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non	
14	175D1402015005	Nguyễn Thị	Minh	06/03/1995	Nữ	Trung bình	Giáo dục mầm non	
15	176523403010023	Vương Thị	Phương	16/09/1995	Nữ	Khá	Kế toán	VB 2
16	17652340301VB2037	Nguyễn Bá	Thông	10/10/1992	Nữ	Khá	Kế toán	VB 2
17	176523403010031	Phạm Huyền	Trang	12/06/1992	Nữ	Khá	Kế toán	VB 2
18	176523403010004	Đặng Thành	Trung	05/08/1983	Nữ	Khá	Kế toán	VB 2
19	165TDV100425	NGUYỄN THỊ	NGA	08/08/1997	Nữ	Trung bình	Kế toán	
20	165TDV100373	HỒ THỊ	QUỲNH	29/07/1998	Nữ	Trung bình	Kế toán	
21	145D3403010014	Lê Thị Huyền	Trang	14/08/1993	Nữ	Trung bình	Kế toán	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
22	165TDV100017	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	06/02/1998	Nữ	Khá	Kế toán	
23	165TDV100205	VÕ THỊ QUỲNH	TRANG	02/08/1998	Nữ	Khá	Kế toán	
24	175D3403015003	Lê Thị Ngọc	Tú	05/08/1991	Nữ	Khá	Kế toán	
25	165TDV100196	LÊ THỊ	YẾN	10/10/1998	Nữ	Khá	Kế toán	
26	165TDV100461	MAI THỊ HẢI	YẾN	16/03/1998	Nữ	Trung bình	Kế toán	
27	145D4801010030	Trần Văn	Tùng	25/06/1996	Nam	Trung bình	Khoa học máy tính	
28	145D5202070003	Lê Văn	Tuấn	28/10/1995	Nam	Trung bình	Kỹ thuật điện tử, truyền thông	
29	155D5802085014	Nguyễn Đức	Quỳnh	14/04/1991	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng	
30	165TDV400565	TRẦN QUỐC	BẢO	07/06/1998	Nam	Trung bình	Luật	
31	165TDV400270	LÔ GIANG	BÚP	23/05/1998	Nữ	Trung bình	Luật	
32	155D3801010145	NGUYỄN ĐÌNH	PHÚC	27/09/1997	Nam	Khá	Luật	
33	165TDV400630	HOÀNG BẢO	THƯỢNG	14/10/1998	Nam	Khá	Luật	
34	165TDV400313	TỔNG THỊ THÙY	DUNG	18/11/1998	Nữ	Khá	Luật kinh tế	
35	155D3801070125	ĐÌNH VĂN	HẢI	21/11/1997	Nam	Khá	Luật kinh tế	
36	155D3801070399	NGUYỄN NGỌC	SƠN	14/08/1997	Nam	Trung bình	Luật kinh tế	
37	165D22020100006	NGUYỄN THỊ	HẰNG	11/08/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
38	165D22020100099	NGUYỄN THỊ	HIỀN	01/02/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
39	165D22020100110	ĐẶNG THỊ	HOÀI	06/02/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
40	165D22020100071	LÊ THỊ HỒNG	LAM	25/01/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
41	165D22020100062	ĐẶNG THỊ	LY	20/03/1998	Nữ	Giỏi	Ngôn ngữ Anh	
42	155D6201090012	LÊ CÔNG	TUẤN	07/11/1997	Nam	Trung bình	Nông học	
43	145D8501010178	Lưu Thục	Uyên	18/06/1996	Nữ	Trung bình	Quản lý tài nguyên và môi trường	
44	165TDV400613	TRỊNH THỊ LAM	GIANG	11/09/1998	Nữ	Giỏi	Việt Nam học	
45	165TDV400409	LÊ THỊ	PHƯỢNG	03/02/1998	Nữ	Khá	Việt Nam học	

Danh sách có 45 (bốn mươi lăm) sinh viên tốt nghiệp./.